

LÒCH SÖÛ
ÑAÏNG BOÄXAÕCAÏ NEÄ
(1945 - 2014)

**ĐẢNG BỘ HUYỆN ĐẠI TỪ
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ CÁT NÊ**

**LỊCH SỬ
NĂM BOA XA O CA TỪ NE A
(1945 - 2014)**

XUẤT BẢN NĂM 2015

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ CÁT NÊ
(1945 - 2014)

Chịu trách nhiệm nội dung

Đồng chí Đỗ Thanh Tâm - Bí thư Đảng ủy xã Cát Nê

Khóa XX (nhiệm kỳ 2010 - 2015)

Ban chỉ đạo

Đ/c Đỗ Thanh Tâm	Bí thư Đảng ủy	Trưởng ban
Đ/c Dương Văn Việt	PBT TT ĐU	Phó ban
Đ/c Hoàng Xuân Chiến	PBT ĐU - CT.UBND	Phó ban
Đ/c Dương Văn Đông	UV BTV - CT.MTTQ	Ủy viên
Đ/c Vũ Ngọc Chiêu	UV BTV - PCT.UBND	Ủy viên
Đ/c Bùi Văn Vượng	Phó TBTG HU Đại Từ	Ủy viên

Ban sưu tầm

Đ/c Dương Văn Việt	Phó Bí thư TTĐU	Trưởng ban
Đ/c Vũ Ngọc Chiêu	UV BTV - PCT.UBND	Phó ban
Đ/c Dương Văn Niên	UV BCH - PCT.HĐND	Phó ban
Đ/c Phạm Tứ Nguyên	Nguyên BT Đảng ủy	Thành viên
Đ/c Vũ Minh Cách	Nguyên CT.UBND	Thành viên
Đ/c Nguyễn Trọng	Đảng viên lão thành	Thành viên
Đ/c Trần Phát	Đảng viên lão thành	Thành viên
Đ/c Nguyễn Thị Thảo	Cán bộ văn phòng	Thành viên
Đ/c Hà Thị Liễu	Cán bộ văn hóa	Thành viên
Đ/c Dương Văn Đức	Cán bộ văn phòng	Thành viên
Đ/c Trần Nhật Thăng	Bí thư Đoàn Thanh niên	Thành viên

LÔI GIỜU THIEÛ

Chi bộ Đảng xã Cát Nê được thành lập năm 1945 (đến năm 1967 chính thức chuyển thành Đảng bộ) là Chi bộ Đảng đầu tiên ở khu vực phía nam huyện Đại Từ. Trải qua gần 70 năm (1945 - 2014) xây dựng và trưởng thành, Chi bộ - Đảng bộ xã đã lãnh đạo nhân dân đoàn kết, đóng góp tích cực vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội, được Đảng và Nhà nước tuyên dương, trao tặng nhiều phần thưởng cao quý. Theo Quyết định số 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ, Cát Nê được công nhận là xã An toàn khu (ATK) thời kỳ kháng chiến chống Pháp.

Những thành tích to lớn của Đảng bộ và nhân dân Cát Nê qua các thời kỳ cần được lịch sử ghi chép lại một cách khoa học. Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TU ngày 31/12/2002 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên, được sự đồng ý của Ban Thường vụ Huyện ủy Đại Từ, thể theo nguyện vọng của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Cát Nê khóa XX (nhiệm kỳ 2010 - 2015) quyết định tổ chức sưu

*tâm, biên soạn, xuất bản cuốn **Lịch sử Đảng bộ xã Cát Nê (1945 - 2014).***

Nội dung cuốn sách tái hiện lại một cách khách quan khoa học quá trình xây dựng, trưởng thành, những bước thăng trầm của Chi bộ, Đảng bộ từ khi thành lập đến nay; những đóng góp lớn của cán bộ, đảng viên và nhân dân Cát Nê qua các thời kỳ. Trên cơ sở đó, cuốn sách đúc rút một số kinh nghiệm chính trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ. Với các nội dung trên, cuốn sách là một tài liệu quý góp phần giáo dục lịch sử, truyền thống cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã, đồng thời là tài liệu để Đảng bộ xã nghiên cứu, đúc rút kinh nghiệm, vận dụng vào công tác xây dựng Đảng, lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trong quá trình sưu tầm tư liệu, biên soạn cuốn sách, Ban biên soạn luôn phối hợp chặt chẽ với Ban chỉ đạo, Ban sưu tầm tổ chức gặp gỡ, trao đổi với các nhân chứng sống trên địa bàn đồng thời tận tâm nghiên cứu các nguồn tư liệu thành văn còn lưu lại trong các kho lưu trữ của tỉnh, huyện. Trên cơ sở đó, Ban Chấp hành Đảng bộ xã đã tổ chức nhiều buổi hội thảo, tọa đàm theo từng giai đoạn lịch sử. Trong quá trình thực hiện,

Đảng ủy xã Cát Nê thường xuyên nhận được sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Thường vụ trực tiếp là Ban Tuyên giáo Huyện ủy Đại Từ; sự giúp đỡ nhiệt tình của các đồng chí cán bộ chủ chốt xã qua các thời kỳ, cán bộ tiên khởi nghĩa đã từng ở và làm việc trên địa bàn.

Nguyện vọng của Đảng bộ và toàn thể nhân dân xã Cát Nê là tái hiện tương đối chính xác, phong phú lịch sử Đảng bộ trong gần 70 năm. Song do hậu quả của chiến tranh và thiên tai, phần lớn các tư liệu bị thất lạc, các nhân chứng sống ở thời kỳ đầu đã mai một, do đó, cuốn sách không tránh khỏi một số hạn chế nhất định. Đảng ủy rất mong nhận được sự đóng góp của độc giả để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong lần tái bản.

TM. BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ CÁT NÊ

BÍ THƯ

ĐỖ THANH TÂM

Chöông Môũnài

CAÛ NEÂN- VUÔNG NÃÁI, CON NGÖÖ

VAØTRUYEÀN THOÁNG

I. Điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và quá trình hình thành, phát triển của xã Cát Nê

Cát Nê là xã miền núi nằm ở phía đông nam huyện Đại Từ, cách trung tâm huyện 14 km, bao quanh xã là dãy núi Thần Lăn, dãy Tam Đảo và những ngọn núi thấp ở phía nam như: Soi Giữa, Soi cụ Huỳnh. Vì vậy, nhiều thế hệ người dân nơi đây ghi nhớ vị trí đặc biệt của vùng đất này chỉ bằng câu truyền miệng: *“Thượng Đá Mài, hạ Bầu Cheo; thượng vây rồng, hạ gióng âm”*. Từ núi Đá Mài theo suối Hai Huyện đến gò Bầu Cheo, Cát Nê giáp xã Kỳ Phú ở phía tây bắc; qua dãy núi Thần Lăn giáp xã Phúc Tân (huyện Phổ Yên) ở phía đông; qua đỉnh núi Tam Đảo giáp xã Đạo Trù (huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc) ở phía tây; phía nam giáp xã Quân Chu, phía đông nam giáp thị trấn Quân Chu. Với vị trí đặc biệt này, trong những năm kháng chiến chống thực dân, đế quốc, nhiều cơ sở cách mạng và cơ quan Trung ương đã chọn Cát Nê làm điểm đứng chân.

Theo tài liệu của Công sứ Thái Nguyên Ê-si-na, từ năm 1932, so với các địa phương khác trong huyện, giao thông ở Cát Nê đã tương đối thuận tiện. Địa bàn xã có đường 38 (chính là tỉnh lộ 261 hiện nay) chạy qua dài khoảng 5 km. Trong kháng chiến chống Pháp, qua trục đường này và các con đường rừng trong dãy Tam Đảo, dãy Thần Lăn, cán bộ cách mạng của ta đã giữ vững mối liên hệ cách mạng giữa huyện Đại Từ với các huyện Định Hóa, Phổ Yên, Tam Đảo... Từ những năm 60 của thế kỷ XX, con đường này thường xuyên được Nhà nước quan tâm tu bổ, nâng cấp.

Đến năm 2014, xã có 5 km đường liên tỉnh đã rải nhựa, 6 km đường liên xóm đã đổ bê tông. Hiện nay, xã đang xây dựng con đường liên xã Cát Nê - Thâm Thịnh - Quân Chu dài 11 km, đoạn chạy qua xã Cát Nê khoảng 5,6 km (dự kiến sẽ hoàn thành vào năm 2015). Công trình hoàn thành sẽ tạo điều kiện cho việc thông thương, giao lưu kinh tế, văn hóa giữa Cát Nê với các xã trong huyện được thuận tiện hơn.

Địa hình, địa mạo của Cát Nê khi xưa chưa thuận lợi như ngày nay. Những cánh đồng dưới chân dãy Tam Đảo, dãy Thần Lăn, những khe suối ven chân đồi, núi thấp đều là lau sậy rậm rạp, hoang sơ. Cùng với quá trình lập làng, lập xóm, các thế hệ người dân Cát Nê đã cải tạo đất đai, san bằng đồi gò, tạo nên những cánh

đồng bằng phẳng. Hiện nay, phía nam và tây nam xã chủ yếu là dạng địa hình núi cao, nơi cao nhất khoảng 1.500 m so với mực nước biển; một phần phía đông bắc xã có dãy núi Thần Lăn chạy qua, độ cao trung bình khoảng 200 m, nơi cao nhất là 300 m. Những khu đất này có nhiều đồi gò, khe suối, chỉ có những dải ruộng nhỏ lượn theo các chân đồi. Xen giữa dãy Tam Đảo và dãy Thần Lăn là vùng đất tương đối bằng phẳng, độ cao trung bình khoảng 100 m và có những cánh đồng rộng có thể trồng hai vụ lúa, một vụ màu mỗi năm. Đây cũng là vựa lúa của Cát Nê.

Thổ nhưỡng ở xã chủ yếu là đất cát pha, thích hợp với nhiều loại cây như khoai lang, khoai tây, lạc. Trên địa bàn xã còn có một phần diện tích đất Feralit, phân bố chủ yếu ở ven dãy Tam Đảo và dãy Thần Lăn, phù hợp với điều kiện sinh trưởng của các loại cây lâm nghiệp, công nghiệp, đặc biệt là cây chè và cây ăn quả. Phần lớn đất ruộng trên địa bàn xã là đất dốc tụ trên nền đá mẹ gabrô, việc làm đất tương đối dễ dàng, độ pH từ 5 - 5,5 phù hợp cho việc gieo trồng cây lương thực. Ngoài ra, xã còn có một phần diện tích đất được hình thành do bồi tụ của các khe suối, có thành phần cơ giới nhẹ, tầng đất dày, tơi xốp thích hợp với các cây trồng nông nghiệp và rau quả. Theo số liệu điều tra năm 2014, Cát Nê có 2.715,39 ha, trong đó đất dùng cho sản xuất nông

nghiệp là 482,14 ha, đất lâm nghiệp là 1.814,35 ha, đất ở là 412,81 ha, còn lại là diện tích đất chưa sử dụng.

Do kiến tạo của địa hình, hầu hết các khe suối ở Cát Nê đều do nước mưa từ các đồi, núi đổ xuống tạo thành, có đặc điểm tương đối ngắn và nhỏ. Suối Đầu Cầu là suối lớn nhất, có chiều dài 4 km chạy qua các xóm: Đồng Mương, Lò Mật, Nương Dâu, Tân Lập. Suối Lọng Lạnh bắt nguồn từ dãy núi Tam Đảo, chảy qua xóm Nông Trường gặp suối Đầu Cầu ở xóm Tân Lập. Suối Đất bắt nguồn từ Khâu Sắt (xóm Đồng Nghè) phía tây dãy núi Thần Lăn gặp suối Đầu Cầu ở cuối xóm Thâm Thành. Địa bàn xã còn có chung suối Giõng Giao với thị trấn Quân Chu, suối Hai Huyện với xã Ký Phú. Hệ thống khe suối trên địa bàn đã mang lớp đất bùn màu mỡ từ các đồi núi xuống đồng ruộng, là nguồn nước tưới chủ yếu cho nông nghiệp, cây chè và các cây ăn quả. Tuy nhiên, mỗi khi có mưa lớn, ở những vùng ven khe suối thường xảy ra lũ, gây thiệt hại cho sản xuất.

Năm 1998, hồ Gò Miếu được xây dựng trong thung lũng Tam Đảo và đưa vào sử dụng từ năm 2000. Đây là hồ dự trữ nước để phục vụ sản xuất nông nghiệp cho các xã Vạn Thọ, Cát Nê, Ký Phú và hỗ trợ điều tiết nước cho hồ Núi Cốc. Trong những năm gần đây, tận dụng nguồn kinh phí của Nhà nước, huy động vốn đóng góp của nhân dân, xã xây dựng thêm một số công trình thủy lợi như:

Vai Làng, Đồng Mầu, Nông Trường đảm bảo tưới tiêu cho 45 ha lúa, chè vào mùa khô.

Từ giữa thế kỷ XX trở về trước, Cát Nê có diện tích rừng lớn, trong đó có những khu rừng nguyên sinh như: Thần Làn, Đá Chồng, Ba Gò, Tam Đảo với nhiều loại gỗ quý (sến, de, lim) và dược liệu dùng làm thuốc chữa bệnh. Trong Cách mạng tháng Tám và những năm kháng chiến chống Pháp, lực lượng vũ trang xã phối hợp với các đơn vị bộ đội đã dựa vào rừng núi để đóng quân, khi tiến thì bất ngờ, lúc rút lại nhanh gọn, là hậu cứ an toàn, kín đáo. Từ cuối thập niên 90 của thế kỷ XX, việc quản lý, khai thác và bảo vệ rừng được chính quyền xã quan tâm chỉ đạo, diện tích đồi rừng được quy hoạch lại và giao cho các hộ gia đình quản lý. Đến năm 2014, toàn xã có 1.814,35 ha đất lâm nghiệp, trong đó diện tích rừng trồng chiếm chủ yếu, với các loại cây trồng như: Keo, bạch đàn, luồng, tre, nứa...

Nhiệt độ trung bình hàng năm ở Cát Nê dao động từ 22°C đến 27°C. Lượng mưa 1.800 mm - 2.500 mm, phân bố không đều giữa các tháng và có sự chênh lệch lớn giữa mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa thường diễn ra từ tháng 4 đến tháng 10, nóng ẩm và mưa nhiều; mùa khô kéo dài từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Do mưa nhiều nên khí hậu thường ẩm ướt, độ ẩm trung bình từ 70 - 80%.

Về lịch sử hình thành của xã, căn cứ vào các tư liệu lịch sử còn lưu giữ được, có thể khẳng định từ thế kỷ XIII, vùng đất Cát Nê đã có cư dân sinh sống. Thời gian đầu, chỉ có khoảng 10 gia đình. Cùng với quá trình cộng cư, phát triển kinh tế, dân số ngày càng đông đúc, nhân dân tập trung sinh sống trong làng gọi tên là Cát Nê thuộc huyện Đại Từ, phủ Phú Bình.

Theo sách *Dư địa chí* của Nguyễn Trãi, đến thế kỷ XV, Cát Nê thuộc huyện Phổ Yên, phủ Phú Bình, thừa tuyên Ninh Sóc, từ năm 1483 thuộc xứ Thái Nguyên, từ năm 1533 thuộc trấn Thái Nguyên. Cuộc cải cách hành chính năm 1831 của vua Minh Mệnh đã quyết định đổi trấn thành tỉnh, trấn Thái Nguyên được đổi thành tỉnh Thái Nguyên. Thời kỳ này, Cát Nê là một trong 25 xã thuộc tổng Thượng Kết, huyện Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Đầu thế kỷ XX, Cát Nê được chuyển lên huyện Đại Từ và chia thành 2 làng Cát Nê và Quân Chu⁽¹⁾.

Năm 1932, Cát Nê là một làng thuộc tổng Ký Phú, huyện Đại Từ với 64 hộ, 426 nhân khẩu sinh sống ở 6 xóm: Đình (38 hộ), Mương Cầu (18 hộ), La Vĩnh (12 hộ), Đồng Gốc (6 hộ), La Hoan (5 hộ) và Xôi (3 hộ)⁽²⁾. Sau khi

⁽¹⁾ *Đảng bộ huyện Đại Từ: Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ, tập I 1930 - 1954, Xi nghiệp in Bắc Thái, 1991, tr.14.*

⁽²⁾ *Theo tài liệu lịch sử chính trị và quân sự của Pháp đang lưu giữ tại Văn phòng Tỉnh ủy Thái Nguyên.*

Cách mạng tháng Tám thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thống nhất gọi các phủ, châu, huyện đều là huyện; bỏ cấp tổng và sáp nhập nhiều làng thành xã mới; làng Cát Nê chuyển thành xã Cát Nê. Năm 1946, Cát Nê đổi tên thành xã Bình Dân, đồng thời sáp nhập xóm La Hoan, xóm Xôi vào xóm Đồng Gốc. Các xóm đều đặt lại tên mới, theo tên cán bộ cách mạng cấp trên từng hoạt động tại địa bàn: Xóm Đồng Gốc đổi thành xóm Tân Hồng (Chu Văn Tấn), xóm Mương Cầu đổi thành xóm Nhị Quý, xóm Đình đổi thành xóm Trung Đình, xóm La Vĩnh đổi thành xóm Hồng An.

Để thuận lợi cho kháng chiến, thực hiện chỉ thị của cấp trên, tháng 5/1948, xã Bình Dân hợp nhất với xã Ký Phú thành xã Phú Cát. Năm 1953, do địa bàn rộng, dân cư không tập trung gây khó khăn cho sản xuất và chỉ đạo cách mạng, cấp trên đã quyết định tách xã Phú Cát thành xã Ký Phú và Bình Dân để tiện cho công tác quản lý. Các xóm Tân Hồng, Nhị Quý, Trung Đình, Hồng An lại đổi thành tên như cũ. Cuối năm 1953, để phù hợp với tình hình mới, được sự chỉ đạo của cấp trên, chính quyền xã tách 4 xóm thành 5 xóm và đặt tên mới: Trung Nhang, La Lang, Tân Khai, Tân Phú, La Vĩnh.

Thực hiện Quyết định 119/QĐ-TCCB ngày 26/4/1966 của Bộ Nông trường về việc thành lập Nông trường chè Quân Chu, xã Bình Dân cấ 505,7 ha đất dọc từ suối Đầu

Cầu (xóm Nông Trường ngày nay) đến cầu Đội 3 (thị trấn Quân Chu) để thành lập Nông trường chè Quân Chu.

Năm 1968, khi tiến hành hợp nhất các hợp tác xã nhỏ thành hợp tác xã toàn xã, các xóm chuyển thành các đội sản xuất theo thứ tự từ đội 1 đến đội 9. Năm 1976, thực hiện chủ trương của cấp trên về việc di dân lòng hồ Núi Cốc, xã tiếp nhận gần 200 hộ dân của xã Vạn Thọ sang sinh sống, lập nên xóm Thạm Thịnh. Cũng trong năm 1976, xã Bình Dân đổi tên thành xã Cát Nê và ổn định tên gọi đến ngày nay.

Năm 1977, đội 5 tách thành đội 5 và đội 12, đội 7 tách thành đội 7 và đội 11. Vài tháng sau, đội 8 cũng tách thành đội 8 và đội 10. Như vậy, tính đến thời điểm này, toàn xã có 12 đội sản xuất và 1 xóm. Năm 1994, một số hộ dân trong xã chuyển về khu trung tâm, được sự đồng ý của cấp trên, xã lập nên xóm Đình. Năm 2000, xóm Thạm Thịnh tách thành xóm Thạm Thịnh và xóm Tân Lập.

Theo quyết định số 2869/QĐ - UB ngày 4/11/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc công nhận các xóm, tổ dân phố của các xã, thị trấn thuộc các huyện trong tỉnh, từ 12 đội (từ đội 1 đến đội 12) và 3 xóm, xã chuyển thành 15 xóm. Năm 2011, thực hiện Nghị quyết của Chính phủ về việc bàn giao địa giới hành chính theo

Chỉ thị 364, Cát Nê tiếp nhận thêm xóm Nông Trường (thuộc thị trấn Quân Chu), nâng tổng số xóm trên địa bàn lên 16 xóm. Sau nhiều lần điều chỉnh địa giới hành chính và biến đổi dân cư, đến năm 2014, toàn xã có 4.215 nhân khẩu, sinh sống trong 16 xóm: Đình, Lò Mật, Đầu Cầu, Đồng Nghè, Nương Cao, Tân Phú, La Lang, Thập Thành, Tân Lập, Đồng Mương, Đồng Góc, La Vĩnh, Trung Nhang, Nương Dâu, Gò Chấu, Nông Trường. Dân tộc chính trên địa bàn xã là người Kinh, các tộc người khác như Tày, Nùng, Sán Dìu, Dao, Cao Lan chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ.

Cùng với sự tồn tại và phát triển của các làng xóm trong quá trình dựng nước và giữ nước, nhất là trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cư dân sinh sống ở Cát Nê khá đa dạng. Theo các thư tịch cổ còn lưu giữ được, người Kinh đến cư trú ở đây sớm nhất nhưng còn thưa thớt. Trải qua quá trình phát triển, dân số ngày càng tăng, trước Cách mạng tháng Tám, làng Cát Nê có khoảng 400 người. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954), nhiều hộ dân từ các tỉnh vùng địch tạm chiếm đã tản cư đến Cát Nê và sinh cơ lập nghiệp đến ngày nay.

Trong những năm 1964 - 1970, thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã đón tiếp hàng chục hộ dân ở các tỉnh miền xuôi

lên xây dựng kinh tế mới. Nhân dân trong xã đã chia sẻ ruộng vườn, tạo mọi điều kiện thuận lợi để bà con nhanh chóng ổn định cuộc sống trên quê hương mới, hòa nhập với nhân dân địa phương.

II. Truyền thống văn hóa và yêu nước

Trải qua quá trình định cư lâu dài, gắn bó cộng đồng trong sản xuất và chiến đấu bảo vệ quê hương, các thế hệ nhân dân Cát Nê đã xây dựng nên những công trình văn hóa, tín ngưỡng có giá trị quan trọng như nghề, đình, chùa. Các công trình này không những là nơi thờ cúng các vị thần linh, tưởng nhớ những người có công với làng nước mà còn là nơi trao đổi bàn bạc công việc của các chiến sỹ cách mạng trong Cách mạng tháng Tám. Trước năm 1945, làng Cát Nê có 2 ngôi chùa (chùa Hàm Long, chùa Cát Nê), 2 ngôi đình (đình Cát Nê, đình Vụ), 2 ngôi nghề (nghề Thượng, nghề Hạ). Năm 1947, trong quá trình thực hiện tiêu thổ kháng chiến, đình Cát Nê và chùa Cát Nê, đình Vụ và nghề Thượng bị dỡ bỏ. Những năm gần đây, nhân dân trong xã góp công tu bổ chùa Hàm Long và Nghè San.

Chùa Hàm Long được xây dựng từ lâu, do dòng họ Đỗ trông coi. Chùa nằm ven chân núi Tam Đảo - có vị thế địa - chính trị đặc biệt, vì vậy, trong Cách mạng tháng Tám, nơi đây chứng kiến sự ra đời của đội du kích Cao

Sơn, trở thành căn cứ bí mật đầu tiên của đội, là trạm giao liên của Trung ương nối liên lạc từ miền xuôi lên căn cứ địa Tân Trào; là căn cứ hoạt động bí mật của phân đội Cứu quốc quân; nơi các đồng chí cấp cao của Đảng về kiểm tra phong trào cách mạng và ra những quyết định quan trọng với xã và những vùng lân cận. Năm 1985, dòng họ Đỗ tôn tạo lại chùa, với chiều dài 8 m, rộng 4m, có 5 tượng gỗ, 1 chuông nhỏ và 1 giá để mâm ngũ quả. Năm 2012, chùa Hàm Long được công nhận là di tích cấp tỉnh. Hàng năm, vào ngày 16/1 (âm lịch), nhân dân trong xã tổ chức lễ hội tại chùa.

Nghè Hạ (còn gọi là nghề Sạn) được xây dựng từ lâu, nằm ở khu đồng Nghè. Thuở ban đầu, nghề được xây dựng từ những nguyên liệu thô sơ như lá tranh, tre, có chiều dài 8 m, chiều rộng 4 m. Năm 1937, nhân dân trong xã người góp của, người góp công tôn tạo lại nghề bằng gạch ngói khá vững chắc, rộng 3 gian. Qua bao thăng trầm của thời gian, hiện nay, nghề chỉ còn lưu giữ được 1 pho tượng, 1 hộp đựng sắc phong, 1 cuốn thần phả chữ Nôm. Hàng năm, tại nghề tổ chức 3 ngày lễ chính: 15/1, 25/4 và 15/11 (âm lịch).

Căn cứ vào các thần tích, sắc phong, bia ký, đình Cát Nê thờ Cao Sơn Quý Minh (Dương Tự Minh), người có công chống giặc Tống xâm lược nước ta thế kỷ XI và có vai trò quan trọng trong việc giúp vua bảo vệ vùng biên

giới phía bắc. Đình được kết cấu hình chữ Đinh, có chiều dài 18 m, rộng 12 m, hậu cung sâu 6 m, rộng 5 m, cửa đình quay về hướng đông nam. Khung đình, cửa, bưng xung quanh và sàn bên trong đều được làm bằng gỗ. Các đầu trụ cột, hai bên đốc đình đều được chạm khắc rồng, phượng... rất tinh xảo. Xung quanh đình được thưng bằng ván; tứ trụ cột bằng gỗ lim to có đường kính 60 cm, được kê trên trụ đá cao 50 phân.

Hàng năm, đình tổ chức lễ hội vào các ngày 14, 15, 16/11 (âm lịch). Trước ngày 14/11 (âm lịch) hội đồng kỳ hào, hội đồng kỳ dịch đã đôn đốc trưởng giáp Đông, Tây, Nam, Bắc đến nhà các trai đình trong làng thu tiền và bàn bạc làm cỗ cúng tế thần hoàng làng. Lễ vật cúng, tế gồm: Lợn đen tuyền, gà thiên béo khỏe, gạo nếp thơm được mua từ các gia đình trong làng không có tang.

Sáng 14/11 (âm lịch), mọi người đến đình chuẩn bị và tổ chức trò chơi như hát ống, hát giao duyên, đánh vật, kéo co... Chiều 14/11, các thành viên hội đồng kỳ hào, hội đồng kỳ dịch, trưởng giáp trong làng và bô lão làm lễ kính thành hoàng làng. Sau đó, mọi người thực hiện nghi lễ “tắm thần hoàng làng”.

Ngày 15/11 (âm lịch) là ngày hội chính thức. Sáng 15/11 (âm lịch), sau khi thực hiện các nghi lễ cúng tế, chủ sự, thành viên hội đồng kỳ hào, hội đồng kỳ dịch

tiến hành bình cổ. Trong 4 giáp, giáp nào có xôi thơm, gà thiến to béo, bánh dày trắng, trình bày đẹp mắt thì được thưởng một quả cau và một lá trầu.

Chiều ngày 15/11 (âm lịch), dân làng tổ chức rước kiệu. Đi đầu là thần đẹp đường - đầu chít khăn đỏ, mặc áo dài, thắt lưng xanh, đẹp đường cho kiệu rước thần hoàng làng đi lại dễ dàng, sau là hai hàng tiêu binh, mặc đồng phục, chít khăn trên đầu, thắt bao quanh lưng, tay cầm gươm, giáo, mác trong tư thế sẵn sàng bảo vệ thần hoàng làng. Sau đội tiêu binh là kiệu nhỏ rước đồ thờ cúng, tiếp đến là kiệu rước thành hoàng làng. Kiệu rước ra chùa Cát Nê, ghé Thượng rồi rước sang ghé Hạ.

Ngày 16/11 (âm lịch), đoàn rước kiệu xuống đền Vai Tiên (xã Quân Chu), để lại bát nhang ở đền rồi sau đó rước kiệu về đình Cát Nê. Trên đường rước kiệu, lúc đi chậm, lúc đi nhanh, lúc quay tròn. Tiếng chiêng, tiếng trống, tiếng dân chúng hò reo sôi động, âm vang cả một vùng.

Sau Tết Nguyên đán, ngày 15/1 (âm lịch) hàng năm nhân dân địa phương làm lễ Thượng Nguyên tại đình làng Cát Nê do hội đồng kỳ hào và hội đồng kỳ dịch chủ trì. Lễ hội gồm hai phần: Phần lễ và phần hội. Buổi sáng tổ chức tế lễ, thụ lộc tại đình. Buổi chiều, hội đồng kỳ dịch và các bô lão họp bàn dự đoán thời tiết sẽ diễn

ra trong năm nhằm phục vụ sản xuất nông nghiệp. Buổi tối xem hát trò. Lễ hội thường kéo dài từ 2 ngày đến 3 ngày với các trò chơi như: Kéo co, đánh vật, đánh đu, đánh cờ người.

Ngoài ra, hàng năm thành viên hội đồng kỳ hào, hội đồng kỳ dịch làng Cát Nê còn kết hợp với thành viên hội đồng kỳ hào, kỳ dịch các làng Vân Yên, Ký Phú, Phúc Thuận tổ chức tiệc đình tam tổng (cạnh đền Vai Tiên, xã Quân Chu).

Chùa Cát Nê được xây bằng gạch với các hàng gỗ lim bên trong, theo kiểu hình chuôi vồ. Xung quanh chùa có nhiều cây cổ thụ to, sân chùa có 2 tấm bia chữ Hán. Gian chính dài 12 m, rộng 6 m, hậu cung sâu 5 m, rộng 4 m. Hàng năm, chùa tổ chức lễ hội vào ngày 15/1 và ngày 8/4 (âm lịch).

Trải qua thăng trầm của thời gian, đình chùa Cát Nê không còn nữa, những nghi thức của đình, chùa cũng không lưu giữ được. Hiện nay, nhân dân trong xã vẫn tổ chức lễ hội ở chùa Hàm Long và nghề San vào các ngày lệ trong năm.

Trong những trang sử hào hùng của xã Cát Nê, trang sử đẹp nhất, đáng tự hào nhất là truyền thống yêu nước và cách mạng của nhân dân trong xã. Nơi đây có diện tích rộng, được dãy Tam Đảo, Thần Lầu bao quanh có

thể thông sang Tam Đảo, Phúc Yên, Vĩnh Yên, thích hợp với lối đánh du kích lại rất thuận tiện khi rút lui. Vì vậy, từ rất sớm, nhiều nghĩa quân đã chọn vùng đất này làm nơi xây dựng căn cứ chiến đấu. Thế kỷ XV, từ làng Thuận Thượng (xã Văn Yên ngày nay), cha con Lưu Trung, Lưu Nhân Chú đã tập hợp dưới ngọn cờ khởi nghĩa của Lê Lợi chống giặc Minh. Sau một thời gian, Lưu Nhân Chú trở về quê hương tập hợp những thanh niên trai tráng, yêu nước tham gia chống giặc. Là địa phương cách Thuận Thượng không xa, nhiều thanh niên Cát Nê đã tham gia vào đội quân của Lưu Nhân Chú, hàng ngày luyện quân trên núi Quần Ngựa, bên Ngâm Thuyền, núi Vành.

Giữa thế kỷ XIX, thực dân Pháp xâm lược nước ta. Sau khi cơ bản đánh chiếm các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ, thực dân Pháp đánh chiếm thành Thái Nguyên nhưng phải đến năm 1888 chúng mới bình định xong địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Khi quân Pháp chiếm đóng Đại Từ, chúng đã xây dựng đồn binh ở Hùng Sơn, Lục Ba và Cát Nê (đặt ở xóm Đình). Không khuất phục trước sự thống trị, đàn áp, bóc lột của thực dân Pháp, nhân dân Cát Nê luôn sát cánh cùng các xã trong huyện nổi dậy đấu tranh chống quân xâm lược. Cuối năm 1892, binh lính đóng ở đồn Hùng Sơn, dưới sự chỉ huy của Cai Bát, nổi dậy làm binh biến. Nhân dân trong xã ủng hộ nghĩa quân vũ khí,

lương thực, thực phẩm, quân trang... Nhiều gia đình cử con em gia nhập đội quân khởi nghĩa. Từ căn cứ bên sườn Tam Đảo hiểm trở, nghĩa quân tổ chức các trận đánh tiêu diệt địch, khiến chúng gặp nhiều khó khăn.

Những năm cuối thế kỷ XIX, cuộc khởi nghĩa nông dân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo mở rộng phạm vi hoạt động sang vùng Đại Từ. Nhân dân Cát Nê đã tiếp tế lương thực, thực phẩm đồng thời động viên con em tham gia nghĩa quân khiến thực dân Pháp phải thú nhận “Ở khu vực Cát Nê, Bình Thuận, Tân Thái... dưới sự chỉ huy của Đề Nguyễn, nhân dân đã kiên cường tổ chức nhiều trận đánh khiến quân Pháp phải lo sợ”⁽¹⁾. Tương truyền, Đề Nguyễn đóng quân ở khu vực Gò Canh núi đá Chồng ở Cửa Giao và núi Khâu Sắt (xóm Đồng Nghè). Phát hiện nơi đóng của nghĩa quân, tên quan Ba râu xồm đem quân sang đánh. Trận chiến đấu diễn ra ác liệt. Kết quả, quân ta tiêu diệt gần 100 tên địch, buộc chúng phải rút lui.

Đêm 30 rạng ngày 31/8/1917, dưới sự chỉ huy của Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến, binh lính người Việt trong trại lính khố xanh cùng tù chính trị đã nổi

⁽¹⁾ Đảng bộ huyện Đại Từ, “Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ (1930 - 1954)”, 1991, tr 13.

dậy tiến hành cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên. Cuộc khởi nghĩa kéo dài hơn 4 tháng lan rộng từ thị xã Thái Nguyên đến Đại Từ đã gây cho thực dân Pháp nhiều trở ngại. Đã có nhiều người dân trên địa bàn tham gia nghĩa quân. Tuy nhiên các phong trào đấu tranh trên đều thất bại do chưa có một đường lối cách mạng đúng đắn.

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, phong trào giải phóng dân tộc chuyển sang giai đoạn mới. Trong thời kỳ tiền khởi nghĩa, không khí cách mạng diễn ra sôi động. Toàn xã hưởng ứng phong trào Việt Minh và giành được chính quyền tương đối sớm.

Cũng trên mảnh đất này, trong những năm chiến đấu chống thực dân Pháp, quân dân trong xã chiến đấu chống lại nhiều trận càn quét của kẻ thù góp phần bảo vệ vững chắc cơ quan đầu não của ta. Thời kỳ chống Mỹ cứu nước, lớp lớp thanh niên Cát Nê lại hăng hái lên đường đánh giặc, nhiều người lập công xuất sắc.

Trải qua những năm tháng xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đến nay Đảng bộ và nhân dân xã Cát Nê đã phấn đấu đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Cơ sở vật chất, kết cấu hạ tầng được đầu tư xây dựng khá đồng bộ, trường học, nhà trẻ, trạm y tế, trụ sở làm việc của Đảng bộ, chính quyền xã

và nhiều công trình phúc lợi được xây dựng khang trang, sạch đẹp. Trong những thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, các thế hệ người dân địa phương đang nỗ lực phấn đấu, đoàn kết, quyết tâm đưa Cát Nê trở thành một xã phát triển của huyện Đại Từ.

Chöông I

DÖÖÜ SÖİLAÑH ÑAÖ CUÄ ÑAÑG, NHAÑ DAÑ TRONG XAÑÑAÚ TRANH GIAÑH CHÍNH QUYÈN (1930 - 1945)

I. Nhân dân Cát Nê dưới ách thống trị của thực dân Pháp

Ngày 1/9/1858, thực dân Pháp tấn công Đà Nẵng, mở đầu quá trình xâm lược Việt Nam. Đến năm 1884, chúng chiếm toàn bộ nước ta và chia đất nước thành 3 kỳ: Bắc - Trung - Nam, thiết lập bộ máy hành chính từ Trung ương tới địa phương. Sau khi chiếm được phần lớn các tỉnh đồng bằng sông Hồng, thực dân Pháp kéo quân đánh chiếm thành Thái Nguyên, rồi mở rộng đánh chiếm huyện Đại Từ.

Từ huyện đến xã chúng vẫn duy trì bộ máy phong kiến cũ. Đứng đầu huyện Đại Từ là quan tri huyện có lính dũng bảo vệ. Đứng đầu tổng Ký Phú là chánh tổng, phó tổng. Làng là đơn vị hành chính cấp dưới. Cai trị làng Cát Nê gồm có Hội đồng kỳ hào và bộ máy chức dịch. Đứng đầu Hội đồng kỳ hào là tiên chỉ, sau đó là thứ chỉ. Một số tiên chỉ tiêu biểu ở làng Cát Nê khi đó là Hà Văn Yêm, thứ chỉ là Ngô Văn Cúc, Thứ Đức. Bên

canh Hội đồng kỳ hào, đứng đầu bộ máy chức dịch ở Cát Nê có lý trưởng, phó lý.

Về kinh tế, thực dân Pháp dung túng cho giai cấp địa chủ, tư sản chiếm đoạt ruộng đất của nông dân. Theo thống kê, trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, tổng số diện tích đất canh tác của làng Cát Nê là 700 mẫu, trong đó giai cấp địa chủ chiếm gần 490 mẫu (chiếm 70%), trung nông lớp trên có khoảng 140 mẫu (chiếm 20%), nông dân nghèo chỉ có khoảng 70 mẫu (chiếm 10%). Không có đất canh tác, đa số nông dân phải làm mướn cho địa chủ hoặc thuê ruộng để cày cấy. Thông thường, mức tô từ 50 đến 60% sản lượng, không phân biệt ruộng đất tốt hay xấu, mất mùa hay được mùa. Vay thóc thường tính lãi theo vụ với mức lãi 50 - 60%. Do lãi cao, lãi mệ để lãi con khiến người vay không trả hết nợ, buộc phải bán ruộng cho địa chủ.

Bên cạnh những hình thức bóc lột theo kiểu tư bản, thực dân Pháp còn tiếp tục duy trì và đặt ra vô số thứ thuế vô lý như: Thuế canh điền, thuế thổ trạch, thuế chợ, thuế đò, thuế trâu bò... Nặng nề và bất công nhất là thuế đinh (thuế thân), đánh vào đàn ông từ 18 đến 60 tuổi. Năm 1930, mỗi suất đinh ở Cát Nê phải nộp 2,5 đồng, tương đương với 1 tạ thóc; năm 1939 tăng lên 3,79 đồng Đông Dương. Cứ mỗi kỳ thu thuế, tri huyện, các viên nha lại, lính lệ xuống tận làng đem theo tù và,

trống mỗ, gậy và dây thừng, sẵn sàng đánh trời người thiếu sưu thuế. Trong bối cảnh cấy một vụ cũng không chắc ăn, hàng năm người dân lại lo nộp thuế càng làm cho cuộc sống thêm khổ cực. Cả làng Cát Nê chỉ có 10 - 15 hộ có đời sống ổn định, nhà gỗ, còn phần lớn thiếu ruộng đất, phải lấy lâm sản về bán để sinh sống, một số ít hộ phải đi tha phương, cầu thực.

Về văn hóa, thực dân Pháp luôn rêu rao chiêu bài “*Khai hóa văn minh*” nhưng thực chất là bưng bít, bóp nghẹt và ngăn chặn những luồng tư tưởng tiến bộ du nhập vào nước ta. Tuy vậy, với khát vọng mở mang dân trí, nhân dân trong xã đã rủ nhau người góp gạo, người góp tiền mời cụ đồ Kiệm ở Nam Định và cụ đồ Phổ ở Nghệ An về giảng dạy. Cụ Hội La, cụ Trưởng Vy, cụ Tuyết, cụ Tràng... đều là những người hay chữ, học trò của cụ đồ Kiệm, đồ Phổ. Đến năm 1943, trên địa bàn xã đã có lớp học chữ Quốc ngữ tại đình làng do ông Nguyễn Thế Kép giảng dạy, thu hút hơn 40 học sinh theo học.

Ở làng Cát Nê không có cơ sở y tế, việc chữa bệnh cho nhân dân chủ yếu dựa vào thầy lang và điều trị bằng các loại lá cây, thậm chí do hiểu biết hạn chế nhiều người còn cúng bái để mong khỏi bệnh. Vì vậy, các dịch bệnh như sốt rét, viêm phổi... thường xuyên hoành hành, cướp đi sinh mạng của nhiều người, có cả những người chưa đến tuổi trưởng thành. Từ khi phát xít Nhật vào xâm

chiếm Đông Dương (năm 1940), nhân dân phải chịu cảnh một cổ hai tròng, cuộc sống đã điều đứng lại càng điều đứng hơn. Chính điều đó đã nung nấu lòng căm thù, khơi lên ngọn lửa yêu nước, sẵn sàng vùng lên theo cách mạng.

II. Nhân dân Cát Nê đấu tranh giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam thành lập, đánh dấu sự trưởng thành của các tổ chức cách mạng trong cả nước. Mùa thu năm 1936, tại La Bằng, Chi bộ Đảng La Bằng - Chi bộ đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên được thành lập, gồm 4 đảng viên. Sau khi thành lập, Chi bộ thường xuyên vận động quần chúng thành lập các Hội Ái hữu, Hội Tương tế, mở các lớp học văn hóa, đọc sách báo công khai của Đảng. Tuy nhiên, hoạt động của Chi bộ mới dừng trong phạm vi xã La Bằng, chưa mở rộng sang các xã khác.

Trong 2 năm 1940 - 1941, ông Nguyễn Huy Minh (Thạch Sơn) là con cả của gia đình Nguyễn Huy, có 6 người con làm nghề phụ hồ ở thị trấn Tam Đảo (Vĩnh Phúc). Khi học hết tiểu học thì cha mất, ông về làm phụ hồ. Vì biết tiếng Pháp, ông được chủ Tây cho làm Thư ký, được một thời gian, ông đánh cả đốc công người Tây vì quyết tiền công của thợ. Cộng các "tội" khác, Pháp đã ra lệnh đuổi Nguyễn Huy Minh đi biệt xứ, cấm không

được quay lại Tam Đảo⁽¹⁾. Nguyễn Huy Minh cùng gia đình xuống chân núi ở phía đông Tam Đảo, thuộc làng Quân Chu, Đại Từ để khai hoang lập ấp mở lò đốt than và gây dựng cơ sở trong đồng bào người Dao xã Quân Chu. Địa danh Lán Than ra đời từ đó.

Để sẵn sẵn, phòng chống thú dữ và bảo vệ cơ sở, anh em ở Lán Than đã mua được một số súng săn, súng kíp và giáo mác đến cuối năm 1942 đầu 1943, thành lập nên đội tự vệ lấy tên là Đội tự vệ Tam Đảo - Quân Chu, do Nguyễn Huy Minh phụ trách⁽²⁾.

Đến tháng 8/1944, Đội tự vệ⁽³⁾ có các đội viên: Nguyễn Huy Minh - Đội trưởng, Nguyễn Huy Chồi, Nguyễn Huy Mục, Nguyễn Huy Tân, Nguyễn Huy Văn, Nguyễn Huy Khoa, Trịnh Bình Di, Trịnh Xuân Kỳ..., địa bàn hoạt động chủ yếu ở Quân Chu, Cát Nê, Ký Phú (Đại Từ), Phúc Thuận (Phổ Yên) và thị trấn Tam Đảo (Vĩnh Phúc). Tháng 8/1944, đồng chí Chu Văn Tấn (Tân Hồng) - Chỉ huy trưởng Chiến khu Hoàng Hoa Thám, sau khi nhận được báo cáo về tình hình hoạt động của Đội tự vệ, đã đến Lán Than - Quân Chu kiểm tra hoạt động và

⁽¹⁾ Mạnh Việt, “Truyện bây giờ mới kể về đảng sau trận thắng Nhật năm 1945 ở Tam Đảo”, Báo An ninh thế giới, số 293, ngày 22/08/2002.

⁽²⁾ Vân Anh, “Hạ đồn binh Nhật trên núi Tam Đảo”, Báo Quân đội nhân dân số 15883, thứ 6 ngày 15/07/2005

⁽³⁾ Về sau, đội lấy tên là đội du kích Tam Đảo - Quân Chu.

công nhận đây là một tổ chức cách mạng. Trong thời gian này, Đội thường xuyên tới gia đình các ông Diệu, Lý Hợi, cụ Túc... trên địa bàn Cát Nê để xây dựng cơ sở cách mạng.

Trong năm 1944, ở làng Cát Nê có ông Hà Đức Dương, Lưu Văn Canh, Nguyễn Văn Dật, Yến, Kỳ - những người yêu nước, không cam chịu ách cai trị của thực dân phong kiến đã vận động nhân dân kéo ra đình làng Cát Nê đấu tranh, không nộp thóc, thuế, vừng, lạc cho thực dân phong kiến. Vì chưa xây dựng được kế hoạch cụ thể, hành động còn mang tính bộc phát, bộ máy chính quyền địch còn mạnh nên cuộc đấu tranh thất bại. Ông Lưu Văn Canh bị giam ở huyện 7 ngày, sau được trả về.

Cuối năm 1944, để tiện cho công tác lãnh đạo cách mạng, Trung ương chia căn cứ địa Việt Bắc thành phân khu A (chiến khu Hoàng Hoa Thám) và phân khu B (chiến khu Nguyễn Huệ). Đại Từ thuộc phân khu B. Khu ủy cử đồng chí Trung Đình và đồng chí Nhị Quý phụ trách huyện Đại Từ. Trong quá trình hoạt động, 2 đồng chí hướng dẫn cán bộ cách mạng các xã kinh nghiệm vận động, tập hợp quần chúng vào các tổ chức yêu nước.

Tháng 2/1945, ông giáo Giao ở huyện Đại Từ về Cát Nê cùng ông Hà Đức Dương, Trần Văn Vang và những người yêu nước ở Cát Nê thành lập đội quân Ba Gò Ông Táo. Thời gian đầu mới thành lập, đội có 14 đội viên. Ở

Đại Từ về có ông giáo Giao cùng con trai là Địch Sơn, ông Cả Mão cùng con trai là Bảo Sơn. Ở làng Cát Nê có các ông: Hà Đức Dương, Lưu Văn Canh, Nguyễn Văn Dật, Nguyễn Văn Thiện, Trần Văn Vang, Hoàng Đình Nguyên, Nguyễn Văn Nhân, Nguyễn Văn Biên, Bình Sơn, Đông Sơn. Ông giáo Giao được cử làm Đội trưởng. Hoạt động ban đầu của đội là mở trang ấp ở Ba Gò, dinh điền thuộc làng Cát Nê; xây dựng lực lượng tự vệ, vận động nhân dân chống lại bộ máy cai trị của thực dân, phong kiến trong làng.

Đêm 9/3/1945, Nhật đảo chính hất cẳng Pháp, độc chiếm Đông Dương. Tình hình chính trị, xã hội trong nước thay đổi. Ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp và ra Chỉ thị "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*", đồng thời chủ trương phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ, làm tiền đề cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền.

Trong tình hình mới, giữa tháng 3/1945, 2 đồng chí Tân Hồng, Nhị Quý về địa phương chỉ đạo phong trào. Các đồng chí đã chọn xóm Đồng Gốc là địa điểm ăn, nghỉ và chỉ đạo cách mạng. Gia đình các ông Lương, Trần Hậu, Thách, Bồng, Nguyệt, Kế... trong xóm đã che chở, bảo vệ an toàn để các đồng chí yên tâm hoạt động. Tại đây, 2 đồng chí đã phổ biến cho nhân dân, nhất là những thành viên trong hội đồng kỳ mục về tình hình

cách mạng trong nước và thế giới, kêu gọi nhân dân đoàn kết đánh tan thực dân xâm lược.

Ngày 23/3/1945, các đồng chí Tân Hồng, Nhị Quý và đội quân 60 người (đồng chí Ảnh chỉ huy) cùng đội quân Ba Gò Ông Táo (ông giáo Giao chỉ huy) công khai tế cờ tại đình làng, thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Sau khi tế cờ, các đồng chí phân tích tình hình cách mạng trong nước và địa phương đồng thời nhấn mạnh việc giành chính quyền khi có thời cơ. Trong khi các đồng chí đang bàn bạc công việc, người canh gác của ta đã bắt được tên Cò - người xã Ký Phú chuyên xuống Cát Nê nhuộm quần áo và cắt tóc⁽¹⁾.

Cùng ngày, các đồng chí cấp trên đã giao nhiệm vụ cho đội quân Ba Gò Ông Táo vận động nhân dân tập trung tại đình làng Cát Nê làm lễ mít tinh tuyên thệ và tuyên bố công khai đánh Nhật.

Ngày 25/3/1945, một hội nghị quan trọng do các đồng chí lãnh đạo phân khu B được triệu tập. Hội nghị đã nhận định bộ máy tay sai địch ở các tổng, xã rất hoang

⁽¹⁾ Ngày 23/3/1945, tuần phủ Cung Đình Vận đã sai tên lính lệ mang giấy xuống cho lý trưởng Cát Nê với nội dung bắt 2 anh em đồng chí Minh, Mực ở Lán Than. Nhưng khi đi tới chợ Ký Phú, tên lính lệ không dám đi tiếp vào làng Cát Nê nên thuê tên Cò 2 hào để hẳn mang giấy xuống cho lý trưởng Cát Nê.

mang và tê liệt. Thời cơ và điều kiện để giành chính quyền về tay nhân dân đã thực sự chín muồi. Hội nghị quyết định phải kịp thời giải phóng huyện lỵ trước khi quân Nhật kéo lên.

Ngày 29/3/1945, dưới sự lãnh đạo của phân khu B và sự chỉ huy trực tiếp của đồng chí Chu Văn Tấn, các đơn vị cứu quốc quân, lực lượng tự vệ và đông đảo quần chúng trong huyện mang theo gậy gộc, giáo mác tấn công huyện lỵ, nhanh chóng giải phóng huyện lỵ Đại Từ.

Ngay sau khi giải phóng huyện lỵ, trong đêm 29/3/1945, đồng chí Mô (tức Hoàng Kiên) - cán bộ được cấp trên tăng cường, về làng Cát Nê cùng đồng chí Giao, đội quân Ba Gò Ông Táo thu giữ bằng sắc, ấn tín, tước vũ khí của chính quyền cũ và tuyên bố thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng làng Cát Nê (sau này chuyển thành Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời). Đồng chí Lưu Văn Canh (Hùng Tân) được bầu làm Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Văn Dật (Quang Minh) làm Phó Chủ tịch, đồng chí Dương Văn Sưu làm Ủy viên, đồng chí Trần Văn Tranh làm Thư ký. Cùng ngày, đồng chí Hoàng Kiên chỉ đạo nhân dân thành lập Hội Nông dân cứu quốc. Ông Hà Công Hoạch được cử làm Bí thư, ông Nguyễn Thế Kép làm Thư ký. Theo quy định của Hội, hàng tháng, mỗi hội viên phải đóng góp 1 hào để mua giấy bút làm việc. Hội Nông dân cứu quốc vận động

nhân dân tăng gia sản xuất, đào hầm hào, cất giấu lương thực và tài sản. Thời gian này, xã cũng thành lập được Mặt trận Việt Minh do ông Hà Văn Tuyết làm Chủ nhiệm.

Nhằm bảo vệ thành quả cách mạng đã đạt được, làng Cát Nê thành lập đội tự vệ gồm 15 đội viên, do ông Dương Văn Sư làm Đội trưởng, ông Nguyễn Văn Tý làm Đội phó. Đội được trang bị vũ khí thô sơ như gậy gộc, giáo mác... Sau khi thành lập, Đội tăng cường tuần tra, canh gác, sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Như vậy, đến thời điểm tháng 3/1945, địa bàn làng Cát Nê có 2 lực lượng vũ trang bảo vệ cách mạng là đội quân Ba Gò Ông Táo và đội tự vệ.

Đầu tháng 4/1945, các đồng chí Chu Văn Tấn, Nhị Quý, Trung Đình về Cát Nê mở hội nghị tại xóm Đồng Góc. Tham dự Hội nghị có đại diện đội du kích Tam Đảo - Quân Chu và đại diện của đội quân Ba Gò Ông Táo. Hội nghị đã thống nhất 4 vấn đề quan trọng: Một là thống nhất các lực lượng thành một đội du kích, mang tên là Đội du kích Cao Sơn, lấy chùa Hàm Long làm căn cứ đầu tiên. Hai là những đội viên trong Đội đều đổi tên và thống nhất lấy tên kép có chữ Sơn phía sau (Thạch Sơn, Trường Sơn, Thái Sơn...). Ba là cử ra một Ban Chỉ huy thống nhất gồm 3 đồng chí Trường Sơn (Đội trưởng), Thạch Sơn và Thái Sơn (Đội phó). Bốn là, ngay

sau lễ thành lập, Đội triển khai ngay nhiệm vụ mở rộng địa bàn sang các làng Bình Định, Bá Xuyên...⁽¹⁾.

Đội có 21 đội viên: Nhóm ở Đại Từ về có 4 người: Đặng Văn Giao (Trường Sơn), Cả Mão (Hồng Sơn), Dịch Sơn và Bảo Sơn. Nhóm ở Cát Nê có 8 người: Hà Đức Dương (Thái Sơn), Nguyễn Thế Biên (Điều Sơn), Trần Văn Vang (Thọ Sơn), Hoàng Đình Nguyễn (Hải Sơn), Nguyễn Văn Thiện (Thường Sơn), Nguyễn Văn Nhân (Khang Sơn), Đông Sơn và Bình Sơn. Nhóm ở Tam Đảo - Quân Chu có 9 người: Nguyễn Huy Minh (Thạch Sơn), Nguyễn Huy Chồi (Thanh Sơn), Nguyễn Huy Mục (Tam Sơn), Nguyễn Huy Tân (Ngân Sơn), Nguyễn Huy Văn (Kim Sơn), Nguyễn Huy Khoa (Mai Sơn), Hồ Sơn, Tây Sơn và Liên Sơn.

Sau khi thành lập, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các đồng chí Chu Văn Tấn, Nhị Quý, Trung Đình, Đội đã tổ chức trừ khử tên Tổng Đoàn Hốc (ở Vạn Thọ) và tên Đội Đối - người cầm đầu tổ chức Đồng Minh giả (ở Phúc Thuận) và những tên tay sai đắc lực của Nhật, thu 5 khẩu khai hậu, súng kíp, đạn dược và một số tài sản trong đó có 40 con trâu, bò của Đồng Minh giả.

Vừa xây dựng lực lượng, đội vừa tuyên truyền vận

⁽¹⁾ Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ: Lịch sử kháng chiến của quân dân Đại Từ, tr 51.

động nhân dân đi theo cách mạng, theo Việt Minh đánh đổ bè lũ đế quốc, tay sai. Qua giáo dục, tuyên truyền đến tháng 4/1945, làng Cát Nê đã có nhiều người tham gia cách mạng: Trần Đức Cam, Trần Văn Tu, Trần Hậu, Đỗ Lượng, Trần Văn Lớn, Trần Văn Tranh, Lê Nam Phong, Phạm Văn Trúc, Trần Cát Khánh, Nguyễn Thượng Nhai, Đỗ Văn Thách, Trần Văn Lan, Dương Thái Ninh, Phạm Hải Nam, Dương Văn Sáng, Hà Công Hoạch, Hà Văn Tuyết, Nguyễn Đức Chính, Nguyễn Văn Ốc, Dương Văn Sửu, Nguyễn Văn Tý, Hoàng Văn Canh, Hoàng Văn Cậu, Bùi Văn Phổ...

Nhận được tin báo Nhật sẽ về vây làng, Ủy ban dân tộc giải phóng do các đồng chí Lưu Văn Canh, Nguyễn Văn Dật, Dương Văn Sửu đứng lên vận động nhân dân thực hiện “*vườn không nhà trống*”, đưa người già, phụ nữ và trẻ nhỏ vào sâu trong rừng cạnh chân núi Tam Đảo sơ tán. Mặt khác, tổ chức tập dượt các ký hiệu, tín hiệu báo động giặc càn quét, sẵn sàng đánh địch khi chúng vào làng. Sáng sớm 1/4/1945, quân Nhật ở Đại Từ về càn quét làng. Ông Trần Văn Đạo được cử gác ở đầu làng đã bắn phát súng đầu tiên ở chợ Cát báo động cho cán bộ và nhân dân Cát Nê kịp thời sơ tán. Tuy nhiên, do chưa quán triệt sâu rộng tới đông đảo nhân dân, đặc biệt là những người ở dưới xuôi lên buôn bán, chưa nhận định sâu sắc về âm mưu của kẻ thù nên 12 người dân (1 người địa phương, 11 người ở dưới xuôi lên làm ăn) bị

bắn chết. Đây là một kinh nghiệm xương máu cho cách mạng Cát Nê trong công tác tổ chức nhân dân tản cư và chống địch càn quét.

Ngày 5/4/1945, phát xít Nhật tập trung hàng trăm binh lính và tay sai đánh chiếm huyện Đại Từ. Sau đó, chúng nhiều lần cho quân đi càn quét khắp huyện, thăm dò lực lượng của ta. Đến ngày 26/4/1945, phát xít Nhật huy động 100 quân chia làm 2 cánh quân: Một cánh từ Phúc Thuận (Phổ Yên) đánh lên, một cánh từ Hùng Sơn (Đại Từ) kéo xuống bao vây, càn quét địa bàn Quân Chu, Cát Nê, Ký Phú. Đến Cát Nê, chúng bắt 11 người. Trong thời gian này, Đội du kích Cao Sơn cử một bộ phận theo đồng chí Trung Đình trở lại phía bắc huyện, một bộ phận trở về Lán Than để củng cố và phát triển lực lượng, còn một bộ phận hoạt động ở Ký Phú. Mặc dù tương quan lực lượng chênh lệch, lợi thế nghiêng về phía địch, nhưng với tinh thần quả cảm, quân ta đã tiêu diệt 10 tên, làm một số tên bị thương, buộc chúng phải sớm rút quân⁽¹⁾.

Ngày 1/5/1945, quan huyện Nguyễn Ngọc Đường đưa Nhật về vây làng Cát Nê. Rút kinh nghiệm từ những trận càn trước của địch, cán bộ cách mạng đã tổ chức

⁽¹⁾ Ban Chỉ huy quân sự huyện Đại Từ: Lịch sử kháng chiến của quân dân huyện Đại Từ, tr.54 - 55.

nhân dân vào rừng sơ tán, đồng thời cắt cử cán bộ ở lại canh gác. Do vậy, trong trận càn này, quân Nhật chỉ bắt được một số dân thường đưa lên huyện, sau đó lại trả về.

Ngày 15/5/1945, đồng chí Võ Nguyên Giáp tuyên bố thống nhất các đơn vị Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân, Cứu quốc quân và các lực lượng vũ trang tập trung trong cả nước thành Việt Nam Giải phóng quân. Sau sự kiện này, Đội du kích Cao Sơn được bổ sung thêm các đồng chí: Vũ Tuân, Lê Hồng Tâm, Thái Bạch, Hoàng Nguyễn... và đổi tên là Trung đội Giải phóng quân Phạm Hồng Thái do đồng chí Nguyễn Huy Minh làm Trung đội trưởng, đồng chí Vũ Tuân làm Chính trị viên, đồng chí Thanh Sơn làm Trung đội phó. Để có thêm vũ khí, ngoài việc tổ chức cướp súng của lính đồng, đội còn cử cán bộ đi Đoàn Hùng (Phú Thọ), lặn xuống sông Trung Hà mò súng do Pháp vứt xuống khi bị quân Nhật truy đuổi.

Nhằm củng cố lòng tin của quần chúng nhân dân, tháng 6/1945, Trung đội Giải Phóng quân Phạm Hồng Thái phối hợp với nhân dân phá kho thóc của Nhật tại Tràng Dương (Vạn Thọ). Do có sự chuẩn bị chu đáo nên quân và dân ta đã thu được 200 nôi thóc, mỗi nôi 25 kg mà không bị tổn thất nào. Sau đó, đồng chí Thọ Sơn huy động nhân dân và lực lượng tự vệ Cát Nê vận chuyển lương thực về kho thóc của Việt Minh và cử ông

Dương Thái Ninh giữ, có gián giấy niêm phong “Kho thóc Việt Minh”.

Để mở rộng phong trào từ vùng giải phóng Đại Từ sang Vĩnh Yên, tháng 6/1945, đồng chí Võ Nguyên Giáp tổ chức họp cán bộ tại Cát Nê. Trong suốt quá trình diễn ra cuộc họp, cán bộ và nhân dân trong làng đã canh gác, đảm bảo an toàn cho đồng chí. Tại cuộc họp, đồng chí đã giao nhiệm vụ cho Trung đội Giải phóng quân Phạm Hồng Thái đánh đồn Tam Đảo. Sau khi xác định lực lượng của địch đóng tại đồn gồm có một tiểu đội lính Nhật và một trung đội bảo an, đồng chí Trung Đình đã cử đồng chí Vũ Tuân trong Trung đội Giải phóng quân Phạm Hồng Thái bắt mối với các nhân tố tiến bộ trong đội bảo an giác ngộ họ, tổ chức và lập kế hoạch phối hợp hoạt động.

Ngày 16/7/1945, quân ta tấn công đồn Tam Đảo, toàn bộ binh lính Nhật hạ súng xin hàng. Ta giải phóng thường phạm bị giam ở Tam Đảo đồng thời thu các loại vũ khí và hệ thống điện thoại đem về trang bị cho khu căn cứ ở Tân Trào. Trận đánh kết thúc, quân ta rút về theo đường Tam Đảo - Quân Chu, các hộ gia đình ở xóm Đồng Gốc đã nhường nhà ở, quyên góp lương thực nuôi các chiến sỹ giải phóng và tù binh Pháp trước khi về Tân Trào.

Thời gian này, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từ Cao Bằng về phân khu B, quyết định chọn Tân Trào (Sơn Dương, Tuyên Quang) làm trung tâm lãnh đạo toàn dân chuẩn bị Tổng khởi nghĩa. Người ra chỉ thị thành lập Khu giải phóng Việt Bắc gồm 6 tỉnh (Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Giang), được tổ chức và xây dựng toàn diện cả về chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội để trở thành căn cứ cách mạng rộng lớn. Cát Nê cùng các xã khác trên địa bàn huyện Đại Từ là thành lũy che chắn cho thủ đô cách mạng, góp phần quan trọng bảo vệ an toàn đường dây liên lạc của Đảng từ miền xuôi lên trung tâm căn cứ địa cách mạng. Trên đường về Tân Trào dự Quốc dân Đại hội, nhiều cán bộ cấp cao của Đảng đã dừng chân tại đây như các đồng chí: Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Trần Huy Liệu, Tôn Đức Thắng, Lê Đức Thọ, Nguyễn Văn Chân, Khuất Duy Tiến, Hoàng Đạo Thúy, Nguyễn Đình Thi, Lê Văn Chánh.

Ngày 13/8/1945, phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh vô điều kiện. Chấp hành chủ trương của cấp trên, ở huyện Đại Từ, ta chỉ để lại một lực lượng nhỏ để bao vây địch, còn lực lượng lớn chuẩn bị kết hợp với quân chủ lực tiến về giải phóng thị xã Thái Nguyên. Một bộ phận còn lại của Trung đội Giải phóng quân Phạm Hồng Thái được bổ sung lực lượng tự vệ đã vòng qua Phúc Thuận

tiến lên chiếm Gia Sàng, phối hợp với quân chủ lực bao vây quân Nhật ở thị xã. Chiều 20/8/1945, tại cuộc mít tinh lớn ở sân vận động thị xã Thái Nguyên, cán bộ cách mạng đã tuyên bố xóa bỏ chính quyền thân Nhật, thành lập chính quyền cách mạng các cấp. Ngày 26/8/1945, quân đội Nhật ở tỉnh lỵ chấp nhận các điều kiện của ta. Ngày 28/8/1945, đại diện Chính phủ ta cùng đại diện Nhật đến hạ lệnh cho quân Nhật ở Đại Từ hạ khí giới, rút quân qua thị xã Thái Nguyên về Hà Nội.

Trải qua chặng đường đấu tranh 15 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, phong trào cách mạng Cát Nê đã trưởng thành nhanh chóng, gắn bó với phong trào cách mạng toàn quốc. So với các xã trong huyện, tỉnh, phong trào cách mạng ở Cát Nê phát triển tương đối sớm. Ngay từ những tháng đầu năm 1945, đã thành lập được đội Ba Gò Ông Táo - tổ chức tập hợp những người yêu nước trên địa bàn, để đến cuối tháng 3/1945, giành chính quyền.

Trong suốt quá trình giành chính quyền, Cát Nê luôn nhận được sự lãnh đạo của các cán bộ cấp trên như: Đồng chí Võ Nguyên Giáp, đồng chí Chu Văn Tấn, đồng chí Nhị Quý... Các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên được cán bộ và nhân dân vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

Cách mạng tháng Tám thành công đã đánh dấu bước ngoặt lớn trong lịch sử Cát Nê. Từ đây, cùng cả nước, nhân dân địa phương đã thoát khỏi ách thống trị của thực dân, phát xít và tay sai, được sống trong độc lập, tự do, tự mình làm chủ vận mệnh của mình, đi theo sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng vừa giành được.

Chöông II
CHI BỎÃNÃNG RA NÕ
LÃNH NÃO NHAÂN DÃN BAÛ VEÃ
CHÍNH QUYÊN VAØKHAÏNG CHIẾN
CHÓNG THÖC DÃN PHÁP
(1945 - 7/1954)

I. Chi bộ Đảng ra đời, lãnh đạo nhân dân bảo vệ chính quyền cách mạng, chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp (8/1945 - 12/1946)

Cách mạng tháng Tám thành công đã lật đổ ách thống trị của thực dân phong kiến, thành lập chính quyền dân chủ nhân dân. Song Nhà nước non trẻ vừa mới ra đời đã phải đương đầu với những khó khăn chồng chất: Ngân khố trống rỗng, kinh tế lạc hậu, thời tiết khắc nghiệt, giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm cùng lúc đe dọa... Vận mệnh dân tộc như “ngàn cân treo sợi tóc”.

Trong tình hình chung của cả nước, nhân dân Cát Nê gặp nhiều khó khăn: Phần lớn nông dân không có hoặc thiếu ruộng đất cày cấy; hậu quả của chính sách cai trị, khai thác và bóc lột của thực dân Pháp làm cho nền kinh tế rơi vào tình trạng khó khăn, lạc hậu. Sau trận lụt xảy

ra vào tháng 8/1945 là hạn hán làm thiệt hại mùa màng, ruộng đồng bị bỏ hoang... Hơn 90% số dân Cát Nê mù chữ, cùng với nạn mê tín dị đoan, rượu chè, cờ bạc... đều là những trở ngại lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Trong khi đó, khoảng 2 vạn quân Tưởng trong quân đoàn 93 trên đường từ Tuyên Quang về Hà Nội vào Đại Từ, núp dưới danh nghĩa đại diện lực lượng đồng minh vào Đông Dương giải giáp quân đội Nhật ra sức chống phá cách mạng. Chính quyền cách mạng Cát Nê đứng trước những thử thách to lớn.

Tuy nhiên, công cuộc đấu tranh bảo vệ và củng cố thành quả cách mạng ở Cát Nê cũng có những thuận lợi cơ bản: Nhân dân bước đầu được hưởng những quyền lợi do chính quyền cách mạng đem lại nên vô cùng phấn khởi, quyết tâm bảo vệ chế độ mới. Chính quyền cách mạng tuy còn non trẻ nhưng được nhân dân tin tưởng ủng hộ; trong cuộc vận động Cách mạng tháng Tám, các đồng chí: Hà Đức Dương (Thái Sơn), Lưu Văn Canh, Thường Sơn không ngừng trưởng thành, vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng - trở thành những đảng viên đầu tiên của địa phương.

Căn cứ vào Điều lệ Đảng và tình hình thực tiễn, tháng 9/1945, cấp trên quyết định thành lập Chi bộ Đảng Cát Nê. Đồng chí Nhị Quý và đồng chí Việt Hưng chủ trì hội nghị. Hai đồng chí đã chỉ định đồng chí Hà

Đức Dương (Thái Sơn) làm Bí thư chi bộ lâm thời. Tiếp đó, tại nhà đồng chí Thường Sơn (xóm Mường Cầu), Chi bộ tiến hành Đại hội lần thứ nhất (nhiệm kỳ 1945 - 1946), bàn bạc phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong 2 năm 1945 - 1946 là: Ổn định tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể; lãnh đạo nhân dân phát triển sản xuất; chuẩn bị mọi mặt sẵn sàng kháng chiến chống thực dân Pháp nếu chúng quay lại xâm lược. Đại hội bầu đồng chí Hà Đức Dương làm Bí thư Chi bộ.

Cuối năm 1945, Chi bộ Đảng và chính quyền cách mạng lâm thời làng Cát Nê khẩn trương chuẩn bị và tổ chức tuyên truyền sâu rộng về mục đích, ý nghĩa của cuộc bầu cử Quốc hội khóa I. Ngày 8/9/1945, Chính phủ ra Sắc lệnh số 14-SL về Tổng tuyển cử bầu Quốc hội. Tiếp đó, ngày 17/10/1945, Chính phủ ra Sắc lệnh số 51-SL quy định thể lệ Tổng tuyển cử, ấn định ngày 23/12/1945 sẽ mở cuộc Tổng tuyển cử trong toàn quốc. Ngày 23/12/1945, đông đảo cử tri trong làng nô nức tham gia bỏ phiếu. Ba đại biểu của Thái Nguyên là các đồng chí Lê Trung Đình, Đặng Đức Thái và Trần Mai (Nguyễn Trung Thành) được tín nhiệm bầu vào Quốc hội khóa I nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trong quá trình chuẩn bị bầu cử Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và xã, được sự chỉ đạo của cấp trên, làng Cát Nê đổi tên thành xã Bình Dân, đồng thời sáp nhập xóm

La Hoan, xóm Xôi vào xóm Đồng Gốc. Các xóm đều đặt lại tên mới: Xóm Đồng Gốc đổi tên thành xóm Tân Hồng, xóm Mương Cầu đổi tên thành xóm Nhị Quý, xóm Đình đổi tên thành xóm Trung Đình, xóm La Vĩnh đổi tên thành xóm Hồng An.

Tháng 4/1946, cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp trong xã diễn ra thành công, đúng quy định. Trong kỳ họp đầu tiên, Hội đồng nhân dân xã bầu các chức danh của Ủy ban hành chính thay cho Ủy ban nhân dân cách mạng lâm thời trước đây, đồng chí Lưu Văn Canh được bầu làm Chủ tịch. Chính quyền cách mạng xã được củng cố, nhiều quần chúng tích cực được tin nhiệm giữ những chức vụ chủ chốt trong chính quyền.

Nhận rõ sức mạnh của chính quyền bắt nguồn từ sức mạnh của toàn dân, từ sự ủng hộ của nhân dân, Chi bộ xã chú trọng xây dựng và mở rộng khối đoàn kết toàn dân, kết nạp thêm hội viên cho các đoàn thể quần chúng. Hội Cứu quốc phát triển nhanh chóng trong các tầng lớp nhân dân. Đoàn Thanh niên do ông Phạm Văn Trúc phụ trách, Hội Phụ nữ do bà Ngô Thị Chứ phụ trách, Hội Nông dân do ông Hà Công Hoạch phụ trách. Hội hướng dẫn hội viên đẩy mạnh sản xuất, xây dựng nếp sống mới. Tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể được xây dựng, củng cố vững chắc là điều kiện thuận lợi để cán bộ, đảng viên và nhân dân địa phương thực hiện

thắng lợi các nhiệm vụ “*Diệt giặc đói*”, “*Diệt giặc dốt*” và ủng hộ nền tài chính quốc gia.

Trước Cách mạng tháng Tám, ruộng đất ở địa phương phần lớn tập trung trong tay giai cấp địa chủ. Số còn lại là công điền, công thổ và ruộng vắng chủ. Xuất phát từ thực tế ấy, để nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân, chính quyền xã vận động nhà giàu chia ruộng đất cho nông dân cày cấy. Có tư liệu sản xuất trong tay, người nông dân phấn khởi tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm theo lời dạy của Hồ Chủ tịch. Khắp các xóm, nhân dân ta đều ra sức khai hoang, phục hóa theo khẩu hiệu “*Tăng gia sản xuất, tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa*”, “*Không để một tấc đất bỏ hoang*”. Các đồng chí Thái Sơn, Hùng Tân, Thường Sơn là những người đi tiên phong trong phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc trước đây, nay lại là người đi đầu trên mặt trận tăng gia sản xuất. Vai trò gương mẫu của đảng viên gây được ảnh hưởng tích cực đối với nhân dân. Chỉ trong một thời gian ngắn nạn đói ở các xóm được đẩy lùi, cuộc sống của nhân dân bớt khó khăn.

Song song với việc đẩy mạnh phong trào sản xuất giải quyết nạn đói, Chi bộ Đảng đã chỉ đạo thực hiện phong trào bình dân học vụ. Ban bình dân học vụ xã được thành lập do ông Nguyễn Thế Kép làm Trưởng ban. Đình, chùa trong xã đều trở thành lớp học. Xóm nào

cũng có lớp bình dân học vụ. Phương pháp học được diễn đạt thành thơ, ca dao, giúp người học dễ tiếp thu. Nhiều hình thức tuyên truyền, cổ động cho việc học được áp dụng như dựng “cổng tối, cổng sáng” tại các chợ. Với khẩu hiệu “Đi học là yêu nước”, toàn dân dấy lên tinh thần học tập, từ người già đến trẻ nhỏ đều tranh thủ thời gian đến lớp:

“Lấy chồng biết chữ là tiên

Lấy chồng mù chữ là duyên con bò”

Với tinh thần: “Người biết chữ dạy người chưa biết chữ”, “người biết chữ nhiều dạy cho người biết chữ ít”, “là phụ nữ càng cần phải học chữ”... chưa đầy một năm, toàn xã đã có nhiều người đọc thông, viết thạo.

Để khắc phục tình trạng trống rỗng về ngân sách, ngày 4/9/1945, Chính phủ ra Sắc lệnh xây dựng “*Quỹ độc lập*” và tổ chức “*Tuần lễ vàng*”. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân xây dựng “*Quỹ độc lập*”, hưởng ứng “*Tuần lễ vàng*” được đẩy mạnh, trong nhân dân lưu truyền các câu hò vè, thơ ca cổ động:

“Đeo hoa chỉ tổ nặng tai,

Đeo kiềng nặng cổ hỡi ai có vàng.

Làm dân một nước về vang,

Đem vàng giúp nước vinh quang nào tày...

Nhân dân trong xã người góp công, người góp của, ra sức đóng góp tuần lễ vàng. Mặc dù số tiền đóng góp không nhiều nhưng đã thể hiện tấm lòng của nhân dân với cách mạng.

“*Giặc đói*”, “*giặc đốt*” căn bản được giải quyết, chính quyền xã vận động nhân dân xây dựng nếp sống mới nhằm xóa bỏ các tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan. Những khẩu hiệu, áp phích tuyên truyền về lối sống mới, phê phán những thói hư tật xấu được dán ở những nơi đông người qua lại.

Trong khoảng thời gian ngắn, chính quyền và nhân dân Bình Dân đã đạt được những thành tựu quan trọng trên mọi lĩnh vực: Cán bộ và nhân dân tích cực thực hiện 3 cuộc vận động lớn do Đảng và Chính phủ phát động; Chi bộ Đảng, chính quyền và các đoàn thể ngày càng được củng cố vững mạnh đảm bảo những quyền lợi cơ bản, thiết thực của nhân dân.

Những tháng cuối năm 1946, thực dân Pháp ngày càng lộ rõ dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa. Chúng liên tiếp có nhiều hành động khiêu khích quân ta ở Hải Phòng, Hà Nội. Với tinh thần quyết tâm giữ vững độc lập tự do, thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “*Phải trút toàn lực vào đó. Hy sinh hết thủy vì kháng chiến. Hy sinh hết thủy vì mặt trận miền Nam*”, nhân

dân trong xã quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng mới giành được, giữ vững độc lập tự do cho quê hương.

Nhằm tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân thực hiện kháng chiến, trong năm 1946, Chi bộ kết nạp thêm 6 đồng chí: Vạn, Trần Hậu, Hải Sơn, Quang Minh, Tuyết, Trần Văn Vang (bí danh Thọ Sơn), nâng số đảng viên của Chi bộ lên 9 đồng chí. Đây là những đồng chí đã có nhiều đóng góp lớn trong công tác củng cố chính quyền, chuẩn bị kháng chiến ở địa phương. Trong năm 1946, Chi bộ Đảng Bình Dân tổ chức Đại hội lần thứ II (nhiệm kỳ 1946 - 1948). Đại hội đã bầu đồng chí Trần Văn Vang giữ chức Bí thư Chi bộ thay đồng chí Hà Đức Dương (do đồng chí Dương chuyển công tác lên huyện).

Cuối năm 1946, Ủy ban bảo vệ xã ra đời, thành phần gồm 1 đại biểu ủy ban hành chính, 1 đại biểu hội đồng nhân dân và 1 đại biểu lực lượng vũ trang. Đồng chí Lưu Văn Canh giữ chức Chủ tịch, đồng chí Nguyễn Văn Dật - Phó Chủ tịch. Ủy ban bảo vệ xã vừa làm nhiệm vụ trấn áp bọn phản động, thổ phỉ, giữ gìn trật tự trị an; vừa trực tiếp chấn chỉnh xây dựng lực lượng vũ trang và bán vũ trang. Hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng, góp phần cùng miền Nam chống Pháp, thanh niên ưu tú trong xã hăng hái đến các “Phòng Nam bộ”, xung phong tình nguyện ghi tên vào đội quân Nam tiến tham gia chiến đấu.

Nằm sát chân núi Tam Đảo, vì vậy, xã có vị trí địa - chiến lược quan trọng, có thể cản trở hoạt động của địch và tạo thuận lợi cho lối đánh du kích của ta. Đặc biệt, tuyến đường từ Quân Chu qua Bình Dân lên Ký Phú theo triền Tam Đảo là tuyến đường lên chiến khu Việt Bắc an toàn trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Cán bộ của Trung ương và các đơn vị vũ trang quân đội thường qua lại trên tuyến đường này. Nhận rõ trách nhiệm của một xã nằm trong địa bàn được Đảng và Chính phủ chọn làm căn cứ kháng chiến, cán bộ và nhân dân Bình Dân phối hợp với các địa phương khác trong tỉnh quyết tâm bảo vệ an toàn cho căn cứ, củng cố hệ thống thông tin liên lạc, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, đẩy mạnh tăng gia sản xuất, đảm bảo hậu cần tại chỗ.

II. Chuẩn bị chiến đấu và trực tiếp chiến đấu góp phần đánh bại cuộc tấn công lên Việt Bắc của thực dân Pháp năm 1947

Nhằm phá tan cơ quan đầu não kháng chiến, tiêu diệt bộ đội chủ lực của Việt Minh, nhanh chóng kết thúc chiến tranh, giới cầm quyền Pháp âm mưu mở một cuộc tấn công quân sự lớn vào căn cứ địa Việt Bắc. Trong 2 ngày 7 - 8/10/1947, gần 2.000 quân địch nhảy dù xuống thị xã Bắc Kạn, thị trấn Chợ Mới, huyện lỵ Chợ Đồn. Do không vấp phải sự kháng cự mạnh, thực dân Pháp chiếm đóng thị trấn Chợ Mới, lấy đó làm căn cứ ra sức càn

quét, đánh phá các xã trong huyện Đại Từ.

Khi chiến tranh lan rộng đến xã Bình Dân, mọi hoạt động của địa phương đều ưu tiên cho công tác chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Khẩu hiệu “*Vừa kháng chiến, vừa kiến quốc*”, “*Trường kỳ kháng chiến*”, “*Quyết tâm bảo vệ Việt Bắc*”... được tuyên truyền, phổ biến sâu rộng tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã. Qua đó, tinh thần và ý chí sắt đá của nhân dân đã biến thành những hành động cụ thể, sẵn sàng chiến đấu, phục vụ chiến đấu và lao động sản xuất.

Để đảm bảo lực lượng chiến đấu bảo vệ quê hương và các cơ quan sơ tán, Chi bộ Đảng xã còn chỉ đạo xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang toàn dân mạnh cả về số lượng và chất lượng. Tháng 7/1947, Xã đội Bình Dân được thành lập, do đồng chí Lê Nam Phong làm Xã đội trưởng. Lực lượng dân quân, du kích tiếp tục được củng cố, kiện toàn với 1 trung đội, biên chế thành 3 tiểu đội, mỗi tiểu đội từ 12 - 15 chiến sỹ. Trang bị vũ khí của đội chủ yếu là các loại vũ khí thông thường như dao, kiếm, giáo, mác. Được sự giúp đỡ của cán bộ huyện đội, lực lượng dân quân, du kích xã được huấn luyện về kỹ thuật chiến đấu, cách đánh phục kích, tuần tra, canh gác, giao thông liên lạc, cách sử dụng một số vũ khí cơ bản như gài mìn, ném lựu đạn. Đồng thời, xã còn chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, bồi dưỡng tinh thần yêu

nước và kháng chiến cho các chiến sỹ.

Để cản bước tiến của quân thù, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy và Ban phá hoại huyện, xã đã điều động hàng trăm lượt dân quân du kích phối hợp với các lực lượng của huyện thực hiện công tác tiêu thổ kháng chiến trên tuyến đường 13A từ Hùng Sơn đi Đèo Khế. Trên tuyến đường này, du kích xã cùng lực lượng của huyện đã đào nhiều hố sâu 60 cm, rộng 50 cm theo hình chữ Chi, mỗi hố cách nhau 60 cm. Tại địa phương, nhân dân đã phá đình, chùa, nhà cửa, cầu cống... Các ụ đất được đắp cao dọc theo hai bên đường 38. Dưới sự chỉ đạo của Chi bộ Đảng, nhân dân cắm chông, chống quân địch nhả dũ. Chỉ trong năm 1947, 40 người dân ở xã đã tham gia chặt cây ngã dọc đường từ Đầu Cầu đến Giồng Giao để ngăn bước tiến của địch. Ở các xóm Tân Hồng, Nhị Quý, Trung Đình, Hồng An từ già đến trẻ đều thực hiện khẩu hiệu “*ba không*”: Không nói chuyện làm lộ bí mật; không nghe những điều không liên quan đến mình; không chỉ đường và cảnh giác với người lạ mặt.

Từ những năm 1947, nhân dân trong xã còn tạo mọi điều kiện giúp đỡ các hộ dân từ vùng địch tạm chiếm đến tản cư, san sẻ cho nhân dân tản cư từng mảnh ruộng, bãi nương, phương tiện sinh hoạt. Nhờ vậy, nhân dân tản cư sớm ổn định sản xuất, ngày càng gắn bó với quê hương, tích cực tham gia các hoạt động kháng chiến

kiến quốc. Cũng trong năm 1947, xã tổ chức đón trại thiếu nhi gồm 100 em ở Tam Đảo về sơ tán trong 4 ngày. Chính quyền và nhân dân xã đã tạo mọi điều kiện để các em ăn ở, sinh hoạt đầy đủ.

Các phong trào ủng hộ kháng chiến như “*Quỹ nuôi quân*”, “*Hũ gạo kháng chiến*”, “*Mùa đông binh sỹ*”... được đông đảo nhân dân hưởng ứng. Mặc dù cuộc sống còn nhiều khó khăn nhưng nhân dân trong xã vẫn tự nguyện dành gạo, dành tiền nuôi dân quân, du kích và bộ đội. Các xóm cử ra ban tiếp tế làm công tác hậu cần, trực tiếp phục vụ bộ đội, dân quân du kích như xay thóc, giã gạo, nấu cơm, đưa nước. Trong năm 1947, xã thành lập Hội Mẹ chiến sỹ gồm các mẹ: Dương Thị Chuyện, Ngô Thị Nheo, Nguyễn Thị Nội, Nguyễn Thị Cúc do mẹ Dương Thị Chuyện làm Hội trưởng. Các mẹ đã đón 6 thương binh ở Yên Giã là các đồng chí: Thụ, Diệp, Kiểm, Hạnh, Học, Bồi về nuôi dưỡng.

Ngày 12/11/1947, thực dân Pháp đem quân đóng ở xóm Sảng và xóm Soi (xã Ký Phú), lấy đây làm căn cứ đánh phá các xã lân cận. Ngày 13/11/1947, chúng đem quân xuống Bình Dân càn quét. Chi bộ và chính quyền xã đã chỉ đạo nhân dân chủ yếu là người già, phụ nữ, trẻ nhỏ tản cư vào rừng, đồng thời cất giấu lương thực, thực phẩm, tài sản. Lực lượng dân quân, du kích ở lại tiếp tục “bám đất” sẵn sàng chiến đấu. Vào đến địa bàn, thực

dân Pháp hoang mang khi thấy xã “vườn không nhà trống”. Tức giận, chúng điên cuồng bắn phá nhưng dân quân du kích xã vẫn kiên cường chiến đấu. Kết quả, ta đã bắn chết 1 tên địch, buộc thực dân Pháp rút quân.

Ngay sau khi cuộc chống càn ngày 13/11/1947 kết thúc, Chi bộ xã đã nhận định: Kẻ địch bị thất bại nhất định sẽ tổ chức các trận càn lớn vào Bình Dân trong những ngày tiếp theo. Chi bộ chỉ đạo lực lượng dân quân, du kích ở lại canh gác, huy động nhân dân ngày đêm tranh thủ chặt cây dọc đường từ Bình Dân đi Quân Chu để làm chậm bước tiến của địch. Đúng như dự đoán, ngày hôm sau, ngày 14/11/1947, Pháp đem quân xuống Bình Dân đốt phá. Nhờ làm tốt công tác tản cư, xã không có thiệt hại về người.

Ngày 15/11/1947, Pháp kéo quân vào Quân Chu. Do đoán trước được âm mưu của địch, tại Bình Dân, đồng chí Hải Sơn cùng đội quân của ông Mã Thành Kính đặt địa lôi, phục kích địch ở khu vực Ba Gò. Kết quả, 1 tên lính Pháp bị chết và một số tên khác bị thương. Cùng ngày, xã vận động nhân dân nắm hơn 1.000 nắm cơm cho bộ đội mang theo⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Sau này, đồng chí Nhị Quý về địa bàn xã tổ chức mít tinh và thưởng cho du kích xã 30 đồng.

Sau một tháng rưỡi đưa quân lên Việt Bắc, không đạt được mục tiêu cơ bản của cuộc tiến công, Pháp buộc phải chuyển sang cuộc hành quân mới mang tên Xanh - tuya, tập trung càn quét chủ yếu tỉnh Thái Nguyên. Chiều 26/11/1947, địch thả 400 quân dù xuống cánh đồng làng Ngò (xã An Khánh), nhằm chiếm các vị trí quan trọng trên tuyến đường 13A; đồng thời một cánh quân khác theo sườn núi Tam Đảo đánh sang phía tây nam huyện Đại Từ.

Ngày 5/12/1947, quân địch ở Hùng Sơn chia làm 2 mũi mở cuộc càn quét vào Bình Dân, Khôi Kỳ, Bình Khang. Trên tất cả các hướng tiến quân, chúng đều bị quân ta bao vây, chia cắt và tiêu diệt. Tại Bình Dân, 1 trung đội dân quân, du kích được huy động chặn đánh địch tại khu vực Ba Gò, triển khai đội hình đánh địch theo nhiều hướng. Kết quả, sau hàng tiếng giao tranh quyết liệt, quân ta đã tiêu diệt được nhiều tên địch. Chiến thắng của quân dân Bình Dân cùng nhân dân Khôi Kỳ, Bình Khang trong ngày 5/12/1947 đã động viên tinh thần chiến đấu của nhân dân các dân tộc huyện Đại Từ, khiến kẻ thù ngày càng hoang mang lo sợ.

Sau hàng loạt thất bại trên các mặt trận, giữa tháng 12/1947, các cánh quân địch tập kết ở khu vực Đại Từ và thị xã Thái Nguyên để chuẩn bị rút về đồng bằng. Ngày 22/12/1947, nhân dân trong xã cùng nhân dân

toàn tỉnh Thái Nguyên tổ chức cuộc mít tinh tại thị xã để mừng chiến thắng. Quân dân Bình Dân tự hào và phấn khởi vì trực tiếp góp phần không nhỏ cùng quân dân tỉnh Thái Nguyên, Bắc Kạn tiêu diệt và làm bị thương trên 1.000 tên địch, phá hủy trên 20 xe quân sự các loại, thu nhiều vũ khí, quân trang quân dụng, bảo vệ an toàn cơ quan đầu não kháng chiến.

III. Đẩy mạnh xây dựng hậu phương, chi viện cho tiền tuyến (1948 - 7/1954)

Sau chiến dịch Việt Bắc, nhân dân trong xã tranh thủ thời gian hòa bình, không ngừng tăng cường tiềm lực, tiếp tục xây dựng và củng cố căn cứ địa. Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, xã đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang, kiện toàn bộ máy chỉ huy quân sự. Ban Chỉ huy Xã đội xã gồm 1 xã đội trưởng, 1 xã đội phó và 1 chính trị viên. Xã đội có 3 ban trực thuộc: Ban Công tác chính trị, Ban Quân báo và Ban Văn thư. Các cán bộ chỉ huy dân quân du kích được cử đi học lớp huấn luyện bổ túc đại đội trưởng do Tỉnh đội Thái Nguyên tổ chức. Các chiến sỹ trong đội dân quân, du kích thay phiên nhau tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngắn ngày về quân sự và chính trị.

Thực hiện chủ trương của cấp trên về việc sáp nhập các xã nhỏ thành xã lớn để tập trung lực lượng cho kháng chiến, tháng 5/1948, xã Bình Dân hợp nhất với

xã Ký Phú thành xã Phú Cát. Ủy ban kháng chiến hành chính xã⁽¹⁾ do đồng chí Lưu Văn Canh làm Chủ tịch.

Tháng 8/1948, trên cơ sở số lượng đảng viên và tình hình thực tiễn, Huyện ủy Đại Từ quyết định thành lập Chi bộ Đảng xã Phú Cát. Đồng chí Dương Văn Sáng được chỉ định giữ chức Bí thư. Tổ Đảng Bình Dân trong Chi bộ Phú Cát có 38 đảng viên. Được sự chỉ đạo của Huyện ủy Đại Từ, trong năm 1948, Chi bộ Đảng xã Phú Cát tiến hành Đại hội lần thứ nhất (nhiệm kỳ 1948 - 1949), bàn phương hướng, nhiệm vụ trong 2 năm 1948 - 1949 và bầu Ban Chi ủy khóa mới. Đồng chí Dương Văn Sáng được bầu làm Bí thư Chi bộ. Trong điều kiện địa dư hành chính mới, đội ngũ cán bộ, đảng viên Bình Dân vẫn luôn nêu cao vai trò lãnh đạo tổ chức nhân dân hoàn thành tốt các nhiệm vụ xây dựng quê hương, đóng góp sức người, sức của cho sự nghiệp kháng chiến.

Thực hiện Chỉ thị của Trung ương Đảng về mở “*Lớp đảng viên tháng Tám*”, đồng thời tăng cường công tác lãnh đạo của Chi bộ, năm 1948, Chi bộ đã lựa chọn nhiều quần chúng tiến bộ đi học các lớp tìm hiểu về Đảng để bồi dưỡng kết nạp Đảng. Trong năm 1948, Chi bộ đã kết nạp thêm 15 đồng chí.

⁽¹⁾ Ngày 1/10/1947, Chính phủ ra Sắc lệnh số 91-SL quy định việc hợp nhất Ủy ban Kháng chiến và Ủy ban hành chính hợp nhất thành Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính, sau gọi là Ủy ban kháng chiến hành chính.

Ngày 2/12/1949, Chi bộ Đảng xã Phú Cát tiến hành Đại hội Chi bộ lần II (nhiệm kỳ 1949 - 1953) nhằm đánh giá kết quả 2 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Chi bộ lần thứ nhất và đề ra phương hướng nhiệm vụ của cán bộ, đảng viên và nhân dân Phú Cát trong những năm tiếp theo. Cuối cùng, Đại hội bầu Ban Chi ủy và phân công công việc cụ thể cho từng đồng chí. Đồng chí Dương Văn Sáng tiếp tục được tín nhiệm bầu giữ chức Bí thư Chi bộ.

Sau Đại hội, quán triệt chủ trương của cấp trên coi trọng chất lượng hơn số lượng trong công tác phát triển Đảng, 2 năm 1949 - 1950, việc phát triển Đảng viên ở Bình Dân cơ bản chú trọng vào chất lượng đảng viên do đó, trong 2 năm chỉ kết nạp được 3 đảng viên.

Công tác củng cố xây dựng ủy ban, mặt trận, tổ chức đoàn thể được chi bộ quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ. Chính quyền xã thực hiện tốt cuộc vận động “*Chấn chỉnh cấp xã*”, “*Chuyển trọng tâm công tác xuống các xã*” do Liên khu phát động nên chất lượng công tác của chính quyền từng bước được nâng lên. Tháng 4/1949, xã Phú Cát tổ chức bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân. Mặc dù trong hoàn cảnh kháng chiến, nhưng đại đa số cử tri trong xã đã đến nơi bỏ phiếu bầu các đại biểu mình tin cậy vào cơ quan quyền lực Nhà nước. Sau đó, Hội đồng nhân dân xã bầu Ủy ban kháng chiến hành

chính do đồng chí Lưu Văn Canh giữ chức Chủ tịch. Thực hiện kế hoạch của Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính huyện, trong 2 năm 1949 - 1950, 2/3 số cán bộ trong Hội đồng nhân dân, Ủy ban kháng chiến hành chính xã được tham gia học tập, bồi dưỡng năng lực do cấp huyện mở.

Đầu năm 1951, Phú Cát cùng với các xã Văn Cao, Hùng Sơn, Vinh Hoa được chọn làm thí điểm cuộc vận động chấn chỉnh cấp xã. Các đồng chí là ủy viên Ủy ban kháng chiến hành chính được phân công công tác cụ thể và được cử đi dự lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ từ ngày 13 đến ngày 18/3/1951 do Huyện ủy mở. Đồng thời, xã cũng thành lập Ban Học tập nâng cao năng lực cán bộ gồm 5 ủy viên, do đồng chí Dương Văn Sáng - Bí thư Chi bộ làm Trưởng ban.

Sau cuộc vận động chấn chỉnh cấp xã, hệ thống chính quyền ngày càng được củng cố. Ủy ban kháng chiến hành chính xã được kiện toàn, đưa những người có năng lực vào làm việc, đồng chí Lưu Văn Canh tiếp tục làm Chủ tịch. Mặt trận và các tổ chức đoàn thể tiếp tục phát huy vai trò tập hợp quần chúng trong các phong trào cách mạng. Chi ủy phối hợp với chính quyền, các đoàn thể tích cực vận động nhân dân tăng gia sản xuất.

Đoàn Thanh niên cứu quốc duy trì nền nếp sinh hoạt, giáo dục động viên đoàn viên, thanh niên gương mẫu

trong lao động sản xuất, tham gia dân quân, du kích, học tập bình dân học vụ. Hội Phụ nữ và Nông hội là lực lượng đi đầu trong việc vận động nhân dân mua công trái kháng chiến, đóng thuế nông nghiệp, thực hiện các cuộc vận động kháng chiến, kiến quốc do tỉnh, huyện, xã phát động.

Từ đầu năm 1950, thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng và Sắc lệnh số 20/SL ngày 12/2/1950 của Chủ tịch Hồ Chí Minh về tổng động viên tất cả nhân lực, vật lực, tài lực của toàn thể nhân dân để phục vụ kháng chiến, Đảng bộ huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân và lực lượng vũ trang tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Chi bộ và chính quyền xã đã vận động nhân dân tích cực làm cỏ, bón phân, tu sửa hệ thống kênh, mương để dẫn nước vào đồng ruộng. Toàn bộ diện tích bỏ hoang từ năm 1947 đã được nhân dân cày cấy lại.

Chi bộ Đảng và chính quyền còn phân công cán bộ, đảng viên về từng xóm để vận động nhân dân tham gia tổ đổi công theo đúng tinh thần chỉ đạo của Trung ương Đảng: *“Lấy tổ đổi công hợp tác làm trung tâm đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp”*. Đến cuối năm 1950, toàn xã xây dựng được 4 tổ đổi công. Dựa vào thế mạnh của xã có nhiều đồi núi, Chi bộ xã chỉ đạo nhân dân chú trọng chăn nuôi.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy về cuộc vận động vay thóc định giá, xã thành lập Ban vận động do đồng chí Lưu Văn Canh làm Trưởng ban. Mặc dù đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, nhưng xã Phú Cát vẫn cho Nhà nước vay 35 tấn thóc, được Huyện ủy đánh giá là một trong những xã điển hình về công tác vận động nhân dân cho vay thóc⁽¹⁾.

Tiếp đó, Huyện ủy phát động cuộc vận động thu thóc công lương, thóc điền thổ và thóc lũy tiến. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, cuộc vận động thu thóc công lương, thóc điền thổ, lũy tiến ở địa phương còn tồn tại một số thiếu sót: Chi bộ chưa chú ý đến tuyên truyền, giải thích cho nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của cuộc tổng động viên; chưa có kế hoạch điều tra, kê khai cụ thể nên không nắm rõ số hộ đã bán thóc, số hộ chưa bán; tổ chức điều tra chưa sát với đường lối của Đảng

Năm 1950, trong khi đang hái cà, bà Lê Thị Thân đã phát hiện tên Tô Siêu (đặc vụ của Tưởng Giới Thạch vượt ngục) xuất hiện ở núi Đồng Nghè và báo cho lực lượng du kích xã. Đồng chí Lê Nam Phong đã điều động lực lượng du kích xã vây bắt. Sau 2 tuần vây bắt nhưng không thấy, du kích xã rút về. Một thời gian sau, nhân

⁽¹⁾ Đảng bộ huyện Đại Từ: Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ tập I (1930 - 1954), Xí nghiệp in Bắc Thái, 1991, tr.105.

dân đi ngang qua khu vực Trung Nhang thấy xác của Tô Siêu nằm trên hòn đá. Sau này, lực lượng dân quân du kích xã được cấp trên tặng thưởng 1.000 đồng. Riêng bà Lê Thị Thân được tỉnh Thái Nguyên tặng giấy khen và thưởng 500 đồng.

Ngày 23/7/1950, Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Đại Từ ra Chỉ thị số 2053/QS chỉ rõ địch sẽ mở một cuộc tấn công càn quét Đại Từ. Nếu địch tấn công, Ủy ban kháng chiến hành chính các xã phải sơ tán đến các khu vực an toàn... Thực hiện Chỉ thị của Ủy ban kháng chiến hành chính huyện, Ủy ban kháng chiến hành chính xã Phú Cát lên kế hoạch cho nhân dân sơ tán vào khu vực Tam Đảo và núi Thần Lăn đồng thời vận động nhân dân giúp đỡ lương thực, thực phẩm cho các gia đình mới tản cư vào địa bàn xã cùng sơ tán. Các đợt diễn tập sơ tán trong tình huống vào ban đêm cho toàn dân được tổ chức tích cực. Khi nghe tiếng loa, kèn, trống đánh liên hồi, mọi người khẩn trương sơ tán vào rừng.

Trong khi đó, tại mặt trận Biên Giới, quân Pháp thất bại liên tiếp. Nhằm từng bước tháo gỡ những khó khăn, ngày 29/9/1950, Pháp mở cuộc hành quân Phô-cơ (Hải Cầu) càn quét vào Thái Nguyên theo 3 hướng: Hướng thứ nhất, từ Đa Phúc theo Quốc lộ 3 qua Phổ Yên, Đồng Hỷ đánh lên thị xã Thái Nguyên; hướng thứ hai, từ Phúc

Yên qua sườn Tam Đảo, vượt đèo Nhe đánh sang Phúc Thuận (Phổ Yên) qua Đồng Hỷ đánh lên thị xã Thái Nguyên; hướng thứ ba, từ Đa Phúc theo sông Cầu tiến đánh Hà Châu, theo đường 19 đánh lên thị xã Thái Nguyên. Thi đua với các chiến sỹ ở mặt trận Biên giới, với tinh thần quyết chiến quyết thắng, quân và dân trong xã chi viện cùng quân dân toàn tỉnh đã đập tan chiến dịch Hải Cầu của thực dân Pháp. Trong tháng 9/1950, Chính quyền xã phát động nhân dân trong xã thực hiện *“tuần lễ thi đua giết giặc lập công”*, các tổ chức *“Ngũ gia liên báo”* được thành lập để đẩy mạnh công tác phòng gian, trừ gian.

Sau chiến dịch Biên Giới, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định mở Chiến dịch Trung Du. Trong thời kỳ chuẩn bị cho chiến dịch, các xã phía nam huyện Đại Từ trong đó có Phú Cát là nơi đứng chân của các đơn vị bộ đội chủ lực. Trong thời gian chiến dịch, nhân dân Bình Dân thường xuyên nhường nhà cửa, cho thương binh nghỉ chân trên đường chuyển về bệnh viện Yên Giã (Mỹ Yên) và quyên góp gạo, thực phẩm nuôi quân.

Bước vào thời kỳ mới, năm 1951, Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ IV đã đề ra nhiệm vụ trước mắt cho nhân dân toàn tỉnh: *“Phải tập trung khôi phục, phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân,*

bồi dưỡng lực lượng kháng chiến, chi viện cho chiến trường, ra sức xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang địa phương đủ sức bảo vệ quê hương...". Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao phó.

Trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, nhân dân phấn đấu cấy hết diện tích, đúng thời vụ. Ngoài cấy lúa, trên những diện tích hoang hóa, nhân dân còn tích cực trồng các loại cây lương thực và hoa màu như: Ngô, khoai lang, khoai sọ, sắn, vừng... Việc làm cỏ, bón phân được thực hiện rộng rãi. Chính quyền xã tiếp tục thực hiện giảm tô 25%, chia ruộng đất vắng chủ cho nhân dân cày cấy. Tuy mới chỉ đạt những kết quả bước đầu nhưng công tác giảm tô đã góp phần thiết thực giúp nhân dân vượt qua nghèo đói lúc giáp hạt. Nhờ vậy, qua các năm, nhân dân Bình Dân đều cấy hết diện tích, năng suất bình quân mỗi sào đạt 50 kg đảm bảo tự cấp tự túc lương thực và nhanh chóng nộp nghĩa vụ lương thực cho Nhà nước.

Các phong trào văn nghệ quần chúng, giáo dục, y tế tiếp tục duy trì. Xã thành lập một đội văn nghệ, lấy thanh niên, phụ nữ làm nòng cốt. Phong trào vệ sinh phòng bệnh, ăn chín uống sôi, xây dựng hố xí hợp vệ sinh... cũng được phát động rộng rãi trong nhân dân. Cán bộ y tế xã được tập huấn băng bó và phòng trừ dịch

bệnh, kịp thời sơ cứu cho nhân dân, góp phần ngăn chặn và dập tắt một số dịch bệnh có nguy cơ lây lan cao.

Phong trào bình dân học vụ tiếp tục duy trì thu hút đông đảo nhân dân tham gia, trên cơ sở đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc tuyên truyền, vận động nhân dân ủng hộ kháng chiến và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. Nếp sống văn hóa mới được duy trì và đẩy mạnh, nhiều hủ tục mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội đã giảm nhiều.

Thực hiện chủ trương “*toàn dân kháng chiến*”, trong những năm 1948 - 1954, nhân dân trong xã vừa tổ chức xây dựng hậu phương vững mạnh, vừa hoàn thành tốt nhiệm vụ đón tiếp các cơ quan cấp cao của Đảng về sơ tán tại địa bàn. Năm 1948, nhân dân trong xã tổ chức đón tiếp cán bộ, nhân viên Nhà máy Xung Phong (thuộc Tổng Liên đoàn Thanh niên Việt Nam) về đóng tại khu vực Đồng Lò thuộc xóm Đồng Gốc. Thời gian cơ quan đóng tại địa bàn, nhân dân đã dựng 20 ngôi nhà, cung cấp lương thực, thực phẩm thiết yếu đáp ứng cơ bản nhu cầu của cán bộ, nhân viên nhà máy⁽¹⁾.

Năm 1949, xã tổ chức đón cán bộ, sinh viên Trường bổ túc Văn hóa (thuộc Tổng Công đoàn), Phòng Trung

⁽¹⁾ Sau này, cơ quan ủng hộ xã 50 quả lựu đạn.

cấp thông tin Trung ương, Xưởng giấy của Bộ Tổng tư lệnh, Tiểu đoàn 54 bộ đội Vệ quốc quân về đóng ở xóm Đồng Góc. Trong những năm tháng gian khổ của cuộc kháng chiến, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã vẫn hết lòng đùm bọc, chở che, đảm bảo an toàn cho các cơ quan, đơn vị và đồng bào đến sơ tán. Bên cạnh đó, xã còn ủng hộ 4 con bò cho cơ quan tỉnh Vĩnh Phú sơ tán ở Phúc Thuận (Phổ Yên).

Năm 1951, nhân dân Bình Dân cùng nhân dân xã Ký Phú, Quân Chu vinh dự được đón cơ quan Bộ Tổng tư lệnh về đóng ở khu chợ Chồ chân núi Tam Đảo để chỉ huy đánh giặc, trong đó có đồng chí Võ Nguyên Giáp, các đồng chí cấp cao ở Bộ Tổng tư lệnh và 30 cán bộ người Trung Quốc. Xã huy động nhân dân dựng 5 ngôi nhà ở chợ Chồ để cơ quan nghỉ ngơi và bàn bạc công việc, đồng thời chỉ đạo mỗi gia đình dự trữ 15 kg thóc, sau đó gánh gạo xuống xã Quân Chu cung ứng cho Cơ quan Bộ Tổng tư lệnh.

Một trong những nhiệm vụ của cán bộ và nhân dân xã thời kỳ 1948 - 1954 là tham gia sửa chữa, bảo vệ cầu, đường, giữ vững mạch máu giao thông thông suốt và đi dân công phục vụ các chiến dịch. Mỗi năm, xã huy động từ 2 - 3 đợt lao động tham gia sửa cầu, đường, người này thay phiên người khác tham gia, mỗi đợt từ 2 - 3 tháng.

Tham gia “*Chiến dịch cầu đường lần thứ nhất*” do Tỉnh ủy Thái Nguyên phát động, xã thành lập Ban huy động dân công do đồng chí Lưu Văn Canh phụ trách. Với tinh thần “*Sửa chữa cầu đường như đánh giặc*”, quân dân trong xã góp sức cùng đồng bào các dân tộc trong huyện ngày đêm san lấp hào hố, dọn cây và các chướng ngại vật trên mặt đường để cho xe ra tiền tuyến.

Trên mọi nẻo đường, hàng trăm dân công trong xã vượt qua khó khăn về hoàn cảnh gia đình, thời tiết, bom đạn địch bắn phá, mang theo dụng cụ tích cực sửa đường. Sau một thời gian lao động hăng say, nhân dân trong xã cùng nhân dân toàn tỉnh đã sửa xong tuyến đường số 3 (đoạn Bờ Đậu - Chợ Mới), đường 13A (Bờ Đậu - Đèo Khế) và các đường Bờ Đậu - Thị xã Thái Nguyên - Bắc Giang, km 31 (trên đường số 3) - Quán Vuông - Đại Từ. Trên các tuyến đường mới được sửa chữa hoặc mở rộng, bộ đội dân công và các loại xe ngày đêm tấp nập ra mặt trận.

Cuối năm 1952, cấp trên quyết định phân chia lại hệ thống làng xã, để công tác giảm tô, cải cách ruộng đất được chỉ đạo sâu sát hơn. Thực hiện chủ trương đó, sau một thời gian sáp nhập với xã Ký Phú, tháng 1/1953, xã Bình Dân được tái lập. Ông Trần Văn Lớn được tín nhiệm bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban kháng chiến hành chính.

Căn cứ vào Điều lệ Đảng, số lượng đảng viên và tình hình thực tiễn tại địa phương, ngay trong năm 1953, Huyện ủy Đại Từ đã quyết định thành lập Chi bộ Đảng xã Bình Dân. Đồng chí Nguyễn Văn Chúc được chỉ định làm Bí thư Chi bộ lâm thời. Ngay sau đó, Chi bộ tiến hành Đại hội lần thứ nhất với 25 đảng viên tham dự. Đại hội bầu Ban Chi ủy chính thức gồm 5 đồng chí, đồng chí Nguyễn Văn Chúc được bầu làm Bí thư, đồng chí Trần Văn Lớn giữ chức Phó Bí thư.

Từ giữa năm 1953, trên khắp các chiến trường, bộ đội ta liên tiếp giành những thắng lợi to lớn và chuẩn bị bước vào cuộc tiến công chiến lược mang ý nghĩa quyết định. Yêu cầu cung cấp về mọi mặt cho kháng chiến trở nên cấp thiết. Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc bồi dưỡng sức dân, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 4 (năm 1953) nêu rõ: *“Muốn kháng chiến hoàn toàn thắng lợi, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân thì phải thiết thực nâng cao quyền lợi kinh tế và chính trị của nông dân, phải chia ruộng đất cho nông dân”* và chủ trương trong năm 1953 phát động quần chúng nông dân triệt để giảm tô, giảm tức. Từ ngày 25/8/1953 đến ngày 20/10/1953, dưới sự lãnh đạo của Đoàn ủy II, Liên khu Việt Bắc trực tiếp lãnh đạo tỉnh Thái Nguyên tiến hành giảm tô triệt để.

Cuối năm 1953, cấp trên cử đội công tác gồm 6 đồng chí do đồng chí Nguyễn Văn Lộc làm Đội trưởng về Bình Dân phát động nhân dân giảm tô, thoái tô. Đội công tác phân công cán bộ phụ trách từng xóm: Ông Số phụ trách xóm Tân Khai; ông Bảo Loan phụ trách xóm La Lang; ông Võ (người miền Nam) phụ trách xóm Tân Phú; ông Cân phụ trách xóm Trung Nhang; ông Nguyễn Văn Lộc phụ trách xóm La Vinh. Đội công tác phối hợp với Ủy ban kháng chiến hành chính xã thực hiện Sắc lệnh giảm tô của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, phát động quần chúng đấu tranh với địa chủ, yêu cầu họ thực hiện nghiêm túc chính sách giảm tô đồng thời triển khai kiểm kê ruộng đất của từng gia đình. Qua 2 tháng kiên trì hoạt động, trên cơ sở thận trọng, công bằng, đội giảm tô cơ bản hoàn thành nhiệm vụ.

Tháng 12/1953, Trung ương Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ. Quân dân Đại Từ được giao nhiệm vụ phục vụ chiến dịch. Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy Đại Từ, Chi bộ Đảng xã Bình Dân đã quán triệt cán bộ, đảng viên và nhân dân tầm quan trọng của chiến dịch, phân công nhiệm vụ cho từng tổ Đảng, từng đảng viên, động viên nhân dân, cán bộ, đảng viên biến quyết tâm thành hành động thực tế. Xã huy động một đại đội dân công do đồng chí Trần Hậu làm Đại đội trưởng có nhiệm vụ phối hợp với các đội khác mở rộng

đường từ Bắc Sơn - Đình Cả - Thái Nguyên. Các ông Nguyễn Ngọc Đường, Hà Văn Ban, Dương Văn Dũng, Đỗ Văn Tường... với những chiếc xe đạp thồ đã không quản ngại khó khăn, vượt qua suối sâu, đèo cao, rừng rậm, vận chuyển hàng trăm ki-lô-gam lương thực, thực phẩm phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ.

Sau 56 ngày đêm chiến đấu đầy gian khổ, ác liệt ngày 7/5/1954, quân ta đã tiêu diệt hoàn toàn cứ điểm Điện Biên Phủ, buộc thực dân Pháp phải ký với Chính phủ ta Hiệp định Giơ-ne-vơ về việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Không khí vui mừng, phấn khởi tràn ngập khắp các xóm ở Bình Dân. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã kết thúc 9 năm kháng chiến gian khổ, đầy thử thách, hy sinh nhưng cũng rất tự hào của nhân dân ta. Trong chiến thắng chung ấy có sự đóng góp tích cực của nhân dân Bình Dân. Trong 9 năm, toàn xã có 71 đồng chí tham gia bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, hàng trăm người đi dân công phục vụ các chiến dịch, đóng góp hàng chục tấn lương thực, thực phẩm. Từ năm 1946 - 1954, địa bàn xã còn là nơi đóng quân của bộ đội địa phương, một số cơ quan Nhà nước và hàng trăm gia đình từ các tỉnh miền xuôi đến tản cư. Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng chính quyền và nhân dân trong xã vẫn hết lòng đùm bọc, che chở, đảm bảo an toàn cho các cơ quan, đơn vị và đồng bào.

Song song với việc xây dựng hậu phương vững chắc, đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến, nhân dân Bình Dân còn phối hợp với các xã Ký Phú, Quân Chu, trực tiếp chiến đấu chống lại nhiều trận càn quét của địch, tiêu diệt nhiều tên, thu nhiều vũ khí và quân trang quân dụng, bảo vệ đồng bào trong xã. Trong kháng chiến, 4 người con của Bình Dân đã anh dũng hy sinh, 3 người là thương binh.

Ghi nhận thành tích của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã, Đảng và Chính phủ đã tặng thưởng 2 bằng “Đồng tiền vàng” cho gia đình ông Hà Đức Dương (Thái Sơn), gia đình ông Trần Hậu; 3 bằng “Có công với nước” cho ông Lưu Văn Canh, ông Nguyễn Văn Thiện (Thường Sơn), gia đình ông Trần Hậu, bà Nguyễn Thị Huệ, bà Nguyễn Thị Bốn; Ủy ban Bắc Bộ Phủ tặng 4 bằng khen cho các ông Đỗ Lượng, ông Đỗ Văn Thách (Đỗ Văn Vạn), ông Trần Văn Lan, ông Phó Bổng. Ngoài ra, xã còn được nhận hàng trăm giấy khen, bằng khen của các cấp trao tặng. Đây là những phần thưởng cao quý, là niềm tự hào của các thế hệ nhân dân Bình Dân.

Mặc dù trải qua nhiều thời kỳ phát triển thăng trầm, nhưng hầu hết đảng viên trong Chi bộ đều phát huy phẩm chất cộng sản, không quản hiểm nguy, gian khổ, hy sinh, luôn xứng đáng là đảng viên tiên phong trong phong trào kháng chiến ở địa phương. Chi bộ luôn quán

triệt, vận dụng đúng đắn, sáng tạo đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kỳ và tự lực cánh sinh của Đảng vào hoàn cảnh cụ thể của xã, khơi dậy truyền thống yêu nước của nhân dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp để huy động sức người, sức của cho công cuộc kháng chiến kiến quốc. Kinh nghiệm thực tế cùng với những thành tích đạt được trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp là nền móng quan trọng và vững chắc để nhân dân trong xã bước sang giai đoạn mới: Khôi phục kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống mới trên quê hương.

Chöông III

CHI BOÃÑAÑNG XAÕCAIT NEÃ LAÑH NÃÑD NHAÑN DAÑN XAÑY DÖÑNG CHUÛNGHÖA XAÕHOÃ (1954 - 1965)

I. Khôi phục kinh tế, tiến hành cải cách ruộng đất và hợp tác hóa nông nghiệp (1954 - 1960)

Chiến thắng Điện Biên Phủ (ngày 7/5/1954) và Hiệp định Giơ-ne-vơ đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa của thực dân Pháp ở Việt Nam, miền Bắc nước ta hoàn toàn giải phóng, miền Nam tạm thời dưới quyền kiểm soát của thực dân Pháp và nguy quyền tay sai. Cán bộ, đảng viên và nhân dân Bình Dân phấn khởi đón nhận hòa bình lập lại trên quê hương sau 9 năm kháng chiến trường kỳ gian khổ, tin tưởng bắt tay xây dựng cuộc sống mới. Từ sau năm 1950, xã không bị địch bắn phá, cuộc sống vật chất, tinh thần của nhân dân có bước phát triển. Chi bộ Đảng được rèn luyện và trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp, có bề dày đấu tranh cách mạng. Đó chính là những nền tảng quan trọng để toàn xã bước vào thời kỳ mới.

Tuy nhiên, sau cuộc kháng chiến chống Pháp, đời sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn. Sản xuất lạc

hậu và phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên, đất đai hoang hóa nhiều; kinh nghiệm lãnh đạo của cán bộ địa phương còn thiếu.

Tiếp theo đợt cải cách ruộng đất thí điểm, Bình Dân là một trong 10 xã của tỉnh Thái Nguyên được cấp trên chọn làm nơi thực hiện cải cách ruộng đất đợt 1. Ngày 25/5/1954, đội cải cách gồm 5 đồng chí do đồng chí Cán làm đội trưởng, đồng chí Mô làm đội phó, các đồng chí Hùng, Trâm, Thuấn làm đội viên về địa phương công tác. Đội cải cách đã bám sát xóm, thực hiện khẩu hiệu “ba cùng” với nông dân (cùng ăn, cùng ở, cùng làm), gặp những quần chúng nghèo khổ trong mỗi xóm, bằng phương pháp “ôn nghèo, gọi khổ” vạch mặt giai cấp địa chủ, phú nông, cường hào gian ác.

Sau gần 3 tháng thực hiện, đến tháng 8/1954, đội cải cách ruộng đất đã trưng thu, trưng mua hàng trăm mẫu ruộng, hàng chục con trâu bò và nhiều tài sản khác của các gia đình địa chủ. Được sự đồng ý của Huyện ủy, đội đã quy 11 địa chủ, trong đó có một số đồng chí tham gia phong trào cách mạng trong những ngày đầu ở địa phương là Hà Đức Dương, Lưu Văn Canh, Trần Văn Vang, Hà Công Hoạch, Quang Minh, Dương Ninh và các ông Nguyễn Văn Hợi, Vũ Văn Trang (lý trưởng), Nguyễn Thượng Nhai, Ngô Văn Cúc, Hà Văn Ngạch.

Với mục đích “*Người cày có ruộng*”, được sự ủy nhiệm của Ủy ban kháng chiến hành chính tỉnh Thái Nguyên và Ủy ban kháng chiến hành chính huyện Đại Từ, Ủy ban kháng chiến hành chính xã tiến hành chia ruộng đất cho nông dân. Cách thức chia cơ bản là hộ nào thiếu được chia cho đủ mức, hộ nào chưa có được chia hoàn toàn, các gia đình cố nông được chia thêm đồ dùng, nông cụ, ưu tiên ruộng tốt cho gia đình kháng chiến. Bình quân mỗi khẩu trong xã nhận 3 sào Bắc Bộ. Sau ngày chia ruộng, ước mơ “*Người cày có ruộng*” của nông dân đã trở thành hiện thực. Vị thế chính trị của nông dân lao động được nâng cao, nhiều bần cố nông được kết nạp Đảng trong đó một số trở thành cán bộ tham gia tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể ở xã.

Trong quá trình cải cách ruộng đất, đội cải cách tiến hành chỉnh đốn Đảng, đề nghị Huyện ủy đưa 25 đảng viên thuộc thành phần địa chủ hoặc có mối quan hệ mật thiết với địa chủ ra khỏi Đảng, đồng thời kết nạp thêm một số quần chúng tích cực trong cải cách ruộng đất vào Đảng.

Bên cạnh kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện cải cách ruộng đất, đội cải cách đã phạm phải một số sai lầm, khuyết điểm: Do cách nhìn nhận về giai cấp địa chủ không sát với thực tế, chủ yếu dựa vào công thức tỷ lệ nên đã quy sai các trường hợp là địa chủ. Sai lầm

trong cải cách ruộng đất là nguyên nhân dẫn đến tình trạng căng thẳng trong tâm lý nhân dân; tinh thần đoàn kết, niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng bị giảm sút, tạo kẽ hở để bọn phản cách mạng xuyên tạc chính sách, lôi kéo quần chúng gây hoang mang trong dư luận. Nguyên nhân của những sai lầm trên là do không nắm vững những biến đổi về sở hữu ruộng đất, về giai cấp địa chủ ở nông thôn; không chú ý tới địa chủ đã có công ủng hộ kháng chiến hoặc tham gia kháng chiến. Uy tín của Đảng trong nhân dân bị giảm sút.

Trong thời gian này, bộ máy Đảng, chính quyền tiếp tục được củng cố. Tháng 9/1954, Chi bộ Đảng xã Bình Dân tổ chức Đại hội lần thứ II (nhiệm kỳ 1954 - 1955). Đại hội xác định nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ là: Lãnh đạo nhân dân khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, giáo dục, y tế. Đại hội bầu Ban Chi ủy gồm 3 đồng chí, đồng chí Nguyễn Văn Chức được phân công làm Bí thư, đồng chí Trần Văn Lớn làm Phó Bí thư Chi bộ.

Tháng 9/1954, cử tri trong xã tham gia bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân xã (nhiệm kỳ 1954 - 1957). Ủy ban kháng chiến kiêm hành chính xã được bầu ra gồm những đồng chí có năng lực, trách nhiệm. Đồng chí Trần Văn Lớn giữ chức Chủ tịch từ năm 1954 đến năm 1955 sau đó bàn giao công tác cho đồng chí Đỗ Văn Cát. Do mới tách xã, trụ sở làm việc của Chi bộ, chính quyền

chưa xây dựng kịp nên trong thời gian đầu bộ máy chính quyền xã đều làm việc ở trường học hoặc nhà dân.

Tiếp đó, tháng 10/1955, Chi bộ tiến hành Đại hội lần thứ III (nhiệm kỳ 1955 - 1957). Nghị quyết Đại hội Chi bộ nhấn mạnh tới công tác lãnh đạo ổn định tình hình địa phương trong quá trình cải cách ruộng đất, không để tình hình bất ổn sau cải cách ruộng đất kéo dài. Đại hội bầu Ban Chi ủy gồm 3 đồng chí. Đồng chí Lý Văn Diêm được phân công làm Bí thư, đồng chí Đỗ Văn Cát - Phó Bí thư Chi bộ. Sau Đại hội, Chi bộ tập trung lãnh đạo nhân dân khôi phục kinh tế, từng bước ổn định tình hình địa phương sau chiến tranh.

Trong những năm (1955 - 1956), nhân dân địa phương tích cực hưởng ứng phong trào thi đua “*Sản xuất - tiết kiệm - cứu đói*” do Huyện ủy phát động. Lực lượng dân quân, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân hăng hái đi đầu trong các hoạt động sản xuất ở địa phương. Trước tình trạng nhiều diện tích đất bị bỏ hoang, Chi ủy vận động nhân dân khai hoang, phục hóa, mở rộng diện tích hoa màu. Nhiều khu đồi, gò trước đây chỉ để làm bãi chăn thả trâu bò nay được khai phá thành những ruộng cấy, bãi trồng hoa màu. Nhân dân còn tận dụng những diện tích đất trống để trồng các loại cây lương thực, thực phẩm ngắn ngày như khoai lang, ngô, bí... nhằm bổ sung nguồn

lượng thực lúc giáp hạt. Để chủ động nước tưới cho đồng ruộng, xã tận dụng nguồn nước từ các khe suối đồng thời đắp đập giữ nước. Do đó, mặc dù trong 2 năm (1955 - 1956), thời tiết diễn biến phức tạp, nhưng năng suất lúa vẫn giữ ở mức 60 kg/sào.

Dựa vào thế mạnh vùng rừng núi, thực hiện chủ trương của Huyện ủy, Ban Chi ủy đã chỉ đạo, tổ chức nhân dân khai thác các sản phẩm, tài nguyên từ rừng như: Tre, gỗ, song, mây... để bán cho Nhà nước. Trong những năm 1955 - 1956, số tiền khai thác lâm thổ sản ở địa phương góp phần tăng thêm nguồn thu phúc lợi của xã và cải thiện sinh hoạt của bà con. Tuy nhiên do công tác khai thác, quản lý không chặt chẽ cùng với tập quán phát rừng làm nương rẫy nên tài nguyên rừng ở Bình Dân ngày càng bị cạn kiệt.

Ngay sau khi phát hiện sai lầm trong cải cách ruộng đất, ngày 20/12/1956, Chính phủ ban hành Kế hoạch tiến hành sửa chữa sai lầm về cải cách ruộng đất chỉ rõ phải *“Kiên quyết sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, phát huy những kết quả, thắng lợi đã đạt được”*.

Tháng 1/1957, Chi bộ xã tổ chức Đại hội lần thứ IV (nhiệm kỳ 1957 - 1958) nhằm quán triệt tinh thần sửa sai sau cải cách ruộng đất của Chính phủ đến toàn đảng viên trong Chi bộ. Trên cơ sở đó, Đại hội khẳng định

cần phải tiếp tục phấn đấu đưa kinh tế phát triển, không để nhân dân thiếu đói. Đại hội bầu Ban Chi ủy gồm 3 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Văn Chức được phân công giữ chức Bí thư Chi bộ.

Đầu năm 1957, cấp trên cử một đội sửa sai về xã công tác do đồng chí Hạ Bá Sơn làm Đội trưởng, đồng chí Huyền làm Đội phó. Về địa phương, đội liên hệ với Chi bộ Đảng và chính quyền rà soát lại danh sách các địa chủ; tổ chức cho cán bộ đảng viên và nhân dân học tập chính sách sửa sai của Đảng. Thông qua học tập, hầu hết cán bộ, đảng viên đã thấy được những thắng lợi cũng như sai lầm khuyết điểm trong quá trình thực hiện cải cách ruộng đất. Trên cơ sở đối chiếu với tiêu chuẩn và nội dung sửa sai 12 điểm của Trung ương, đội sửa sai đã lập hồ sơ báo cáo lên cấp trên đề nghị sửa sai thành phần cho những người bị quy oan, quy sai.

Sau đó, đội sửa sai phối hợp với Chi bộ tiến hành rà soát lại đồng ruộng, đền bù, trả lại tài sản cho những người bị quy oan, quy sai. Tuy nhiên, công việc này gặp không ít khó khăn do ruộng đất, trâu bò của những gia đình bị quy oan trong cải cách ruộng đất đã bị phân tán, sang nhượng qua tay người khác, người được chia ruộng không còn khả năng trả lại hoặc không muốn trả lại. Trước tình hình trên, Chi ủy và Ủy ban hành chính xã cử cán bộ, đảng viên xuống các xóm, giải thích cho nhân

dân hiểu rõ chủ trương của Tỉnh ủy, Huyện ủy. Nhờ đó, các hộ bị quy oan, quy sai được đền bù, trả lại tài sản thích đáng, yên tâm sản xuất, phát triển kinh tế.

Trong sửa sai, Chi bộ đã quyết định khôi phục Đảng tịch cho các đồng chí bị quy sai trong cải cách ruộng đất, đồng thời kết nạp thêm 8 quần chúng tích cực vào Đảng, nâng số đảng viên của Chi bộ lên 24 đồng chí⁽¹⁾. Số đảng viên bị quy oan, quy sai sau khi trả lại Đảng tịch đã phấn khởi, tích cực công tác.

Từ năm 1958, cùng đồng bào các dân tộc trong huyện, nhân dân Bình Dân bước sang thời kỳ cải tạo các thành phần kinh tế cá thể theo hướng xã hội chủ nghĩa. Xuất phát từ đặc điểm là một xã thuần nông, với gần 100% dân số là nông dân nên nhiệm vụ cải tạo các thành phần kinh tế của Chi bộ chủ yếu là vận động và tổ chức nông dân vào con đường làm ăn tập thể.

Để từng bước đưa nông dân vào con đường làm ăn tập thể, tháng 2/1958, Chi bộ tiến hành Đại hội chi bộ lần thứ V (nhiệm kỳ 1958 - 1961) với sự tham gia của 22 đảng viên. Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá những thành tích mà quần dân trong xã đã đạt được trong 3 năm khôi

⁽¹⁾ Sau một thời gian ngắn, 2 đồng chí chuyển công tác, chi bộ còn 22 đồng chí.

phục kinh tế, đồng thời đề ra nhiệm vụ cụ thể cần thực hiện trong nhiệm kỳ, nhấn mạnh đến nhiệm vụ xây dựng hợp tác xã. Đại hội bầu Ban Chi ủy gồm 3 đồng chí, đồng chí Hà Công Hoạch được phân công làm Bí thư Chi bộ. Sau Đại hội, bộ máy tổ chức Đảng được kiện toàn, kết nạp thêm 3 đồng chí, nâng số đảng viên trong toàn chi bộ lên 25 đồng chí. Tất cả đảng viên trong chi bộ đều qua hai đợt chỉnh huấn chính trị, học tập và kiểm tra theo tinh thần Nghị quyết hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 14 và 15. Thông qua học tập các nghị quyết, Chi bộ Đảng đã phát huy vai trò lãnh đạo, vị trí và vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng quan hệ sản xuất mới ở nông thôn.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong xã hoạt động tích cực, đóng vai trò nòng cốt, tiên phong trong các phong trào xây dựng tổ đổi công, hợp tác xã, cải tiến kỹ thuật, chống hạn và bổ túc văn hóa... Chi bộ Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng được củng cố là điều kiện thuận lợi để nhân dân địa phương thực hiện thắng lợi phong trào xây dựng tổ đổi công và hợp tác xã.

Hoạt động của các tổ đổi công từ trong kháng chiến chống Pháp tiếp tục duy trì có hiệu quả, khai thác tương đối triệt để khả năng lao động trong nhân dân, bước đầu thực hiện cải tiến các khâu sản xuất như cải tiến

nông cụ, phòng trừ sâu bệnh. Đến năm 1958, toàn xã đã có 5 tổ đổi công, qua hình thức tổ đổi công, sức mạnh của lao động tập thể được khẳng định. Các gia đình neo đơn, khó khăn, thiếu lao động, thiếu vốn, thiếu sức kéo được tổ đổi công giúp đỡ cấy cày kịp thời vụ, giúp thu hoạch, phòng chống thiên tai, úng lụt, hạn hán. Tình làng nghĩa xóm, tinh thần thương yêu, đùm bọc lẫn nhau trong nhân dân được nhân lên rõ rệt. Đây là nền tảng vững chắc tạo điều kiện mới cho xã Bình Dân tiến lên xây dựng hợp tác xã nông nghiệp.

Dưới sự chỉ đạo của cấp trên, Chi ủy tổ chức cho nhân dân học tập đường lối, chủ trương và phương hướng xây dựng hợp tác xã bậc thấp. Bước đầu học tập, tư tưởng trong tầng lớp nông dân có nhiều diễn biến phức tạp. Người nông dân vừa được làm chủ ruộng đất một thời gian, nay vào làm ăn tập thể thì thấy quyền lợi bị giảm đi. Nắm bắt được những vướng mắc trong tư tưởng của người nông dân, cán bộ, đảng viên và các đoàn thể kiên trì giải thích, thuyết phục quần chúng. Với phương châm bám sát cơ sở, khơi gợi cho quần chúng bộc lộ hết những suy nghĩ, Chi bộ phân công đảng viên về từng xóm vận động, dẫn thông tư tưởng cho nhân dân. Kết quả, nhân dân trong xã đã nhận ra sự ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa và con đường làm ăn tập thể. Đa số quần chúng tán thành, tự nguyện viết đơn xin vào hợp tác xã.

Bám sát phương châm “*Tự nguyện, không gò ép*”, đảm bảo 3 điều kiện xây dựng hợp tác xã là: Có tổ đổi công thường xuyên, có bình công chấm điểm, có cốt cán lãnh đạo, tháng 3/1959, Chi bộ đã xây dựng 5 hợp tác xã là: Hợp tác xã Trung Nhang do đồng chí Thường Sơn làm Chủ nhiệm, hợp tác xã La Lang do đồng chí Đinh Lương Dân làm Chủ nhiệm, hợp tác xã Tân Khai do đồng chí Hoàng Chí Tuệ làm Chủ nhiệm, hợp tác xã Tân Phú do đồng chí Dương Văn Sư làm Chủ nhiệm, hợp tác xã La Vĩnh do đồng chí Vũ Văn Nhậm làm Chủ nhiệm. Tính đến cuối năm 1959, Bình Dân cùng 2 xã khác của huyện Đại Từ là Phúc Lương và Đức Lương đã căn bản hoàn thành công tác vận động nhân dân vào làm ăn tập thể, thu hút 95% số hộ nông dân trong xã tham gia⁽¹⁾.

Công việc quản lý, điều hành mỗi hợp tác xã do Ban Quản trị đảm trách. Ban Quản trị do tập thể xã viên bầu theo phương thức dân chủ, trong đó có các chức danh chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, thủ quỹ và kế toán. Mỗi hợp tác xã nông nghiệp đều chia ra thành 2 tổ sản xuất do các tổ trưởng đứng đầu điều hành công việc hàng ngày cho xã viên bằng việc trực tiếp giám sát công việc, thời gian, số người tham gia lao động hàng ngày, từ đó bình công, chấm điểm. Tuy nhiên các gia đình thuộc diện

⁽¹⁾ *Đảng bộ huyện Đại Từ: Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ tập II 1955 - 1995, Huyện ủy Đại Từ, 2000, tr.20.*

chính sách, hoàn cảnh neo đơn, nghèo đói được tập thể thực hiện theo chế độ ưu tiên và có các biện pháp giúp đỡ, hỗ trợ kịp thời. Một trong những nhiệm vụ quan trọng đối với các hợp tác xã là xây dựng cơ sở vật chất, công hữu hóa tư liệu, công cụ sản xuất như: Trâu, bò, cày, bừa... Từ khi thành lập được các hợp tác xã thì thu nhập của xã viên khá hơn trước, thời gian lao động thực hiện 8 giờ mỗi ngày và thống nhất đi làm cùng nhau bằng những hồi kặng.

Nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, các hợp tác xã nông nghiệp tập trung cải tạo đồng ruộng, xây dựng hệ thống thủy lợi trên các cánh đồng. Vốn là xã miền núi, địa hình không bằng phẳng nên khó khăn lớn nhất trong sản xuất nông nghiệp ở xã là vấn đề nước tưới. Được sự chỉ đạo của Chi ủy, sự điều hành trực tiếp của Ban Quản trị hợp tác xã, công tác thủy lợi nội đồng được chú trọng. Hàng ngàn mét nương máng lớn nhỏ được nạo vét, một số nương, vai, cống, hệ thống đường sá ra đồng được đào đắp nhằm phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

Lúc này, ruộng đất của các hợp tác xã còn chưa tập trung, vì vậy, những thửa ruộng trên cùng một cánh đồng, các hợp tác xã thương lượng đổi cho nhau để thuận lợi cho việc canh tác. Một số thửa ruộng liền bờ, diện tích nhỏ được san ra tạo thành các thửa ruộng lớn hơn. Các loại bèo, rơm và lá cây rừng, cây dại được băm nhỏ

trộn đều, ủ với bùn ao làm phân bón ruộng. Các biện pháp kỹ thuật trong canh tác cũng được áp dụng. Nhờ vậy, năng suất và sản lượng thóc năm 1960 đều tăng. Diện tích cây hoa màu cũng được chú trọng mở rộng như: Ngô, khoai, sắn, đỗ tương, lạc... Đàn trâu, đàn lợn được xã viên chú ý chăm sóc nên phát triển mạnh.

Sau khi thành lập các hợp tác xã nông nghiệp, năm 1960, Chi bộ thành lập hợp tác xã mua bán do đồng chí Vũ Văn Tiến làm Chủ nhiệm. Thông qua hệ thống thương nghiệp quốc doanh, hợp tác xã mua bán xã cung cấp cho nhân dân địa phương một số hàng hóa thiết yếu, phục vụ đời sống như: Dầu thắp sáng, muối ăn, vải may mặc... Cùng thời gian này, hợp tác xã tín dụng được thành lập do đồng chí Dương Văn Khóa làm Chủ nhiệm. Được quản lý một nguồn tiền, hợp tác xã tín dụng đã giúp đỡ một số gia đình có nhu cầu cấp thiết được vay vốn phát triển sản xuất với lãi suất thấp.

Như vậy, chỉ trong 3 năm (1958 - 1960), thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy và Huyện ủy, Chi bộ Đảng và chính quyền xã lãnh đạo nhân dân tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, thiết lập quan hệ sản xuất mới với hình thức sở hữu tập thể. Hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng giữ vai trò khác nhau trong nền kinh tế địa phương nhưng lại có tác dụng hỗ trợ thúc đẩy nhau phát triển.

Từ sau ngày hòa bình lập lại, giáo dục phổ thông trên địa bàn xã phát triển mạnh. Năm 1959, chính quyền xã huy động nhân dân, góp sức xây dựng trường cấp I xã. Lớp học làm bằng tre, nứa, vách đắp bằng đất. Nhiều gia đình kinh tế còn khó khăn nhưng vẫn dành dụm tiền mua sách, vở, bút mực cho con em đến trường. Cùng với giáo dục phổ thông, các lớp bình dân học vụ được mở ra khắp các xóm để dạy những người chưa biết chữ và nâng cao trình độ cho những người mới thoát nạn mù chữ. Với phương châm “*Học ngày không đủ tranh thủ học đêm*”, tối đến các tầng lớp nhân dân trong xã với cây đèn dầu trên tay, rủ nhau đến lớp học bổ túc.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được cấp ủy, chính quyền quan tâm chu đáo. Đến năm 1956, xã có ban phòng bệnh do ông Nguyễn Đình Hùng làm Trưởng ban. Mỗi năm, Phòng y tế huyện phối hợp với cán bộ y tế xã tổ chức phun thuốc DDT từ 1 đến 2 lần. Hàng tháng, cán bộ y tế xã vận động nhân dân phát quang đường đi, vệ sinh nhà cửa, làm chuồng chăn nuôi gia súc xa nơi ở, đào giếng lấy nước ăn. Hiện tượng nhân dân cầu cúng khi ốm đau đã giảm dần.

Các hoạt động văn hóa lành mạnh được xây dựng từ trong kháng chiến như: Cưới hỏi, tang ma giản dị, tiết kiệm được duy trì. Lời ca, tiếng hát của đội văn nghệ đều tập trung ca ngợi và động viên nhân dân xây dựng

cuộc sống mới. Những hoạt động này tuy đơn giản nhưng đã làm không khí xóm làng thêm sôi động.

Năm 1958, Đại Từ là một trong bốn huyện của tỉnh Thái Nguyên được chọn thí điểm thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự. Xã đã thành lập Hội đồng nghĩa vụ quân sự do đồng chí Vũ Văn Tiến làm Chủ tịch. Trong năm 1958, Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã phối hợp với các cơ quan, đoàn thể địa phương tiến hành các đợt học tập tuyên truyền sâu rộng về chế độ nghĩa vụ quân sự cho toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã, nhất là các công dân trong độ tuổi khám nghĩa vụ quân sự. Tháng 2/1959, đợt gia nhập quân đội đầu tiên theo chế độ nghĩa vụ quân sự thí điểm, đã có 3 người con trên địa bàn xã đăng ký vào bộ đội.

Từ năm 1954 đến năm 1960, toàn xã diễn ra 3 cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân vào các năm 1954, 1957, 1959. Qua các kỳ bầu cử, bộ máy chính quyền được kiện toàn, duy trì chế độ thường trực vào buổi chiều các ngày trong tuần. Các đồng chí Trần Văn Lớn, Đỗ Văn Cát, Vũ Văn Tiến được tín nhiệm bầu làm Chủ tịch trong thời gian này.

Sau hơn 6 năm khôi phục kinh tế, tiến hành cải cách ruộng đất và cải tạo xã hội chủ nghĩa (1954 - 1960), tuy thời gian không dài so với tiến trình lịch sử của dân tộc, song cũng đủ để tạo nên sự chuyển biến căn bản về

nhận thức tư tưởng, cách thức làm ăn và lối sống của nhân dân trong xã. Người nông dân từ địa vị làm thuê đã trở thành người làm chủ đồng ruộng, đời sống được cải thiện; uy tín của tổ chức Đảng, chính quyền và các đoàn thể được nâng cao. Nhân dân ngày càng tin tưởng vào chế độ mới, vào chủ trương, chính sách và sự lãnh đạo của Đảng, của Bác Hồ.

II. Củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)

Tháng 9/1960, Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III được tổ chức tại thủ đô Hà Nội. Đại hội xác định mục tiêu, nhiệm vụ cách mạng của nước ta trong giai đoạn này là: Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc; làm chỗ dựa vững chắc cho cách mạng miền Nam, đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, thống nhất nước nhà.

Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy Đại Từ, tháng 3/1961, Chi bộ Đảng xã Bình Dân tổ chức Đại hội lần thứ VI (nhiệm kỳ 1961 - 1963). Đại hội đánh giá tình hình thuận lợi và khó khăn khi nhân dân trong xã bước vào thực hiện nhiệm vụ mới: Về thuận lợi, toàn xã căn bản hoàn thành cải tạo quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; đội ngũ cán bộ được bổ sung, nâng cao năng lực lãnh đạo; nhân dân phấn khởi trước những kết quả khôi phục

kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa... Về mặt khó khăn, cơ sở vật chất phục vụ sản xuất còn thô sơ, nghèo nàn; trình độ học vấn và khả năng tổ chức của một số cán bộ xã chưa đáp ứng với yêu cầu; một bộ phận xã viên gia nhập hợp tác xã do yêu cầu của phong trào chứ chưa thực sự hiểu cách làm ăn tập thể; sản xuất còn phụ thuộc vào thiên nhiên, lối làm ăn manh mún, nhỏ lẻ còn ảnh hưởng lớn đến phong trào hợp tác xã.

Trên cơ sở đó, Đại hội xác định nhiệm vụ chính của Chi bộ và nhân dân trong nhiệm kỳ là: củng cố hợp tác xã, cải tiến phương pháp quản lý hợp tác xã nông nghiệp, đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Đại hội bầu các đồng chí có năng lực vào Ban Chi ủy. Đồng chí Nguyễn Văn Học được phân công giữ chức Bí thư, đồng chí Đỗ Văn Lượng giữ chức Phó Bí thư Chi bộ.

Sau Đại hội, Chi bộ và chính quyền xã đã tạo điều kiện cho hầu hết cán bộ, đảng viên tham gia các cuộc *“Chỉnh huấn mùa xuân”* do Ban Thường vụ Huyện ủy tổ chức. Qua đó, các đồng chí không chỉ được quán triệt sâu sắc các mục tiêu của Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III và Đại hội Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên đề ra, mà còn thấm nhuần 4 quan điểm của Đảng: Nâng cao ý thức làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa; xây dựng phục vụ sản xuất; cần kiệm xây dựng nước nhà; tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Các ban ngành, đoàn thể trong xã cũng tích cực hưởng ứng các phong trào do Ban Thường vụ Huyện ủy phát động: Đoàn Thanh niên phấn đấu quyết tâm vượt kế hoạch 5 năm lần thứ nhất; Hội Phụ nữ tích cực tham gia phong trào thi đua 5 tốt, góp vốn xây dựng nhà máy dệt 8/3. Thông qua các cuộc chỉnh huấn và phong trào của đoàn thể đã làm chuyển biến nhận thức về sự nghiệp cách mạng của cả nước, về nhiệm vụ của chi bộ và nhân dân trong xã với việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Trong quá trình sản xuất, Chi ủy đã lãnh đạo các hợp tác xã thực hiện các phong trào thi đua do Huyện ủy, Tỉnh ủy phát động như: *“Phát cao cờ hồng, quyết thắng đông xuân, tiến quân toàn diện”* (vụ chiêm 1960 - 1961); phong trào *“Phát cao cờ hồng, vượt gió Đại Phong, vụ mùa đại thắng”* (vụ mùa năm 1961); phong trào *“Phát cao cờ hồng, đông xuân mười giỏi, chiến thắng nghèo nàn, đẩy lùi lạc hậu”*... Qua mỗi phong trào, Ban Quản trị các hợp tác xã đều chú trọng tới công tác thủy lợi và phân bón. Với quyết tâm đưa nước vào đồng ruộng, các hợp tác xã chủ trương kết hợp chặt chẽ biện pháp thủy lợi với biện pháp nông nghiệp khác góp phần cải tạo đất, chống xói mòn, thay đổi nương dốc thành nương bậc thang, ruộng bậc thang để dễ canh tác. Trong những năm 1962 - 1965, nhân dân đã đóng góp hàng ngàn ngày công, xây dựng được nhiều ki-lô-mét mương tưới.

Phong trào làm phân bón phát triển mạnh mẽ. Ban Quản trị hợp tác xã đã tổ chức tuyên truyền tới đông đảo xã viên lợi ích của việc dùng phân chuồng bón ruộng. Nhờ vậy, chỉ sau một thời gian ngắn, xã viên nhất là hội viên các đoàn thể đã thi đua làm phân bón với nhiều hình thức phong phú. Thông qua phong trào “*Thanh niên ngàn cân*” của Đoàn Thanh niên, phong trào “*Sạch làng tốt ruộng*” của Hội Phụ nữ, lượng phân bón hữu cơ trong đồng ruộng đã tăng lên đáng kể.

Tuy nhiên, do nguyên nhân chủ quan và khách quan, phong trào hợp tác xã nông nghiệp ở Bình Dân phát triển không vững chắc. Việc xây dựng kế hoạch sản xuất, định mức lao động chưa khoa học, hiện tượng dồng công phóng điểm làm cho giá trị ngày công của xã viên ngày càng thấp. Vì vậy, phần đông xã viên có tư tưởng dao động, đến năm 1961, toàn xã có 101 hộ xã viên xin ra khỏi hợp tác xã⁽¹⁾.

Trước tình hình đó, trong 2 năm 1962 - 1963, Huyện ủy Đại Từ chỉ đạo các xã tổ chức cải tiến quản lý vòng 1 trong các hợp tác xã. Chi ủy đã chỉ đạo cán bộ chuyên trách giám sát chặt chẽ chế độ “khoán”, thực hiện đúng nguyên tắc tài chính. Các hợp tác xã tích cực cử cán bộ

⁽¹⁾ Đảng bộ huyện Đại Từ: *Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ tập II 1955 - 1995*, Huyện ủy Đại Từ, 2000, tr.40.

đi dự các lớp huấn luyện, bồi dưỡng về công tác quản lý, nghiệp vụ, khoa học kỹ thuật do tỉnh, huyện tổ chức. Ban Quản trị hợp tác xã xác định rõ phương hướng và biện pháp đẩy mạnh sản xuất, điều hòa lương thực cho các đối tượng chính sách, chú ý tới hoạt động chăn nuôi, khai thác lâm sản nhằm tăng thu nhập cho xã viên.

Qua cải tiến quản lý vòng 1, công tác quản lý sản xuất, lao động, tài vụ... có nhiều tiến bộ. Từ trong phong trào cải tiến quản lý hợp tác xã, ý thức phê bình, tự phê bình của cán bộ, đảng viên được nâng cao, Ban Quản trị hợp tác xã đã xác định được phương hướng sản xuất được tăng cường, nhiều quần chúng tích cực rèn luyện trong sản xuất đã nhanh chóng trưởng thành, giác ngộ lý tưởng cách mạng và được kết nạp vào Chi bộ Đảng. Chỉ trong 2 năm (1962 - 1963), Chi bộ Đảng đã kết nạp thêm 12 đồng chí.

Trong công tác cải tiến nông cụ, các hợp tác xã mạnh dạn đưa nông cụ mới vào sản xuất: Khâu làm đất trước kia dùng cày chìa vôi, nay dùng cày cải tiến 51, 58, cày đến đâu đất lật úp đến đấy, vừa cày sâu lại diệt cỏ làm phân. Các biện pháp kỹ thuật như: Ngâm ủ thóc giống bằng 3 sôi 2 lạnh, xử lý giống bằng lò thúc mầm, cấy chằng dây thẳng hàng được áp dụng vào sản xuất. Do được quan tâm đầu tư về thủy lợi, phân bón, cải tiến nông cụ, nên năng suất lúa ngày một tăng.

Do có nhiều đồi bãi chẵn thả, thuận lợi cho phát triển chăn nuôi gia súc, nên đàn trâu phát triển nhanh. Trong 5 năm (1961 - 1965), số lượng trâu bò, đàn gia cầm tăng nhanh. Nhân dân còn tận dụng những vùng đất trũng, đào đắp thành ao, hồ để nuôi cá. Song chưa có giống tốt và chưa có thói quen đầu tư thức ăn nuôi cá nên sản lượng cá còn thấp.

Là địa phương có diện tích rừng rộng lớn, trong những năm 1961 - 1965, rừng là nguồn thu nhập lớn của đại bộ phận nhân dân trong xã. Hàng năm, đội khai thác lâm sản đã khai thác hàng ngàn mét khối gỗ, củi, hàng nghìn cây tre, nứa, vầu và nhiều sản vật như măng, mộc nhĩ, nấm hương, mật ong... để phục vụ đời sống nhân dân và cung cấp cho các tỉnh miền xuôi.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về chuyển một bộ phận dân cư ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ lên xây dựng và phát triển kinh tế miền núi, từ năm 1962 - 1965, nhân dân Bình Dân đã đón hàng chục đồng bào từ các tỉnh Hưng Yên, Thái Bình, Hà Đông, Hà Nam lên xây dựng cuộc sống mới. Sau khi hoàn thành việc tiếp nhận, Chi ủy và Ủy ban hành chính xã đã sắp xếp cho đồng bào ở xen kẽ cùng xã viên hợp tác xã. Trong buổi đầu, lên xây dựng kinh tế còn nhiều khó khăn thiếu thốn, được nhân dân trong xã đã chia sẻ ruộng vườn, công cụ sản xuất, nhân dân miền xuôi đã nhanh chóng ổn định cuộc sống mới, bắt tay vào sản xuất.

Theo tinh thần của phong trào “*Ba ngọn cờ hồng*”, hợp tác xã mua bán Bình Dân tiếp tục duy trì và phát triển. Được cấp ủy quan tâm chỉ đạo, hợp tác xã mua bán đáp ứng cơ bản nhu cầu mua hàng hóa trên cơ sở nguồn hàng của Nhà nước và khai thác nguồn hàng tại chỗ. Từ tháng 1/1960 đến tháng 12/1965, ông Vũ Văn Tiến làm Chủ nhiệm hợp tác xã mua bán. Hợp tác xã tín dụng tiếp tục phát huy vai trò là chỗ dựa vững chắc cho hợp tác xã nông nghiệp. Hợp tác xã tín dụng huy động tiền gửi trong nhân dân, đồng thời cho nhân dân vay vốn để chăn nuôi gia súc, gia cầm. Công tác kiểm tra và giám sát việc thu chi tiền mặt được chính quyền xã chỉ đạo sát sao nhằm tập trung cao nhất nguồn vốn phục vụ các ngành kinh tế tập thể, đẩy mạnh sản xuất. Ông Dương Văn Khóa được bầu làm Chủ nhiệm hợp tác xã tín dụng những năm 1961 - 1965.

Công tác văn hóa - thông tin tuyên truyền hoạt động hiệu quả, kịp thời phổ biến đến cán bộ, đảng viên và nhân dân tin tức thời sự, đường lối chính sách của Đảng. Phong trào thể dục thể thao rèn luyện sức khỏe, xây dựng nếp sống mới được phát huy rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân, góp phần tích cực thúc đẩy các hoạt động học tập, lao động và phát triển sản xuất.

Tuy cơ sở vật chất còn nhiều khó khăn, nhưng thầy và trò các trường vẫn quyết tâm thi đua “*Đạy tốt, học*

tốt”. Các lớp học bổ túc văn hóa và xóa nạn mù chữ tiếp tục thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia, nhất là lứa tuổi thanh niên, trung niên. Với những cố gắng đó, đến năm 1961, Cát Nê cùng các xã trong huyện Đại Từ đã được cấp trên công nhận hoàn thành xóa nạn mù chữ.

Năm 1961, huyện Đại Từ được Trung ương và Tỉnh ủy Thái Nguyên chọn làm thí điểm thanh toán bệnh sốt rét. Phòng y tế huyện đã cử cán bộ xuống xã vận động nhân dân thực hiện các biện pháp phòng trừ dịch bệnh như: Ăn chín uống sôi, bồi dưỡng tăng cường sức khỏe, nằm ngủ có màn, phát quang bụi rậm, san lấp các vũng nước tù đọng quanh nhà. Được cấp trên đầu tư phương tiện, thuốc phòng và hướng dẫn kỹ thuật, xã thành lập tổ phun thuốc DDT định kỳ. Nhờ vậy, đến tháng 8/1962, Viện sốt rét Trung ương đã công nhận xã căn bản hoàn thành nhiệm vụ thanh toán bệnh sốt rét.

Từ năm 1960 đến năm 1964, căn cứ vào Luật Nghĩa vụ quân sự, Hội đồng nghĩa vụ quân sự xã tuyển chọn và cử nhiều công dân trẻ, khỏe lên đường nhập ngũ đúng thời gian. Ngày tân binh lên đường, cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể nhân dân trong xã tổ chức liên hoan chia tay.

Thực hiện chủ trương của Đảng bộ huyện Đại Từ, Chi bộ Đảng Bình Dân luôn coi trọng công tác xây dựng và

nâng cao sức chiến đấu của Đảng. Các đợt sinh hoạt chính trị của Chi bộ được thực hiện theo đúng phương châm: Kết hợp quán triệt đường lối chính sách của Đảng với phê bình và tự phê bình; nâng cao lập trường giai cấp, tinh thần trách nhiệm, tính tiên phong của cán bộ, đảng viên. Qua các đợt chỉnh huấn, sinh hoạt chính trị, số lượng cũng như chất lượng của đảng viên trong Chi bộ được nâng lên. Trong 5 năm (1961 - 1965), Chi bộ kết nạp thêm 22 đồng chí. Đây đều là những cán bộ xuất sắc trong phong trào cải tiến quản lý hợp tác xã, phát triển kinh tế, phòng chống dịch bệnh tại địa phương.

Từ năm 1961 đến năm 1964, Chi bộ đã tổ chức 2 kỳ Đại hội, vào các năm: 1961, 1963. Năm 1961, Chi bộ tổ chức Đại hội lần thứ VI (nhiệm kỳ 1961 - 1963); năm 1963, Chi bộ tổ chức Đại hội lần thứ VII (nhiệm kỳ 1963 - 1965). Nội dung các kỳ Đại hội tập trung vào việc tìm ra các giải pháp phát triển kinh tế - xã hội, ổn định an ninh - chính trị. Qua các kỳ đại hội, đồng chí Nguyễn Văn Học được phân công giữ chức Bí thư Chi bộ. Tổ chức Đảng được kiện toàn, bổ sung những cán bộ có năng lực vào bộ máy lãnh đạo. Vai trò của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính xã ngày càng được củng cố, thể hiện vai trò là cơ quan quyền lực, quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Sau các kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân 2 cấp, bộ máy

chính quyền xã thể hiện chức năng, nhiệm vụ của mình trong việc phối hợp với Ban Chi ủy đề ra các giải pháp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Đồng chí Đỗ Văn Lượng được bầu làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã thời gian này.

Trong kế hoạch 5 năm (1961 - 1965), Mặt trận và các đoàn thể có những đóng góp quan trọng trong việc tổ chức, giáo dục, động viên đoàn viên, hội viên đoàn kết thi đua thực hiện phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội; tích cực hăng hái tham gia các phong trào thi đua “*Gió Đại Phong*”, “*Sóng Duyên Hải*”, “*Cờ Ba Nhất*”, “*Trống Bắc Lý*”, ... Hội viên Đoàn Thanh niên và Hội Phụ nữ là lực lượng đi đầu trong sản xuất và công tác xã hội. Phụ nữ xã tích cực động viên, giáo dục anh chị em thực hiện tốt Luật hôn nhân và gia đình. Mặt trận Tổ quốc góp phần động viên các đoàn thể chấp hành tốt các chính sách xã hội, lập thành tích trong lao động.

Trong lúc nhân dân miền Bắc đang ra sức thi đua sản xuất, phấn đấu hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất thì ngày 5/8/1964, đế quốc Mỹ dựng lên sự kiện “*Vịnh Bắc Bộ*”, bắt đầu cho không quân đánh phá miền Bắc. Quá trình thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) ở miền Bắc bị gián đoạn. Mặc dù vậy, trong thời gian từ 1961 - 1964, xã Bình Dân vẫn đạt nhiều thành tích to lớn: Sản lượng lúa

và hoa màu đều tăng. Trình độ dân trí của nhân dân được nâng cao. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng được củng cố, đảm bảo lãnh đạo mọi hoạt động của địa phương.

Chöông IV

CHI BOÄ- NÄNG BOÄXAÕCAÛ NEÄ LAÑH NÄÖ NHAÑ DAÑ VÖA SAÑ XUAÏ VÖA CHIEÑ NÄU, TÍCH CÖC CHI VIEN CHO MIEN NAM NÄNH THAÑG GIAË MYÕXÂM LÖÖC (1965 - 1975)

I. Vừa sản xuất, vừa chiến đấu đánh thắng chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965 - 1968)

Năm 1965, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc ta chuyển sang một giai đoạn mới: Giai đoạn cả nước có chiến tranh. Vì vậy, mọi hoạt động của hậu phương lớn miền Bắc đều chuyển từ thời bình sang thời chiến với tinh thần “*Vừa sản xuất, vừa chiến đấu*”, “*Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*”. Cuối tháng 3/1965, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 11 được tổ chức đã xác định: Chuyển hướng xây dựng nền kinh tế từ thời bình sang thời chiến, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo đảm chi viện cho miền Nam, vừa tăng cường lực lượng quốc phòng đánh trả sự xâm phạm của không quân và hải quân Mỹ.

Căn cứ vào Nghị quyết của Trung ương Đảng, các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy Bắc Thái⁽¹⁾, Huyện ủy Đại Từ và tình hình thực tiễn tại địa phương, tháng 6/1965, Chi bộ xã tổ chức Đại hội lần thứ VIII (nhiệm kỳ 1965 - 1967). Đại hội đánh giá, kiểm điểm kết quả thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965) và xác định phương hướng, nhiệm vụ trước mắt: Vừa sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu và phục vụ chiến đấu với phương châm “*địch đến ta đánh, địch đi ta lại sản xuất*”, “*vũng tay cày, chắc tay súng*”. Cụ thể là triển khai vận động cải tiến quản lý hợp tác xã vòng 2, tăng cường củng cố lực lượng dân quân tự vệ, vận động nhân dân đào hầm hào phòng tránh bom đạn, cảnh giác trước mọi âm mưu của địch. Đại hội bầu Ban Chi ủy gồm 3 đồng chí. Đồng chí Đỗ Văn Lượng được phân công làm Bí thư chi bộ.

Với vị trí nằm sát đường 38 - tuyến đường chiến lược từ Phổ Yên qua Đại Từ, Chi bộ xã chỉ đạo khẩn trương chuyển mọi hoạt động và nếp sinh hoạt từ thời bình sang thời chiến. Quán triệt và triển khai Nghị quyết Đại hội Chi bộ xã đề ra, cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã nhanh chóng bắt tay vào thực hiện các nhiệm vụ mới.

⁽¹⁾ Theo Quyết định số 103-NQ/TVQH ngày 21/04/1965 của Thường vụ Quốc hội, tỉnh Thái Nguyên và tỉnh Bắc Kạn hợp nhất thành thành tỉnh Bắc Thái.

Để tránh thiệt hại về người và của khi địch tập trung đánh phá, Chi bộ đã chỉ đạo sơ tán các cơ quan chính quyền, trạm y tế, trường học và dân cư đến nơi an toàn.

Phần lớn diện tích trên địa bàn xã là đồi núi, có rừng cây bao phủ, vì vậy từ năm 1965 - 1968, nhiều cơ quan, nhà máy, xí nghiệp đã về sơ tán tại địa phương như: Đoàn địa chất Trung ương số 17 về đóng ở khu Đầm Đải, chân dãy núi Tam Đảo; Đoàn địa chất 45 về đóng tại Khâu Sắt chân núi Thần Lăn thuộc xóm La Lang; Trường Trung cấp địa chất đóng ở nhà ông Đậu, ông Trụ, ông Kép thuộc khu Đồng Nghè. Trong thời gian sơ tán tại địa phương, các cơ quan, đơn vị được nhân dân tạo điều kiện thuận lợi về nhà ở, nơi làm việc, đào hầm trú cho cán bộ, công nhân viên. Ngược lại, các cơ quan cũng tích cực cùng xã viên sản xuất, phát triển kinh tế, chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ.

Để đảm bảo an toàn cho nhân dân, Chi ủy xã yêu cầu mỗi gia đình phải đào ít nhất một hầm trú ẩn, theo kiểu hầm kèo chữ A của Triều Tiên, chống được sức ép bom. Nhân dân các xóm ngày đêm đào đắp hàng trăm mét khối đá, mỗi gia đình đào 1 hầm chữ A, hầm hầm ếch. Ở các khu vực công cộng như trường học, cửa hàng mua bán, trạm y tế... đều có hầm chữ A, hào giao thông, hố cá nhân tránh máy bay. Chiến tranh bằng không quân của Mỹ thường diễn ra rất nhanh nên hầm trú ẩn

thường được đào thông với nhà ở để trẻ em và người già kịp thời ẩn nấp.

Thực hiện Chỉ thị số 81/CT-TW ngày 29/6/1964 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác phòng không, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, vấn đề củng cố lực lượng dân quân tự vệ, xây dựng trận địa bắn máy bay được Chi bộ và chính quyền xã chú trọng. Ban Chỉ huy Xã đội được biên chế đủ cán bộ gồm: Đồng chí Nguyễn Minh Tiến - Xã đội trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Vung - Xã đội phó, đồng chí Nguyễn Kim Thu - Chính trị viên xã đội. Ban Chỉ huy Xã đội đã tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền xã trực tiếp tổ chức xây dựng phương án tác chiến, bố trí đội hình hợp lý.

Để đảm bảo nhiệm vụ vừa sản xuất vừa chiến đấu, xã thành lập 5 trung đội dân quân biên chế theo hợp tác xã và một trung đội dân quân cơ động. Mỗi trung đội khoảng 30 người, lực lượng chủ yếu là phụ nữ (do nam giới lên đường vào bộ đội): Trung đội Tân Khai do đồng chí Nguyễn Thế Tình làm Trung đội trưởng; trung đội Tân Phú do đồng chí Nguyễn Văn Mùi làm Trung đội trưởng; trung đội Trung Nhang do đồng chí Nguyễn Văn Vung làm Trung đội trưởng; trung đội La Lang do đồng chí Hà Văn Ban làm Trung đội trưởng; trung đội La Vĩnh do đồng chí Vũ Văn Thực làm Trung đội trưởng; một trung đội dân quân cơ động tập trung do đồng chí

Hà Văn Ban làm Trung đội trưởng. Mỗi trung đội chia làm 3 tiểu đội, mỗi tiểu đội lại chia thành các tổ dân quân, tổ liên lạc. Chỉ trong một thời gian ngắn, dân quân xã phát triển mạnh về số lượng, trưởng thành nhanh chóng về kỹ thuật chiến đấu.

Căn cứ vào địa hình, xã xây dựng 3 trận địa trực chiến bắn máy bay ở các vị trí hiểm yếu: Trận địa thứ nhất ở Gò Bia (xóm Tân Phú ngày nay) do đồng chí Nguyễn Văn Mùi làm Khẩu đội trưởng; trận địa thứ hai ở Soi cụ Huỳnh (xóm Nương Dâu ngày nay) do đồng chí Nguyễn Xuân Tình làm Khẩu đội trưởng; trận địa thứ ba ở khu vực trung tâm xã do đồng chí Nguyễn Văn Vung làm Khẩu đội trưởng. Mỗi khẩu đội có 7 chiến sỹ thay nhau trực chiến và 3 dân quân phục vụ, được trang bị 1 khẩu 12 ly 7 và 1 khẩu để bắn máy bay tầm thấp.

Tại các điểm chốt, xã xây dựng các lán, hầm hào để đảm bảo an toàn cho lực lượng trực chiến; những phương án tác chiến chống máy bay địch đánh phá cũng được chuẩn bị chu đáo. Bộ phận trực chiến bố trí thay phiên nhau bám trụ trận địa, sẵn sàng nhắm đạn vào những “con ma”, “thần sấm” của địch. Quân dân xã Bình Dân luôn ở trạng thái sẵn sàng chiến đấu.

Những tháng cuối năm 1965, cuộc chiến tranh diễn ra ác liệt hơn, sau ngày 17/10/1965, giặc Mỹ điên cuồng ném bom bắn phá nhiều nơi trên địa bàn huyện như:

Hùng Sơn, Cù Vân, Yên Lãng... gây cho nhân dân thiệt hại nặng nề. Ngày 1/8/1966, một chiếc máy bay Mỹ bị bắn cháy rơi xuống khu rừng già thuộc xóm Thâm Thịnh ngày nay. Ngay sau khi phát hiện máy bay Mỹ bị bắn rơi xuống địa bàn, Ban Chỉ huy Xã đội đã lập tức phát lệnh báo động, huy động toàn bộ lực lượng làm nhiệm vụ bảo vệ hiện trường. Đồng chí Nguyễn Minh Tiến - Xã đội trưởng, dẫn đầu lực lượng dân quân xông tới bắt sống tên giặc lái, tịch thu vũ khí và tài liệu, áp giải về trạm xá xã sơ cứu, sau đó bàn giao cho lực lượng phòng không không quân.

Phát huy chiến công bắt sống giặc lái máy bay Mỹ, lực lượng vũ trang Bình Dân tiếp tục dũng cảm chiến đấu chống lại các cuộc bắn phá của địch. Chỉ trong năm 1967, máy bay Mỹ ném 6 quả bom tấn và hàng trăm quả bom bi xuống khu vực bờ Rịa (xóm Nương Cao ngày nay), khu vực Nương Dâu (xóm Nương Dâu ngày nay), xóm Nông Trường ngày nay và 6 quả rốc két xuống khu vực Cầu Đá (xóm Nương Cao ngày nay) làm 1 người chết, 3 em bé bị thương, thiệt hại hàng chục mẫu lúa và hoa màu của nhân dân đang đến vụ thu hoạch.

Ngày 23/7/1966, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn tổ chức phong trào thi đua "*Thanh niên ghi tên tòng quân chống Mỹ cứu nước*". Căm thù giặc Mỹ xâm lược, trong năm 1966, 5 thanh niên Bình Dân nêu cao tinh thần "*Ba sẵn sàng*" xung phong lên đường đánh Mỹ. Một cao trào

“*Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược*” dâng lên mạnh mẽ trong khắp các gia đình, xóm làng.

Để tránh giờ cao điểm máy bay địch bắn phá và đảm bảo sản xuất kịp thời vụ, Ban Quản trị các hợp tác xã tiến hành phân tán xã viên ra từng tổ nhỏ; tổ chức cho xã viên không đi làm vào các giờ cao điểm trong ngày mà tranh thủ sản xuất vào buổi sáng sớm và chiều tối. Khẩu hiệu “*Tất cả cho sản xuất, tất cả để chiến thắng giặc Mỹ xâm lược*”, “*Mỗi người làm việc bằng hai*” trở thành hành động cách mạng cụ thể của mỗi xã viên, mỗi gia đình trong sản xuất. Đội ngũ cán bộ đảng viên trong toàn xã luôn gương mẫu, đi đầu trong mọi hành động, bám sát tổ chức và động viên quần chúng vận dụng các Nghị quyết của Đảng vào thực tiễn sản xuất và chiến đấu. Nhờ vậy, mặc dù chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ diễn ra ngày càng ác liệt, số lao động trẻ, khỏe rời đồng ruộng tham gia vào bộ đội ngày càng nhiều nhưng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn vẫn được giữ vững.

Để đảm bảo nước tưới cho lúa và hoa màu, Chi ủy và Ủy ban hành chính xã thành lập Ban Thủy lợi có nhiệm vụ chỉ đạo công tác thủy lợi, quản lý và sử dụng các công trình thủy lợi trên địa bàn. Thực hiện chiến dịch “*Rục lúa đêm đông, kiến thiết ruộng đồng, lập công dâng Đảng, đánh Mỹ, cứu nước*” do Huyện ủy Đại Từ phát động và cuộc vận động “*Toàn Đảng, toàn dân làm thủy*

lợi” do Tỉnh ủy phát động, trong những năm 1965 - 1966, xã huy động hàng nghìn ngày công tham gia sửa chữa và làm mới 4 đập nước, 10 nương đáp ứng nhu cầu tưới tiêu cho 700 mẫu lúa và hoa màu.

Vừa chiến đấu, vừa sản xuất chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ, Chi bộ Đảng còn thường xuyên đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, phổ biến, quán triệt nghị quyết của cấp trên cho đội ngũ đảng viên trong xã. Các đợt học tập, sinh hoạt chính trị của Chi bộ đều gắn liền với các cuộc phát động “*Ba ôn, bốn kiểm, năm đặng*” và “*Một ôn, hai nhớ, ba xây*” do Tỉnh ủy phát động. Hàng năm, đội ngũ Bí thư, cấp ủy viên trên địa bàn được gửi về các trường Đảng của tỉnh để tập huấn và học tập. Trong 3 năm (1965 - 1967), một số quần chúng xuất sắc trong chuẩn bị chiến đấu, phát triển sản xuất của xã vinh dự được kết nạp vào Đảng, nâng số đảng viên của Chi bộ lên 55 đồng chí.

Hội tụ đầy đủ điều kiện để thành lập Đảng bộ, năm 1967, Huyện ủy Đại Từ quyết định thành lập Đảng bộ xã Bình Dân. Tại thời điểm thành lập, Đảng bộ có 55 đảng viên sinh hoạt trong 7 chi bộ. Sự kiện thành lập Đảng bộ xã đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của tổ chức Đảng địa phương. Đây được coi là cơ sở để Đảng bộ tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng đề ra.

Trong năm 1967, Đại hội Đảng bộ xã Bình Dân lần thứ nhất (nhiệm kỳ 1967 - 1968) diễn ra với sự tham dự của 55 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội đánh giá những ưu, khuyết điểm trong công tác lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng, xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong gần 3 năm (1965 - 1967), nhất là về công tác chuẩn bị chiến đấu và chiến đấu chống giặc Mỹ xâm lược. Đại hội đề ra phương hướng, xác định nhiệm vụ chính trị trong hoàn cảnh có chiến tranh, nhấn mạnh tập trung sản xuất, làm tốt công tác hậu phương. Trong công tác xây dựng Đảng, Đại hội khẳng định cần tiếp tục xây dựng Đảng bộ, chi bộ “bốn tốt” nhằm nâng cao chất lượng đảng viên. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 13 đồng chí. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Gia Cát được phân công làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Tô Phẩm làm Phó Bí thư Đảng ủy. Sau Đại hội, Đảng ủy phân công các đảng ủy viên phụ trách cơ quan, tổ chức, đoàn thể. Đồng chí Nguyễn Minh Tiến làm Xã đội trưởng, đồng chí Nguyễn Ngọc Sách làm Bí thư Đoàn Thanh niên.

Đoàn Thanh niên có phong trào “*Ba sẵn sàng*”, Hội Phụ nữ vận động chị em hội viên phấn đấu “*Ba đảm đang*”, quyết tâm khắc phục mọi khó khăn để ổn định sản xuất, động viên chồng con yên tâm chiến đấu. Các

cụ phụ lão đẩy mạnh phong trào “*Ba hăng hái*”, gương mẫu trong lối sống, đạo đức, tích cực động viên con cháu lao động sản xuất và chiến đấu. Các em thiếu niên, nhi đồng hăng hái tham gia các phong trào “*Nghìn việc tốt*”, “*Luống rau xanh tặng anh bộ đội*”, “*Mỗi cân cỏ khao trâu là một đầu thừng Mỹ*”.

Chấp hành chỉ thị số 143-CT/TW ngày 8/3/1967 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về bầu cử Hội đồng nhân dân, công tác chuẩn bị cho kỳ bầu cử trên địa bàn xã diễn ra chu đáo. Đảng ủy chỉ đạo chính quyền và các đoàn thể tăng cường tuyên truyền, vận động nhân dân đi bầu cử. Kết quả, hơn 90% nhân dân đi bỏ phiếu bầu đại biểu xứng đáng vào Hội đồng nhân dân. Hội đồng nhân dân khóa 1967 - 1969 họp bầu các chức danh chủ chốt trong Ủy ban hành chính. Đồng chí Nguyễn Tô Phẩm được bầu làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã thay đồng chí Nguyễn Văn Học.

Từ Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ, phong trào hợp tác xã tiếp tục được củng cố và phát triển. Căn cứ vào tình hình thực tiễn địa phương và các chỉ thị, nghị quyết từ cấp trên, tháng 5/1968, Đảng ủy quyết định hợp nhất các hợp tác xã Trung Nhang, hợp tác xã La Lang, hợp tác xã Tân Khai, hợp tác xã Tân Phú và hợp tác xã La Vĩnh thành hợp tác xã toàn xã lấy tên là hợp tác xã Bình Minh. Tại thời điểm thành lập, hợp tác xã Bình

Minh có hơn 300 hộ với 1.872 nhân khẩu. Hợp tác xã chủ trương chia thành 9 đội sản xuất⁽¹⁾. Sau khi hợp nhất, hợp tác xã nông nghiệp Bình Minh tổ chức Đại hội xã viên, bầu Ban Quản trị hợp tác xã mới gồm 4 thành viên do ông Đinh Lương Dân làm Chủ nhiệm, ông Vũ Văn Thuật làm Phó Chủ nhiệm, ông Nguyễn Văn Dịp làm Kế toán trưởng, ông Dương Văn Nhã làm Thủ quỹ. Sau Đại hội, bộ máy quản lý hợp tác xã tiếp tục được kiện toàn, bổ sung thêm cán bộ có năng lực.

Đảng ủy đã cử một số cán bộ trong Ban Quản trị, đội trưởng, đội phó các đội sản xuất đi dự các lớp học tập, bồi dưỡng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Sau đó, các cán bộ trở về xã, hướng dẫn xã viên áp dụng khoa học kỹ thuật, đưa giống lúa mới vào sản xuất. Đến năm 1968, năng suất lúa đạt 1,5 tấn/ha, sản lượng đạt 442,8 tấn.

Thực hiện Nghị quyết số 45- NQ/TU tháng 4/1967 của Tỉnh ủy về lãnh đạo chăn nuôi toàn diện, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, xã viên chú trọng phát triển đàn gia súc, gia cầm. Đàn lợn trong các hộ gia đình có khoảng 500 con, đàn gia cầm có khoảng 1.500 con. Tuy với lợi thế của một xã miền núi có đồi, bãi cỏ chăn thả rộng lớn, nhưng chăn nuôi đại gia súc vẫn còn thụ

⁽¹⁾ Đến năm 1977 thành 12 đội sản xuất.

động, nhỏ lẻ, các mô hình chăn nuôi tập thể phát triển chậm, chưa có nhiều biện pháp tích cực, chủ động phòng chống dịch bệnh, ứng dụng các biện pháp kỹ thuật trong chăn nuôi.

Mặc dù có chiến tranh, điều kiện học tập và đời sống nhân dân khó khăn, song chính quyền xã vẫn chú ý xây dựng trường lớp, bàn ghế, hầm hào trú ẩn để đảm bảo việc dạy và học cho cả thầy và trò. Với tinh thần *“Trường học là chiến hào chống Mỹ”* nên giáo viên, học sinh trong xã vẫn thi đua dạy tốt, học tốt.

Trong công tác y tế, cán bộ trạm y tế xã tích cực chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, xây dựng các phương án phục vụ cứu chữa kịp thời cán bộ và nhân dân bị thương trong chiến đấu. Mỗi xóm đều có 1 tổ cứu thương, cứu sập hầm. Trạm lập tủ thuốc, chuẩn bị võng, cáng, sẵn sàng phục vụ khi có tình huống xảy ra. Bên cạnh đó, trạm y tế còn góp phần tích cực vào công tác khám tuyển nghĩa vụ quân sự.

Năm 1968, Đảng bộ xã Bình Dân tổ chức Đại hội lần thứ II (nhiệm kỳ 1968 - 1969), với sự tham gia của 61 đồng chí. Đại hội tổng kết 1 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ nhất, kết quả đạt được trên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội của cán bộ và nhân dân Bình Dân, khẳng định sự đúng đắn của quá trình hợp nhất hợp tác xã toàn xã, công tác chuẩn bị hầm, hào

chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ. Trên cơ sở đó, Đảng bộ đề ra phương hướng cho nhiệm kỳ. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 11 đồng chí. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành Đảng bộ bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Gia Cát được phân công làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Tô Phẩm làm Phó Bí thư Đảng ủy. Đại hội Đảng bộ xã thành công là nền tảng để nhân dân địa phương vững bước trong những năm tháng gian khổ tiếp theo.

Suốt 4 năm (1965 - 1968), Chi - Đảng bộ xã đã lãnh đạo nhân dân vừa sản xuất vừa chiến đấu và phục vụ chiến đấu, làm tròn nghĩa vụ hậu phương đối với tiền tuyến miền Nam, góp phần cùng quân dân miền Bắc đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân của đế quốc Mỹ. Trong hoàn cảnh gian khổ của chiến tranh, cán bộ, đảng viên xã Bình Dân được tôi luyện và ngày càng trưởng thành, vững mạnh. Đó là điều kiện tiên quyết để Đảng bộ và nhân dân thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ trong những năm 1969 - 1972.

II. Phát triển kinh tế, xã hội, góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại lần thứ 2 bằng không quân của đế quốc Mỹ (1969 - 1972)

Ngày 3/11/1968, hai ngày sau khi Tổng thống Mỹ tuyên bố chấm dứt cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất ở miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu

gọi đồng bào và chiến sỹ cả nước anh dũng đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Hưởng ứng Lời kêu gọi của Người, quân dân trong xã nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu đánh bại mọi âm mưu của kẻ thù, giữ vững an ninh chính trị, tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội, góp phần vào công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương, làm tròn nghĩa vụ đối với đồng bào và chiến sỹ miền Nam. Năm 1969, Đảng bộ Bình Dân tổ chức Đại hội lần thứ III (nhiệm kỳ 1969 - 1970) với sự tham gia của 56 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Trên cơ sở tổng kết những thành tựu, hạn chế đã đạt được trong thời gian 1968 - 1969. Đại hội đề ra phương hướng cho nhiệm kỳ mới với các nhiệm vụ trọng tâm: Tranh thủ thời gian đế quốc Mỹ ngừng ném bom ở miền Bắc, đẩy mạnh sản xuất phù hợp với tình hình mới; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, chấn chỉnh tổ chức, đổi mới công tác vận động quần chúng; tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa, ra sức củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 9 đồng chí. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Gia Cát tiếp tục được phân công làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Tô Phẩm làm Phó Bí thư Đảng ủy.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, cán bộ, đảng viên và nhân dân Bình Dân đẩy mạnh sản xuất lương thực, hoa màu, tăng diện tích, gieo trồng đúng thời vụ. Xã viên hợp tác xã được tập huấn về kỹ thuật gieo trồng và chăm bón các loại cây, phòng trừ sâu bệnh cho các giống cây trồng và gia súc, đưa khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

Giữa lúc phong trào thi đua lao động sản xuất đang diễn ra sôi nổi và giành được nhiều thắng lợi thì ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam qua đời. Trong niềm tiếc thương vô hạn, Đảng bộ và nhân dân xã tổ chức trọng thể lễ truy điệu và để tang Người. Biến đau thương thành hành động cách mạng, thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị, của Tỉnh ủy và hướng dẫn của Huyện ủy Đại Từ, Đảng bộ Bình Dân tổ chức đợt sinh hoạt chính trị trong toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân về việc học tập và làm theo “*Di chúc*” của Người, học tập điều lệ Hợp tác xã bậc cao. Qua đợt học tập, cán bộ, đảng viên và nhân dân được hiểu biết thêm về Chủ tịch Hồ Chí Minh, từ đó tăng cường đoàn kết nhất trí trong nội bộ Đảng, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế, văn hóa - xã hội.

Năm 1970, Đảng phát động “*3 cuộc vận động*” lớn đó là: Vận động lao động sản xuất; vận động phát huy dân

chủ và tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên ở nông thôn; vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh. Đảng ủy xã đã tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập và liên hệ kiểm điểm trách nhiệm đối với mọi công việc được giao. Trong những năm 1971 - 1972, Đảng bộ xã tiếp tục đẩy mạnh phong trào xây dựng Đảng bộ, Chi bộ và đảng viên “*Bốn tốt*”, đồng thời tăng cường việc giáo dục, học tập quán triệt Nghị quyết 195-NQ/TW ngày 6/3/1970, Nghị quyết 175-NQ/TW ngày 14/4/1970 của Bộ Chính trị về cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp lớp Hồ Chí Minh. Kết quả, có 60% đảng viên trong Đảng bộ đạt “*Bốn tốt*”, 40% đảng viên đảm bảo đủ tiêu chuẩn.

Từ năm 1969 đến năm 1972, Đảng bộ xã đã tiến hành 4 kỳ Đại hội: Đại hội lần thứ III (1969), lần thứ IV (1970), lần thứ V (1971) và lần thứ VI (1972). Trong các kỳ Đại hội, ngoài tổng kết công tác thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể, Đại hội còn tập trung vào các vấn đề như: Chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, củng cố phong trào hợp tác xã nông nghiệp, đón tiếp đồng bào và các cơ quan đến tản cư. Tại Đại hội lần thứ VI (năm 1972), đồng chí Nguyễn Tô Phẩm được phân công giữ chức Bí thư Đảng ủy thay

đồng chí Nguyễn Gia Cát. Tổ chức Đảng được kiện toàn, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng.

Đảng ủy lựa chọn và giới thiệu các đảng viên có năng lực, uy tín tham gia ứng cử trong cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân cấp xã năm 1969 và năm 1971. Hội đồng nhân dân khóa mới bầu các chức danh chủ chốt trong Ủy ban hành chính xã. Đồng chí Nguyễn Minh Tiến được tín nhiệm phân công giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính.

Đoàn Thanh niên hoạt động sôi nổi trên tất cả các lĩnh vực, sẵn sàng nhập ngũ, chiến đấu. Phong trào “*Ba sẵn sàng*” là khẩu hiệu hành động của đoàn viên, thanh niên trong xã, bùng lên mạnh mẽ suốt những năm kháng chiến chống Mỹ. Hội Phụ nữ sôi nổi với phong trào “*Ba đảm đang*”, động viên chồng con lên đường chiến đấu, là lực lượng nòng cốt trong hoạt động sản xuất của địa phương.

Trên lĩnh vực sản xuất, cuối năm 1969 đầu năm 1970, Đảng bộ chỉ đạo xã viên tiếp tục học tập và thực hiện Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp bậc cao nhằm nâng cao ý thức làm chủ của bà con xã viên. Từ thành công trong những năm trước, cán bộ và xã viên tích lũy nhiều kinh nghiệm trong việc áp dụng khoa học kỹ thuật, sử dụng phân chuồng, phân đạm, bèo hoa dâu, cấy thẳng hàng, nông và ngửa tay, làm cỏ đúng kỳ, tưới tiêu căn cứ vào

thời kỳ sinh trưởng của lúa. Công tác thủy lợi có nhiều tiến bộ, 20% diện tích toàn xã được cải tạo có bờ vùng, bờ thửa, mương tưới, mương tiêu hoàn chỉnh. Đồng thời, Đảng ủy chỉ đạo gieo thí điểm giống Nông nghiệp 8 trên 100 mẫu, giống Trân châu lùn trên 60 mẫu. Năm 1970, hợp tác xã mở lớp học kinh nghiệm làm bèo hoa dâu cho toàn thể xã viên; mỗi đội sản xuất cử từ 2 đến 3 cán bộ tham gia học tập.

Sau cuộc họp Đảng ủy năm 1970, Ban Thường vụ Đảng ủy đã phân công các đồng chí trong Ban Chấp hành phụ trách từng mặt sản xuất. Đồng chí Nguyễn Gia Cát hướng dẫn xã viên trồng lúa và nuôi trâu; đồng chí Nguyễn Tô Phẩm hướng dẫn xã viên kỹ thuật trồng khoai lang và nuôi lợn. Sau khi đánh giá chất lượng đất, Đảng ủy chia đồng ruộng thành hai khu: Khu đồng cải tạo và khu đồng 5 tấn. Từ đó, có những biện pháp canh tác phù hợp. Đối với các khu đồng cải tạo, Đảng ủy xã giao cho đội 10 canh tác 10 mẫu, đội 5 canh tác 20 mẫu, đội 7 canh tác 9 mẫu. Đối với khu đồng 5 tấn, Đảng ủy xã giao cho đội 1, đội 2 và đội 10 canh tác, trong đó áp dụng cấy đúng kỹ thuật trên 50% diện tích. Sau đó, xã thành lập 4 tổ kiểm tra đông - xuân nhằm đánh giá kết quả sản xuất cụ thể ở từng đội. Nhờ áp dụng các biện pháp trên, vụ đông - xuân năm 1970 - 1971, năng suất lúa đạt 4,4 tấn/ha. Diện tích các loại hoa màu tăng lên đáng kể. Diện tích khoai lang năm 1971 là 100 mẫu,

rau xanh là 10 mẫu. Đảng ủy cũng chỉ đạo các hợp tác xã đưa cây chè vào sản xuất. Hợp tác xã giao chỉ tiêu mỗi đội sản xuất có nhiệm vụ sản xuất, chăm sóc từ 3 đến 5 mẫu chè, đội này nối liền đội kia. Vụ đông - xuân năm 1970 - 1971, nhân dân trồng thêm 10 mẫu chè ở khu Dốc Định.

Trong những năm 1969 - 1972, trung bình mỗi hộ gia đình nhận nuôi 2 con lợn/năm, hợp tác xã nuôi 50 con lợn. Các đội sản xuất đều làm chuồng trâu tập thể có nhà ủ phân bên cạnh. Đàn trâu tập thể có 300 con.

Việc trồng cây gây rừng đã trở thành phong trào ở hầu khắp các đội sản xuất trong xã. Công tác quản lý, chăm sóc rừng có nhiều tiến bộ mới. Chỉ riêng năm 1971, xã trồng mới 30 ha rừng. Tuy nhiên, nạn đốt phá rừng còn xảy ra, chưa được ngăn chặn kịp thời.

Phong trào văn nghệ quần chúng diễn ra sôi động với nhiều hình thức phong phú, nếp sống văn hóa mới được xác lập, những hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan bị phê phán nghiêm khắc. Phong cách đạo đức, lối sống mới dần hình thành trong các tầng lớp nhân dân.

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trong điều kiện trường lớp phải sơ tán, công tác giáo dục tập trung nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặt bổ túc văn hóa lên hàng đầu. Phong trào thi đua “Hai tốt”, noi gương các trường tiên tiến, kết hợp chặt

chê giữa học tập và lao động có bước tiến đáng kể. Năm 1972, toàn xã có 4 lớp học. Công tác y tế từng bước đáp ứng yêu cầu bảo vệ và nâng cao sức khỏe của cán bộ, nhân dân. Công tác chuẩn bị sơ cứu cho những lực lượng trực tiếp tham gia chiến đấu bước đầu đảm bảo. Hầu hết phụ nữ trong xã đến trạm y tế để sinh sản, tỷ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh giảm.

Giữa lúc toàn Đảng, toàn quân và toàn dân trong xã Bình Dân đang tập trung khôi phục kinh tế - xã hội, ngày 6/4/1972, đế quốc Mỹ cho máy bay ném bom xuống một số địa phương thuộc khu IV cũ. Từ ngày 16/4/1972, chúng chính thức phát động cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân lần thứ hai trên toàn lãnh thổ miền Bắc nước ta. Không chỉ lớn hơn về quy mô, tốc độ, cường độ bắn phá mà thủ đoạn trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai cũng tàn bạo hơn lần thứ nhất. Đảng ủy xã lãnh đạo nhân dân thực hiện tốt chỉ thị của Ủy ban hành chính tỉnh: *“Về việc tăng cường công tác tuyển quân, sẵn sàng chiến đấu và phòng không nhân dân”*. Ngày 24/5/1972, đế quốc Mỹ huy động 5 máy bay ném bom và bắn phá Nhà máy điện Cao Ngạn, chính thức mở đầu cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai bằng không quân vào địa bàn tỉnh Bắc Thái.

Đảng ủy xã vận động và hướng dẫn nhân dân chủ động sửa chữa, đào mới hầm hào phòng tránh, củng cố

các trận địa phòng không. Giai đoạn này, xã đào thêm hàng trăm hầm, hàng chục ki-lô-mét giao thông hào cơ động chiến đấu. Nhân dân ở các khu vực trọng điểm được tổ chức đi sơ tán, các trường học bố trí cho 100% học sinh đội mũ rơm khi đi học, xung quanh lán có hầm, hào lát tre kiên cố. Do có kinh nghiệm trong việc chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất nên việc tổ chức triển khai lực lượng chiến đấu, sơ tán, tổ chức nếp sống và sản xuất trong thời chiến diễn ra nhanh gọn.

Trong hoàn cảnh có chiến tranh, Đảng bộ coi trọng công tác xây dựng và củng cố lực lượng dân quân. Đảng ủy xã phân công đồng chí Hà Văn Ban - Xã đội trưởng, đồng chí Nguyễn Văn Vung - Xã đội phó, đồng chí Nguyễn Kim Thu - Chính trị viên xã đội. Các trung đội dân quân nhanh chóng củng cố, kiện toàn về quân số, vũ khí và được huấn luyện tốt hơn, thường xuyên làm nhiệm vụ trực chiến, báo động phòng không cho nhân dân.

Trong cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ hai, tuy máy bay Mỹ không trực tiếp ném bom, bắn phá xuống địa bàn xã, nhưng đánh phá ác liệt các vùng xung quanh. Trong gần 2 tháng (8 - 9/1972), máy bay Mỹ đã ném gần 900 quả bom các loại xuống 26 xã trên địa bàn tỉnh, làm chết 138 người, làm bị thương 142 người, phá hủy nhiều tài sản, hoa màu của Nhà nước và nhân dân. Vượt qua muôn vàn khó khăn, trong 4 năm (1969 - 1972),

Đảng bộ xã đã lãnh đạo nhân dân vừa làm tốt nhiệm vụ sản xuất, thực hiện thắng lợi vụ mùa thắng Mỹ với năng suất và sản lượng cao; vừa làm tốt công tác phòng không nhân dân, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai của đế quốc Mỹ.

III. Tiếp tục phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, chi viện cho sự nghiệp giải phóng miền Nam (1973 - 1975)

Ngày 27/1/1973, Hiệp định Pa-ri được ký kết, đế quốc Mỹ buộc phải rút quân khỏi miền Nam Việt Nam. Tuy nhiên đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai vẫn chưa chịu từ bỏ âm mưu duy trì chủ nghĩa thực dân kiểu mới đối với miền Nam và liên tiếp có những hành động vi phạm, phá hoại trắng trợn các điều khoản chính của Hiệp định. Trước yêu cầu, nhiệm vụ mới của cách mạng, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 21 và 22 xác định nhiệm vụ của cách mạng miền Bắc là: Nhanh chóng hoàn thành việc hàn gắn vết thương chiến tranh; ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, phát triển văn hóa; tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội; củng cố quốc phòng; ra sức chi viện cho tiền tuyến miền Nam.

Thực hiện các nghị quyết của Đảng, tháng 5/1973, Đảng bộ xã Bình Dân tổ chức Đại hội lần thứ VII (nhiệm kỳ 1973 - 1975). Căn cứ vào nghị quyết của cấp trên và tình hình thực tế ở địa phương, Đảng bộ xác

định phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế trong ba năm (1973 - 1975) là đẩy mạnh phát triển nông nghiệp toàn diện, từng bước tổ chức lại sản xuất, trước mắt là cây lúa, cây chè, chăn nuôi nhằm tăng nhanh tổng sản lượng lương thực, thực phẩm hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 11 đồng chí. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Tô Phẩm tiếp tục được phân công giữ chức Bí thư, đồng chí Nguyễn Xuân Tình giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy. Sau Đại hội, cán bộ, đảng viên và nhân dân Bình Dân ra sức phấn đấu, quyết tâm hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng đề ra.

Cuối năm 1972, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra Nghị quyết ghi rõ: *“Đến năm 1973 là phải tự túc được nhu cầu lương thực của tỉnh. Muốn tự túc được lương thực, không có con đường nào khác là phải cách mạng khâu giống lúa và hoa màu”*. Trên cơ sở đó, đầu năm 1973, Đảng bộ huyện Đại Từ *“đã có những chuyển biến về chỉ đạo sản xuất”, “nắm tương đối chắc chắn khả năng và điều kiện sản xuất nên đã có sự tính toán và xác định diện tích cấy lúa xuân, chiêm chắc ăn”*⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Đảng bộ huyện Đại Từ: Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ, tập II (1955 - 1995), Huyện ủy Đại Từ, 2000, tr.67.

Thực hiện nghị quyết của cấp trên, xã đã cử một số đồng chí chủ chốt trong chính quyền và Ban Quản trị hợp tác xã tham gia học lớp đào tạo cán bộ do Huyện ủy mở. Vụ xuân năm 1973, xã cấy các giống lúa mới có năng suất cao như Nông nghiệp 8, Trân Châu Lùn và Đài Bắc 8 gieo cấy trên các cánh đồng 5 tấn. Trên các cánh đồng này, đội sản xuất tiếp tục cấy thẳng hàng, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Nhờ vậy, năng suất lúa cơ bản đảm bảo yêu cầu đề ra. Đối với các cánh đồng cải tạo, Đảng ủy chú trọng khâu phân bón, trung bình mỗi sào, bón 400 kg phân. Nhờ vậy, năng suất lúa vụ sau cao hơn vụ trước. Trong chăn nuôi, hợp tác xã từng bước thực hiện ba khoán và hạch toán. Chuồng trại được củng cố, tu sửa. Tuy nhiên, 6 tháng đầu năm 1974, tình hình chăn nuôi trên địa bàn gặp nhiều khó khăn do bệnh tụ huyết trùng và bệnh lợn nghệ kéo dài.

Thực hiện chủ trương của Huyện ủy về phát triển nông nghiệp phải đi liền với phát triển thủ công nghiệp, Đảng ủy xã chỉ đạo tận dụng khả năng sẵn có của địa phương để đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp, trực tiếp phục vụ cho nông nghiệp, kiến thiết và phục vụ đời sống nhân dân. Vai trò của hợp tác xã mua bán, hợp tác xã tín dụng được phát huy, góp phần thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao đời sống nhân dân.

Bước vào năm 1975, Đảng ủy xã xác định nội dung chủ yếu trong công tác xây dựng Đảng là tập trung lãnh

đạo cuộc vận động thực hiện Chỉ thị 192-CT/TW ngày 26/10/1971 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên, đưa những đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng, Nghị quyết 228 - NQ/TW ngày 12/1/1974 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng về việc bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa. Kết hợp việc học tập các nghị quyết trên, Đảng bộ và nhân dân địa phương còn thực hiện các phong trào như “*Miền Nam vùng lên, Đại Từ đồng khởi*”, “*Vụ mùa đại thắng*” nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị, củng cố hợp tác xã. Những đảng viên có đủ năng lực và uy tín được đưa vào cấp ủy, trong đó cán bộ trẻ chiếm 30%. Đại đa số đảng viên đều phát huy vai trò lãnh đạo, quyết tâm khắc phục khó khăn, vận động quần chúng thực hiện các nhiệm vụ chính trị. Tính đến năm 1975, xã đã xây dựng được trạm bơm nước tại xóm Lò Mật, đập nước Nông Trường và đập Đồng Mâu, Vai cụ nhĩ...

Cùng với công tác xây dựng Đảng, Đảng ủy xã tập trung củng cố, kiện toàn bộ máy chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể quần chúng. Thông qua các kỳ bầu cử, Ủy ban hành chính ngày càng phát huy vai trò và năng lực trong quản lý kinh tế, động viên nhân dân đoàn kết, phấn khởi sản xuất và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước. Từ năm 1973, đồng chí Nguyễn Xuân Tình giữ quyền Chủ tịch Ủy ban hành chính thay đồng chí Nguyễn Minh Tiến. Sau cuộc bầu cử năm 1974, đồng chí Nguyễn

Xuân Tình chính thức được bầu làm Chủ tịch Ủy ban hành chính xã.

Các đoàn thể quần chúng ngày càng phát huy vai trò tổ chức và động viên nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Mặt trận Tổ quốc phát huy tốt vai trò, chức năng là trung tâm đoàn kết, tập hợp phát động nhân dân hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ của địa phương. Trong nhiệm kỳ, Đoàn Thanh niên đã tổng kết phong trào *“Ba sẵn sàng”* và phát động phong trào *“Tình nguyện lao động xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”*. Đoàn Thanh niên là lực lượng xung kích, luôn đi đầu trong việc áp dụng các biện pháp khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đảm bảo khâu xử lý giống, xây dựng các khu đồng 5 tấn. Hội Phụ nữ với phong trào *“Ba đảm đang”*, phát huy vai trò quan trọng trong mọi hoạt động. Hội động viên chị em làm tốt nhiệm vụ sản xuất, cấy thẳng hàng, kịp thời vụ, chú trọng chăn nuôi hộ gia đình. Chị em còn động viên chồng, con đi bộ đội và xây dựng các công trình cơ bản, vận động thực hành tiết kiệm.

Công tác văn hóa - xã hội có nhiều cố gắng. Năm 1975, cả trường cấp I và trường cấp II xã có gần 700 học sinh đến lớp. Trạm y tế xã được xây mới năm 1973, do ông Nguyễn Văn Tùy làm Trạm trưởng. Cán bộ y tế nâng cao chất lượng phục vụ bệnh nhân, kết hợp chữa bệnh bằng các phương pháp đông - tây y kết hợp, tích

cực tìm kiếm các cây thuốc quý trên rừng để chữa bệnh cho nhân dân, tuy nhiên tình trạng thiếu thuốc tây y vẫn xảy ra. Đời sống nhân dân ổn định, 80% hộ dân trong xã đã có giếng nước, nhà tắm, nhà vệ sinh, nhiều nhà đã mua sắm được xe đạp làm phương tiện đi lại.

Với tinh thần *“Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”*, trong những ngày tháng sôi động đầu năm 1975, Đảng bộ và quân dân Bình Dân luôn hướng về đồng bào miền Nam ruột thịt, từng ngày mong chờ tin chiến thắng. Trong 3 năm (1973 - 1975), toàn xã đã có nhiều cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên lên đường cầm súng chống Mỹ cứu nước, hoàn thành chỉ tiêu cấp trên giao.

Để tổng kết những thành tựu mà nhân dân đã đạt được trong suốt 3 năm phát triển kinh tế - xã hội, ngày 21/4/1975, Đảng bộ xã Cát Nê tổ chức Đại hội lần thứ VIII (nhiệm kỳ 1975 - 1977). Trên cơ sở tổng kết, đánh giá kết quả, hạn chế trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ trước, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho nhiệm kỳ mới: Tập trung phát triển kinh tế, trọng tâm là sản xuất nông nghiệp; tăng cường công tác xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể. Đại hội tiến hành bầu Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới gồm 11 đồng chí. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 3

đồng chí: Đồng chí Nguyễn Tô Phẩm được phân công làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Xuân Tình làm Phó Bí thư, đồng chí Hoàng Văn Thịnh làm Ủy viên Ban Thường vụ.

Ngày 30/4/1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, miền Nam hoàn toàn được giải phóng. Sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước đầy gian khổ và hy sinh của dân tộc ta đã giành thắng lợi vẻ vang.

*

* *

Nhìn lại chặng đường 21 năm lịch sử (từ năm 1954 - 1975) trên mảnh đất giàu truyền thống đấu tranh cách mạng, Chi - Đảng bộ và nhân dân Bình Dân đã giành được những thành tích đáng tự hào. Giai đoạn 1954 - 1965, Chi bộ xã lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế - xã hội, tiếp tục hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và bước đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt, trong thời gian 10 năm (1965 - 1975), quân dân Bình Dân đã trực tiếp chiến đấu, góp phần đánh thắng 2 cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc. Nhân dân trong xã không chỉ “chia lửa” với các chiến trường mà còn góp phần hoàn thành xuất sắc vai trò căn cứ địa, đón tiếp các cơ quan, nhà nước sơ tán về địa phương.

Theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, với tinh thần “*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*”, trong 10 năm (1965 - 1975), xã có 120 đồng chí xung phong vào bộ đội, tham gia chiến đấu ở chiến trường B-C-K và Đoàn 559 (Bình đoàn Trường Sơn), 10 thanh niên nam nữ tham gia thanh niên xung phong và dân công hỏa tuyến, xây dựng và sửa chữa đường giao thông, vận chuyển hàng hóa, lương thực, thực phẩm. Các đồng chí chịu muôn vàn khó khăn gian khổ, chiến đấu anh dũng, lập công xuất sắc, trong số đó có 19 người con của xã hy sinh bảo vệ Tổ quốc, 20 người để lại một phần xương máu trên chiến trường.

Trong thời kỳ mới - cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, không còn bom đạn của chiến tranh ác liệt nhưng nhiệm vụ mới, yêu cầu mới không kém phần gian khổ, quyết liệt. Được sự ủng hộ, tin tưởng của nhân dân, Đảng bộ xã Bình Dân quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành các nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Chöông V

NĂNG BÖAXAÕCAÛ NEĂLAÑH NĂĐ NHAÑ DAN XĂY DÖÖNG CHUÛNGHÖA XAÕHOÏ VAÖBAÖ VEĂTOẢQUÖC XAÕHOÏ CHUÛNGHÖA (1975 - 1985)

I. Khôi phục kinh tế và thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 - 1980)

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước kết thúc thắng lợi mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam: “*Non sông thu về một mối*”, độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội. Cùng cả nước, nhân dân trong xã bước vào thời kỳ mới với những thuận lợi cơ bản: Thuận lợi lớn nhất là đất nước hòa bình, nhân dân vui mừng, phấn khởi bắt tay vào sản xuất. Toàn bộ nhân dân chuyển sang làm ăn tập thể, tập trung sản xuất trong 1 hợp tác xã bậc cao. Đảng bộ xã sau những năm vừa sản xuất, vừa chiến đấu được rèn luyện và trưởng thành về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội địa phương. Đội ngũ quân nhân hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến chống Mỹ đã trở về quê hương, trở thành lực lượng lao động tích cực trong hợp tác xã nông nghiệp.

Thuận lợi là cơ bản nhưng trong quá trình xây dựng quê hương, Đảng bộ và nhân dân địa phương cũng gặp phải một số khó khăn như: Cơ sở vật chất chưa đáp ứng kịp yêu cầu; việc quản lý, sử dụng đất đai, vật tư, thiết bị lao động chưa thật hợp lý; đội ngũ cán bộ có trình độ còn thiếu; thời tiết khắc nghiệt và diễn biến phức tạp gây ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất, sản phẩm thu hoạch giảm sút, đời sống nhân dân lúc giáp hạt gặp khó khăn...

Trong không khí cả nước thi đua đẩy mạnh sản xuất, ngày 25/4/1976, 98% cử tri trong xã cùng hàng triệu cử tri cả nước nô nức tham gia bỏ phiếu bầu cử Đại biểu Quốc hội khóa IV (nhiệm kỳ 1976 - 1981). Quốc hội khóa IV đã quyết định đổi tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban hành chính các cấp đổi thành Ủy ban nhân dân các cấp. Tại thời điểm này, đồng chí Hoàng Văn Thịnh giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Trong năm 1976, xã Bình Dân đổi tên thành xã Cát Nê.

Sau những sự kiện chính trị quan trọng trên, cán bộ và nhân dân Cát Nê tập trung sản xuất. Trong nông nghiệp, Đảng ủy đã chỉ ra và phân tích những khó khăn đang gặp phải như: Tập quán canh tác còn lạc hậu, hầu hết chưa theo đúng khung thời vụ; năng suất lúa còn thấp, người dân chủ yếu vẫn chăm sóc theo lối quảng canh; diện tích đất canh tác còn bị bỏ hoang, manh mún;

các khâu làm đất, thu hoạch không thuận lợi; việc tìm và lựa chọn các loại cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên chưa được chú trọng.

Căn cứ vào tình hình cụ thể, với sự quan tâm chỉ đạo tích cực của Đảng bộ và chính quyền, sự nỗ lực của toàn dân, Cát Nê từng bước tháo gỡ khó khăn vướng mắc. Đảng ủy chỉ đạo hợp tác xã đẩy mạnh cải tiến kỹ thuật trong nông nghiệp, mạnh dạn thay đổi cơ cấu giống lúa; khai hoang phục hóa; tận dụng tiềm năng đất đai tăng gia sản xuất ổn định đời sống nhân dân. Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp trong 2 năm (1975 - 1976) gặp nhiều khó khăn do thời tiết thất thường, nhiều diện tích gieo trồng bị thiếu nước nghiêm trọng. Trước tình hình đó, hợp tác xã huy động hàng nghìn ngày công làm mới và sửa chữa các công trình thủy lợi vừa và nhỏ để dẫn nước vào đồng ruộng. Với những cố gắng trong sản xuất, cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Cát Nê đã hoàn thành nghĩa vụ trong đợt huy động lương thực năm 1976.

Trên cơ sở hướng dẫn của Tỉnh ủy Bắc Thái, Huyện ủy Đại Từ về tổ chức Đại hội Đảng cấp cơ sở, ngày 6/6/1977, Đảng bộ xã tổ chức Đại hội lần thứ IX (nhiệm kỳ 1977 - 1979). Đại hội đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII và thảo luận phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ, tiếp tục nhấn mạnh vai trò sản xuất nông nghiệp ở địa phương. Đại hội bầu 13 đồng chí có năng lực vào Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IX.

Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 5 đồng chí. Đồng chí Hoàng Văn Thịnh được phân công giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Vũ Minh Cách và đồng chí Phạm Tứ Nguyên làm Phó Bí thư.

Với tinh thần đoàn kết, nhất trí cao, Đại hội Đảng bộ xã Cát Nê lần thứ IX kết thúc tốt đẹp, hoàn thành tốt nội dung, chương trình đề ra. Nghị quyết Đại hội vừa là động lực, vừa là mục tiêu cho toàn Đảng bộ và nhân dân trong xã cố gắng, phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ IX, trong sản xuất nông nghiệp, chủ trương của Đảng ủy là chỉ đạo hợp tác xã chú trọng đưa cách mạng khoa học kỹ thuật vào nông nghiệp, trước hết là tiếp tục thay đổi cơ cấu giống, thay thế giống cũ dài ngày, năng suất thấp bằng giống mới ngắn ngày có năng suất cao. Phát huy ưu thế, đặc điểm của từng vùng để chỉ đạo chặt chẽ việc xác định cơ cấu giống cho từng vụ, cơ cấu lúa với màu, thực hành nghiêm chỉnh các biện pháp thâm canh, nhất là đối với các giống lúa mới. Năng suất lúa bình quân trong 5 năm (1976 - 1980) đạt 1,5 tấn/ha/vụ, tổng sản lượng lương thực đạt 828 tấn.

Thực hiện mục tiêu từng bước đưa chăn nuôi trở thành một trong những ngành sản xuất chính, công tác chăn nuôi tiếp tục giải quyết những bất cập tồn tại. Nếu

trước kia chuồng trại chăn nuôi chưa được đầu tư xây dựng hợp lý, thì đến giai đoạn này hầu hết các cơ sở chăn nuôi đều được tu sửa lại đồng thời xây dựng thêm một số cơ sở vật chất cho chăn nuôi dựa trên nguồn vốn của hợp tác xã. Chăn nuôi tập thể có xu hướng phát triển mạnh, tổng số đầu lợn của hợp tác xã tăng nhanh, trong khi đó tổng số đầu lợn trong hộ xã viên có xu hướng giảm. Năm 1976, đàn trâu bò của xã có khoảng 980 con, đàn lợn khoảng 2.600 con. Mặc dù quy mô, sản lượng thịt chưa thực sự lớn, song hàng năm, nhân dân địa phương đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ thực phẩm cho Nhà nước, đồng thời cung cấp một phần nhu cầu thực phẩm cho nhân dân trong xã.

Xác định chè là cây công nghiệp chủ yếu của địa phương, hàng năm Đảng bộ và chính quyền xã đã cử cán bộ chủ chốt đi học hỏi kinh nghiệm, dự các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức; xã viên đầu tư thời gian, nghiên cứu đặc điểm đất đai, áp dụng các biện pháp khoa học, kỹ thuật vào canh tác chè; diện tích trồng chè liên tục được mở rộng... Nhờ đó, năng suất chè búp tươi bình quân đạt 50 tạ/ha/năm.

Cuối năm 1978 và đầu năm 1979, trong khi đồng bào cả nước đang nô nức thi đua lao động sản xuất thì chiến tranh biên giới Tây Nam nổ ra. Toàn dân tộc lại sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu bảo vệ bờ cõi. Hưởng ứng lệnh tổng động viên của Chủ tịch nước, nhiều thanh

niên, đoàn viên của xã Cát Nê đã lên đường nhập ngũ. Cấp ủy Đảng đã lãnh đạo nhân dân nhanh chóng chuyển lối sinh hoạt từ thời bình sang thời chiến, xây dựng phương án phòng thủ khi có tình huống xấu xảy ra. Quán triệt đường lối quân sự của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy và Huyện đội Đại Từ, quân dân xã Cát Nê cùng với quân dân các xã Ký Phú, Quân Chu, Vạn Thọ, Nông trường chè Quân Chu, nhà máy Chè đen, Xí nghiệp phốt phát núi Văn thuộc cụm chiến đấu số 6 có nhiệm vụ xây dựng trận địa bảo vệ Quốc lộ 38, đoạn chạy qua huyện Đại Từ. Lực lượng dân quân xây dựng kế hoạch, nội dung chiến đấu, cách thức sử dụng các loại súng bộ binh, các loại mìn, cách phục kích, tập kích địch.

Ban Công an xã thường xuyên duy trì công tác quản lý hộ khẩu, hộ tịch chặt chẽ; lập kế hoạch giáo dục, cải tạo các đối tượng trong diện cần quản lý; đồng thời phát động rộng rãi phong trào toàn dân tham gia công tác bảo vệ trị an, nhất là trong các đội sản xuất và nhà trường.

Trước tình hình, nhiệm vụ mới, năm 1979, Đảng bộ xã tổ chức Đại hội lần thứ X (nhiệm kỳ 1979 - 1982) với sự tham gia của toàn thể đảng viên trong Đảng bộ. Đại hội khẳng định những thành tích trong sản xuất nông nghiệp, giáo dục, y tế, xây dựng Đảng, chính quyền mà

cán bộ và nhân dân địa phương đã đạt được. Trên cơ sở đó, Đại hội tập trung phân tích tình hình trong nước, những khó khăn mà toàn Đảng, toàn dân ta phải đối mặt; nhấn mạnh công tác đào hầm, hố cá nhân; động viên nhân dân nhập ngũ, bổ sung cho chiến trường biên giới. Đại hội tiến hành bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 10 đồng chí. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu 3 đồng chí vào Ban Thường vụ. Đồng chí Đinh Lương Dân được phân công làm Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Hình - Phó Bí thư, đồng chí Nguyễn Xuân Tình - Thường trực Đảng ủy.

Qua các kỳ Đại hội, công tác kiểm tra Đảng được coi trọng và tiến hành nghiêm túc, thường xuyên. Đảng ủy thường xuyên biểu dương những đảng viên chấp hành tốt kỷ luật và kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên thoái hóa, biến chất. Trong nhiệm kỳ 1975 - 1977, Đảng bộ tiến hành kỷ luật 3 đồng chí. Đầu năm 1980, Đảng bộ tập trung chỉ đạo và hướng dẫn các chi bộ trực thuộc thực hiện tốt Chỉ thị 83-CT/TW ngày 26/11/1979 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về phát triển đảng viên nhằm nâng cao chất lượng, tăng cường sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng. Đây là những đợt sinh hoạt chính trị có ý nghĩa lớn lao, góp phần thúc đẩy cán bộ, đảng viên nỗ lực thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Trong 5 năm (1976 - 1980), trên địa bàn xã diễn ra 2 kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân. Đảng ủy lãnh đạo thắng

lợi cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp năm 1977, bầu đủ số lượng đại biểu vào Hội đồng nhân dân xã nhiệm kỳ 1977 - 1979. Trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng nhân dân, đồng chí Vũ Minh Cách được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân. Năm 1979, 99% cử tri xã Cát Nê tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 1979 - 1981. Hội đồng nhân dân khóa mới họp phiên đầu tiên và lựa chọn các đồng chí đủ năng lực và phẩm chất vào Ủy ban nhân dân, đồng chí Nguyễn Văn Hình được bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Mặt trận Tổ quốc là cơ quan xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, phối hợp với các ngành vận động đồng bào ủng hộ bộ đội, tham gia thực hiện chính sách hậu phương quân đội. Đoàn Thanh niên tập trung đẩy mạnh công tác giáo dục tuyên truyền cho đoàn viên, thanh niên về tình hình đất nước trong giai đoạn mới, động viên họ thực hiện phong trào *“Ba xung kích làm chủ tập thể”*; có nhiều hình thức hướng thanh niên đi đầu trong các phong trào lao động sản xuất, phòng chống thiên tai, sẵn sàng gia nhập quân đội bảo vệ Tổ quốc. Hội Phụ nữ chú ý đẩy mạnh phong trào *“Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”*, động viên chị em khắc phục khó khăn, hăng hái lao động sản xuất, tiết kiệm, ổn định đời sống; tích cực thực hiện kế hoạch hóa gia đình; phát huy truyền thống *“Ba đảm đang”*, sẵn sàng đảm nhận mọi công việc để người thân yên tâm lên đường chiến đấu.

Dù chiến tranh biên giới đang diễn ra phức tạp nhưng công tác giáo dục, y tế, văn hóa ở Cát Nê vẫn có nhiều biến chuyển đáng kể. Hệ thống trường học được củng cố, đội ngũ giáo viên giàu tâm huyết và yêu nghề. Nhờ vậy, chất lượng giáo dục được nâng cao. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được đầu tư, đội ngũ cán bộ y tế được tạo điều kiện nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ, đủ năng lực hoàn thành nhiệm vụ. Cán bộ y tế hướng dẫn nhân dân xây dựng 3 công trình: Giếng nước, nhà tắm, nhà vệ sinh; đảm bảo không để xảy ra dịch bệnh lớn.

Với nội dung thiết thực, phong phú và bám sát thực tế, công tác văn hóa thông tin phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng, góp phần tích cực trong việc giáo dục, nâng cao tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong nhân dân. Những kết quả đạt được trong lĩnh vực này không những góp phần tạo khí thế cách mạng cho quần chúng trong sản xuất và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, mà còn tạo dựng một đời sống văn hóa lành mạnh, đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn hóa ngày càng cao của đại bộ phận dân cư trên địa bàn.

Trải qua 5 năm (1976 - 1980) trên chặng đường cách mạng mới, tuy gặp nhiều khó khăn do cơ chế quản lý tập trung, bao cấp, song Đảng bộ Cát Nê đã quyết tâm lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong xã không ngừng phấn đấu, vượt qua khó khăn, thử thách để xây dựng và bảo vệ quê hương, giành được những kết quả quan trọng:

Sản xuất nông nghiệp có bước đi tương đối toàn diện; sự nghiệp văn hóa, giáo dục, y tế, quốc phòng - an ninh ổn định và phát triển; hoàn thành tốt nghĩa vụ với Nhà nước... Với những thành tựu đó, Đảng bộ và nhân dân xã Cát Nê đã góp phần cùng nhân dân cả nước thực hiện thắng lợi kế hoạch Nhà nước 5 năm giai đoạn 1976 - 1980 cũng như tạo tiền đề cần thiết bước vào thời kỳ cách mạng mới.

II. Triển khai Chỉ thị 100-CT/TW trong sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế, xã hội (1981 - 1985)

Bước sang năm 1981, năm đầu thực hiện Kế hoạch 5 năm (1981 - 1985), sản xuất nông nghiệp ở huyện Đại Từ nói chung và xã Cát Nê nói riêng có nhiều thuận lợi để phát triển. Ngày 13/1/1981, Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị 100-CT/TW (gọi tắt là Khoán 100) nhằm thay đổi cách thức quản lý trong sản xuất; mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp. Khoán 100 thực chất chỉ là cải tiến hình thức khoán, chuyển từ khoán việc sang khoán sản phẩm, từ khoán đội đến khoán hộ gia đình, nhưng ưu điểm hơn hình thức khoán trước đây, bước đầu khôi phục lại quyền tự chủ trong sử dụng ruộng đất và lao động của xã viên, gắn lao động với đất đai, làm cho người lao động quan tâm hơn tới kết quả cuối cùng. Do đó, Khoán 100 được coi là “chìa khóa” để mở ra con

đường mới trong sản xuất nông nghiệp, được nông dân phấn khởi đón nhận. Đây là kết quả của quá trình tìm tòi, đổi mới tư duy trong việc cải cách một bước mô hình hợp tác xã nông nghiệp, mở ra một hướng đi mới cho nông nghiệp và nông thôn Việt Nam nói chung.

Sau khi chỉ thị được ban hành, Đảng ủy quán triệt Khoán 100 và phổ biến các nghị quyết của tỉnh, huyện về thực hiện Khoán đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã. Lúc đầu, một bộ phận cán bộ đảng viên còn phân vân, bỡ ngỡ trước việc khoán thẳng sản phẩm đến nhóm và người lao động, chuyển nhượng cho xã viên trực tiếp quản lý một số tài sản của hợp tác xã, cho rằng như thế trái với những quan niệm có tính nguyên tắc, truyền thống về tổ chức sản xuất xã hội chủ nghĩa. Trước tình hình đó, Đảng bộ xã tiến hành đợt sinh hoạt chính trị đầy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, tạo sự thống nhất trong Đảng và nhân dân, giải quyết một số xu hướng, tư tưởng chưa thông suốt về thực hiện khoán. Nhờ làm tốt công tác tư tưởng, ngay từ vụ mùa năm 1981, Cát Nê đã bắt tay thực hiện Khoán 100.

Trong quá trình thực hiện Khoán 100, Đảng ủy đã chỉ đạo đúng đắn và thống nhất nội dung về cách khoán đối với 5 khâu công việc do hợp tác xã đảm nhiệm, đó là: Làm đất, tưới tiêu, bảo vệ thực vật, cung cấp phân vô cơ và bảo vệ đồng ruộng. Đồng thời chỉ đạo hợp tác xã nông nghiệp tiến hành khoán diện tích canh tác đến

từng hộ xã viên, dựa trên cơ sở phân khoán, định hạng, bình xét năng suất, sản lượng ruộng khoán sát đúng, rồi phân loại lao động các hộ ít nhiều khác nhau, căn cứ vào diện tích to nhỏ khác nhau nhằm hạn chế giao ruộng manh mún.

Trên cơ sở thảo luận, được sự nhất trí cao của các đồng chí trong Đảng bộ, Đảng ủy cùng với Ban Quản trị hợp tác xã đã thống nhất cách phân chia định suất, lao động. Người trong độ tuổi lao động (18 - 60 tuổi) bằng 1 định suất; 3 người dưới độ tuổi lao động (dưới 18 tuổi) bằng 1 định suất; 2 người trên độ tuổi lao động (trên 60 tuổi) bằng 1 định suất. Mỗi định suất được giao khoán 3 sào ruộng.

Ban quản trị hợp tác xã chia ruộng đất theo cách thức khoán sản và nộp thuế. Ruộng nộp thuế cho Nhà nước chia theo quy định 5 loại (từ loại 1 đến loại 5). Đối với loại ruộng nộp sản lượng cho hợp tác xã, Ban quản trị hợp tác xã chia thành 5 loại: Ruộng loại 1, là những khu ruộng bằng phẳng, thuận tiện cho thủy lợi và canh tác; ruộng loại 2 là những khu ruộng ít bằng phẳng hơn, xa các khu dân cư, ít thuận lợi để canh tác; ruộng loại 3 chủ yếu là ruộng cạn, chỉ cấy 1 vụ (vụ mùa); ruộng loại 4, 5 là những khu ruộng khó canh tác. Những loại ruộng này chia đều cho mỗi định suất lao động. Trên cơ sở phân loại ruộng đất, Ban quản trị định mức sản lượng như

sau: Đối với ruộng loại 1, nhân dân phải nộp 90 - 100 kg/sào; ruộng loại 2 nộp 70 - 80 kg/sào; ruộng loại 3 phải nộp 60 kg/sào, ruộng loại 4, 5 nộp 40 - 50 kg/sào.

Nhằm đánh giá tình hình sản xuất sau một năm triển khai Khoán 100, Đảng bộ xã Cát Nê tổ chức Đại hội lần thứ XI (nhiệm kỳ 1982 - 1984) vào năm 1982 với sự tham gia của toàn thể đảng viên trong Đảng bộ. Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng trong nhiệm kỳ 1982 - 1984: Tiếp tục quán triệt nội dung Khoán 100 tới cán bộ, đảng viên và nhân dân, tạo sự thống nhất về mục đích của khoán mới là tăng năng suất, sản lượng và thu nhập; tập trung lực lượng nhằm tạo một bước phát triển toàn diện và vững chắc về nông nghiệp; nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức Đảng; phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân.

Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 11 đồng chí. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Xuân Tình được phân công giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Văn Hình làm Phó Bí thư, đồng chí Đinh Lương Dân làm Ủy viên Ban Thường vụ.

Căn cứ vào tình hình thực tế, Đảng ủy chỉ đạo hợp tác xã điều chỉnh một số chỉ tiêu khoán như giao thêm ruộng cho lao động trực tiếp trồng trọt, giao khoán cho các gia

đình chính sách ở những nơi thuận tiện; hợp tác xã thực hiện tốt 5 khâu, vận động xã viên không nợ đọng sản phẩm khoán và tích cực đầu tư thâm canh cây trồng. Hợp tác xã đầu tư việc cơ giới hóa trong canh tác. Nhờ vậy, diện tích gieo trồng và sản lượng lương thực năm 1983 tăng hơn so với những năm trước. Sau 10 vụ sản xuất, Cát Nê đã nộp thuế và trả nợ Nhà nước 70 tấn thóc.

Trong lĩnh vực lưu thông phân phối, hợp tác xã mua bán khắc phục khó khăn, đáp ứng các nhu cầu của nhân dân địa phương về nông cụ và một số mặt hàng thiết yếu như muối, dầu hỏa, nước mắm, quần áo, vải... Hoạt động của hợp tác xã tín dụng tiếp tục được duy trì.

Trạm y tế xã làm tốt vai trò, nhiệm vụ được giao, mỗi năm khám chữa bệnh cho hàng nghìn lượt người. Trong 5 năm (1981 - 1985), trạm đã tổ chức hàng trăm đợt tiêm phòng, tiêm chủng cho trẻ em trong độ tuổi theo quy định. Phong trào ăn uống hợp vệ sinh, phòng chống dịch bệnh được kiểm tra, theo dõi thường xuyên nên không xảy ra dịch bệnh lớn.

Công tác giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn là nhiệm vụ quan trọng, tạo điều kiện cho nhân dân yên tâm sinh sống và sản xuất. Các xóm đều có công an viên phụ trách để kịp thời nắm bắt và giải quyết vụ việc xảy ra. Phong trào xây dựng xã “*Ba an toàn*”, gia đình “*Ba an toàn*”... được chú trọng, góp phần giữ vững trật tự an

toàn xã hội, bảo vệ tài sản nhân dân. Nhiều vụ trộm cắp, xô xát được điều tra và giải quyết dứt điểm; các hiện tượng đánh bạc, rượu chè gây mất trật tự trị an thôn xóm về cơ bản được hạn chế.

Trong 5 năm (1981 - 1985), xã liên tục hoàn thành và vượt chỉ tiêu tuyển quân, đảm bảo số lượng cũng như chất lượng, không để xảy ra hiện tượng đào ngũ. Với truyền thống “*Uống nước nhớ nguồn*”, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân và các cấp, các ngành thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách đãi ngộ của Đảng, Nhà nước đối với các gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng. Nhiều thương binh, bệnh binh đã phát huy phẩm chất “*Bộ đội cụ Hồ*”, vươn lên trong cuộc sống, góp phần xây dựng quê hương.

Được sự đồng ý của Huyện ủy, tháng 6/1984, Đảng bộ xã Cát Nê tổ chức Đại hội lần thứ XII (nhiệm kỳ 1984 - 1987) nhằm tổng kết đánh giá hoạt động của nhiệm kỳ trước, đồng thời chỉ ra phương hướng cho chặng đường tiếp theo trọng tâm là tháo gỡ những khó khăn về kinh tế, kiện toàn bộ máy tổ chức Đảng, nâng cao chất lượng đảng viên. Đại hội bầu Ban Chấp hành gồm 11 đồng chí. Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí. Đồng chí Vũ Văn Thuật được phân công giữ chức Bí thư, đồng chí Phạm Tứ Nguyên làm Phó Bí thư, đồng chí Dương Mạnh Thành làm Ủy viên Ban Thường vụ.

Để tăng cường sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng đối với việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của địa phương, Đảng bộ xã Cát Nê thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng trên cả 3 mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức, gắn liền công tác xây dựng Đảng với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ tổ chức tiến hành nhiều đợt sinh hoạt chính trị nhằm quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V; Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ IV.

Trong công tác kiểm tra, giám sát, Đảng bộ luôn đấu tranh nghiêm khắc với tư tưởng cơ hội, thực dụng, những biểu hiện tiêu cực, quan liêu sai trái phát sinh trong một bộ phận đảng viên. Công tác phê bình và tự phê bình được tiến hành thường xuyên. Nhằm nâng cao lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, hàng năm, Đảng ủy cử một số đồng chí cốt cán trong khối Đảng, chính quyền và các đoàn thể đi học các lớp bồi dưỡng chính trị theo chương trình sơ cấp, trung cấp và các lớp chuyên môn nghiệp vụ. Các chỉ thị, nghị quyết mới của Đảng được triển khai, quán triệt kịp thời tới toàn bộ đảng viên trong xã.

Có được thắng lợi trên các mặt sản xuất và đời sống là nhờ vào kết quả của công cuộc đổi mới cơ chế Khoán 100 gắn liền với sự lớn mạnh của Đảng bộ, chính quyền xã Cát Nê. Các cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân vào các

năm 1981 và 1984 được tiến hành công khai, dân chủ, an toàn và tiết kiệm. Hội đồng nhân dân duy trì thường xuyên các cuộc họp theo luật định, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong thảo luận và ra nghị quyết chuyên đề về kinh tế - xã hội. Ủy ban nhân dân phát huy tốt vai trò trong điều hành, quản lý Nhà nước bằng pháp luật, kịp thời cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng ủy. Thời gian này, các đồng chí Nguyễn Văn Hình (1979 - 1983), Trần Đức Kha (1983 - 1984), Phạm Tứ Nguyên (1984 - 1985) kế tiếp làm Chủ tịch ủy ban nhân dân xã.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể ở địa phương có nhiều đổi mới về nội dung sinh hoạt và chất lượng. Mặt trận làm tốt việc vận động nhân dân hăng hái tham gia xây dựng chính quyền. Hội viên của các đoàn thể gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước: Hội Phụ lão phát động phong trào hội viên xây dựng quỹ vui tuổi già. Lực lượng đoàn viên thanh niên luôn giữ vai trò xung kích trên mặt trận sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, làm thủy lợi, mua công trái xây dựng Tổ quốc. Hội Phụ nữ tiếp tục phát động và hưởng ứng phong trào *“Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”*, *“Nâng cao kiến thức làm mẹ trong việc nuôi dạy con cái”*. Hội Nông dân thi đua sản xuất, chăn nuôi giỏi và tích cực ủng hộ đồng bào bị thiên tai... Các hoạt động này đều bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Với những cố gắng trong công tác lãnh đạo, tổ chức và sự phấn đấu nỗ lực của nhân dân, trong 10 năm (1975 - 1985), Đảng bộ và nhân dân Cát Nê đã giành được nhiều thắng lợi khá toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền, các tổ chức đoàn thể. Đời sống nhân dân được cải thiện. Tuy thực phẩm còn khan hiếm, nhưng vào các ngành lễ tết hoặc tổng kết thu hoạch, các hợp tác xã có thịt lợn phân phối cho xã viên; một số hộ đã mua sắm được các vật dụng có giá trị như đài nghe tin tức, xe đạp. Trẻ em đến tuổi đi học đều được đến trường. Các gia đình có công với nước, gia đình chính sách đều được Đảng bộ và Chính quyền thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ theo quy định của Nhà nước.

Kết thúc 10 năm khôi phục và phát triển kinh tế (1975 - 1985), Đảng bộ rút ra được những kinh nghiệm quý báu, những bài học thành công và chưa thành công trong quá trình lãnh đạo nhân dân. Đó là cơ sở để Đảng bộ và nhân dân Cát Nê bước vào chặng đường mới.

Chöông VI

NHÀNG BÖAXAÕCAÛ NEÂNLAÕNH NÃÖ NHAÂN DAN BÖÖÛC NÃÖ THÖC HIËN NÖÔNG LOÁ NÖA MÖU CUA NÃNG (1986 - 1995)

I. Những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội (1986 - 1990)

Tháng 12/1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng diễn ra tại Hà Nội, đánh giá tình hình và đề xướng công cuộc đổi mới với những nội dung cơ bản: Đổi mới tư duy trong việc nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; tạo cơ sở đổi mới toàn diện đất nước, đưa nước ta từng bước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. Nhiệm vụ đổi mới kinh tế bước đầu được xác định tại Đại hội VI với 3 chương trình kinh tế lớn: Lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Xác định công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng vững mạnh là điều kiện quan trọng để đáp ứng yêu cầu đổi mới của Đảng, thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 20/1/1987 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về cuộc bầu cử Quốc hội

khóa VIII và Hội đồng nhân dân các cấp, tháng 5/1987, nhân dân Cát Nê hăng hái tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân huyện, xã. Đồng chí Phạm Tứ Nguyên được bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Tháng 12/1989, hơn 90% cử tri Cát Nê tham gia bầu cử Hội đồng nhân dân xã (nhiệm kỳ 1989 - 1994). Trong phiên họp đầu tiên, Hội đồng nhân dân bầu Ủy ban nhân dân. Đồng chí Vũ Minh Cách được tín nhiệm bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Trong nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân xã có nhiều đổi mới trong việc thực hiện chức năng giám sát hoạt động của chính quyền và giải quyết những yêu cầu chính đáng của cử tri. Chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân được chú trọng và tăng cường, từng bước thực hiện công khai hóa và dân chủ hóa trong các kỳ họp của Hội đồng nhân dân, đa số các nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về vấn đề dân số, lao động, quản lý đất đai, giáo dục, hàng tiêu dùng, bảo đảm an ninh, an toàn trật tự xã hội thiết thực đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân.

Để đưa các nghị quyết vào cuộc sống, khơi dậy tinh thần lao động sáng tạo của nhân dân, tháng 10/1987, Đảng bộ xã Cát Nê tiến hành Đại hội lần thứ XIII (nhiệm kỳ 1987 - 1989) với sự tham gia của toàn thể đảng viên trong Đảng bộ. Đại hội nghiêm túc kiểm điểm những tồn tại, yếu kém trong việc lãnh đạo phát triển

kinh tế - xã hội ở địa phương giai đoạn 1981 - 1985, từ đó đề ra nhiệm vụ cần kíp trước mắt là: Tập trung vào sản xuất lương thực thực phẩm; tăng cường công tác quản lý lao động, đất đai; lãnh đạo hợp tác xã chấn chỉnh lại việc khoán sản phẩm, mở rộng ngành nghề trong nông nghiệp; tăng cường công tác giáo dục chính trị và nâng cao vai trò lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng. Đại hội đã bầu 13 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ khóa mới. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 5 đồng chí. Đồng chí Vũ Văn Thuật được phân công giữ chức Bí thư, đồng chí Phạm Tứ Nguyên làm Phó Bí thư, đồng chí Dương Mạnh Thành làm Phó Bí thư thường trực⁽¹⁾.

Tháng 6/1989, Đảng bộ xã tổ chức Đại hội lần thứ XIV (nhiệm kỳ 1989 - 1991). Các đại biểu về dự tập trung thảo luận về công tác Đảng, chính quyền và đoàn thể trong nhiệm kỳ 1987 - 1989. Đại hội khẳng định kết quả đạt được, đồng thời chỉ ra một số tồn tại, thiếu sót cần khắc phục: Việc lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội chưa cân đối, toàn diện; tỷ lệ đảng viên chưa được phân công nhiệm vụ còn cao; một bộ phận đảng viên chưa tự giác rèn luyện, thiếu gương mẫu

⁽¹⁾ Đến nửa nhiệm kỳ đồng chí Dương Mạnh Thành đi học lớp trung cấp lý luận chính trị tại tỉnh nên bàn giao công tác cho đồng chí Nguyễn Văn Luyện.

trước quần chúng... Từ đó, Đại hội xác định phải tăng cường công tác xây dựng Đảng, gắn liền với củng cố chính quyền, kiện toàn các đoàn thể quần chúng cả về tổ chức và cán bộ, chuyển đổi phương thức hoạt động của các đoàn thể sao cho phù hợp với yêu cầu đổi mới. Đại hội bầu 11 đồng chí vào Ban Chấp hành. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí. Đồng chí Nguyễn Trọng được phân công giữ chức Bí thư, đồng chí Phạm Tứ Nguyên làm Phó Bí thư, đồng chí Vũ Văn Tèo làm Ủy viên Ban Thường vụ. Đến tháng 9/1989, đồng chí Nguyễn Trọng xin nghỉ công tác, đồng chí Phạm Tứ Nguyên - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã được phân công làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Vũ Minh Cách - quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân thay đồng chí Phạm Tứ Nguyên.

Bên cạnh tổ chức các kỳ Đại hội, từ năm 1987 đến năm 1990, Đảng bộ xã Cát Nê đã tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, tỉnh, huyện từ trong Đảng đến nhân dân, nhất là những chính sách lớn về kinh tế. Năm 1987, Đảng bộ tổ chức học tập các chuyên đề Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, Nghị quyết Trung ương 2 về cuộc vận động làm trong sạch bộ máy Nhà nước và xây dựng chương trình hành động cụ thể của Đảng bộ theo kế hoạch của Huyện ủy.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng: Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân tiến hành Đại hội kết thúc nhiệm kỳ theo quy định và bầu Ban Chấp hành khóa mới. Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể thành viên bước đầu bám sát yêu cầu của công cuộc đổi mới, tích cực vận động nhân dân thi đua sản xuất, xây dựng gia đình văn hóa.

Bộ máy Đảng, chính quyền, đoàn thể được củng cố là điều kiện thuận lợi để nhân dân Cát Nê đoàn kết thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong thời kỳ 1986 - 1990. Trong năm 1987, thời tiết diễn biến không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp nên hai vụ lúa của nhân dân đều bị thất thu, sản lượng lương thực giảm so với năm 1986; sản lượng đàn lợn không đạt kế hoạch đề ra; sản xuất tiểu thủ công nghiệp thiếu vật tư, nguyên liệu và vốn; một số hợp tác xã công nghiệp phải ngừng sản xuất, giá cả thường xuyên biến động; cơ chế Khoán 100 bộc lộ một số hạn chế và tỏ ra không thích hợp với tình hình mới... Do đó, trên địa bàn xã có nhiều hộ thiếu ăn. Trước tình hình thiếu đói diễn ra trên diện rộng, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp cho xã 164 kg gạo, Ủy ban nhân dân huyện bán cho xã 287 kg gạo.

Để tháo gỡ những khó khăn trong sản xuất nông nghiệp, ngày 5/1/1988, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra Nghị quyết 05-NQ/BT nhằm đổi mới mạnh mẽ hơn cơ

chế quản lý hợp tác xã và cơ chế quản lý Nhà nước cấp tỉnh đối với nông nghiệp. Trên phạm vi cả nước, ngày 5/4/1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 10-NQ/TW về *“Đổi mới quản lý kinh tế trong các hợp tác xã nông nghiệp”*. Nghị quyết 10 (Khoán 10) đánh dấu sự mở đầu của thời kỳ đổi mới trong nông nghiệp, nông thôn. Nghị quyết 10 đề ra cơ chế khoán mới, xác định hợp tác xã nông nghiệp là đơn vị kinh tế tự chủ, tự quản, hộ xã viên là đơn vị nhận khoán với hợp tác xã; xóa bỏ chế độ công điểm, góp phần giải phóng sức sản xuất.

Giữa năm 1988, Đảng bộ xã tổ chức quán triệt, học tập nội dung Khoán 10 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 05 của Tỉnh ủy Bắc Thái về đổi mới quản lý trong hợp tác xã nông nghiệp đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã. Qua đợt học tập, đa số đảng viên và nhân dân đều thông suốt quan điểm đổi mới của Đảng, hưởng ứng, đồng tình với chính sách khoán mới. Dưới sự hướng dẫn của Phòng nông nghiệp huyện, hợp tác xã tiến hành giao khoán ruộng đất cho các hộ xã viên.

Việc giao đất khoán bao gồm đất đảm bảo nhu cầu cơ bản, ngoài đất ruộng cần đổi cả đất màu, không tính bình khẩu theo diện tích. Các hộ xã viên có thể trao đổi để đảm bảo liền vùng, liền khoảnh thuận tiện cho canh tác. Đất sản xuất hàng hóa được giao theo 2 hình thức đấu thầu và khoán trên cơ sở cho các hộ gia đình có khả

năng và kinh nghiệm sản xuất. Hợp tác xã còn chỉ đạo xã viên xây dựng định mức theo đơn giá, xóa bỏ chế độ công điểm, từ đó xác định rõ trách nhiệm của tập thể, hộ xã viên thông qua hợp đồng giao khoán; hộ gia đình xã viên chủ động xây dựng kế hoạch sản xuất, kinh doanh. Đàn trâu, bò được phân loại định giá theo từng con, bán cho hộ xã viên nuôi, sử dụng và trả dần trong một số năm.

Sau một thời gian triển khai áp dụng cơ chế Khoán 10, sản xuất nông nghiệp ở Cát Nê từng bước đạt được những kết quả khả quan. Trong vụ đầu tiên thực hiện Khoán 10, hợp tác xã đã hoàn thành giao ruộng khoán đến hộ xã viên. Các đối tượng cha mẹ, vợ con liệt sỹ, thương binh được ưu tiên giao khoán những diện tích ruộng màu mỡ hơn. Hàng tháng, các hợp tác xã đều có thông báo cụ thể cho xã viên về tiến độ thời vụ và kịp thời đáp ứng các nhu cầu về phân bón, thuốc trừ sâu. Được chủ động sản xuất và áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, năng suất và sản lượng lương thực ở Cát Nê từng bước được nâng cao. Nhân dân dần ổn định cuộc sống, đủ ăn và bắt đầu có một phần lương thực dự trữ. Trong chăn nuôi, đàn gia súc, gia cầm được chăm sóc cẩn thận nên tăng cả về số lượng và chất lượng. Ngoài ra, các hộ xã viên còn tận dụng diện tích ao hồ thả cá, hàng năm đóng góp đáng kể vào thu nhập của gia đình.

Cơ chế quản lý Khoán 10 đã tác động tích cực đến sản xuất nông nghiệp trên địa bàn đồng thời ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động của các hợp tác xã mua bán, tín dụng. Do thị trường điều tiết giá cả, cán bộ, nhân viên hợp tác xã mua bán chưa theo kịp tình hình thực tế dẫn đến tình trạng kinh doanh thua lỗ. Hoạt động của hợp tác xã tín dụng có chiều hướng giảm sút, công tác quản lý tiền mặt bộc lộ những bất cập... Năm 1990, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã thống nhất giải thể hợp tác xã mua bán và hợp tác xã tín dụng.

Những năm 80 của thế kỷ XX, tình hình chính trị trong nước và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch tìm mọi cách phá hoại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trước tình hình đó, Đảng ủy tăng cường lãnh đạo công tác quốc phòng - an ninh với các biện pháp chủ yếu là: củng cố lực lượng công an xã; chấn chỉnh đội ngũ dân quân tự vệ; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với xây dựng củng cố quốc phòng - an ninh; đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; mạng lưới công an viên dần đi vào hoạt động nề nếp, quản lý đối tượng và nắm bắt tình hình; giải quyết kịp thời sự việc xảy ra trên địa bàn.

Công an xã chủ động phối hợp với công an huyện làm tốt công tác chống tiêu cực, ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật ở địa phương; kết hợp với các đoàn thể

tuyên truyền giáo dục pháp luật cho nhân dân. Ban chỉ huy xã đội hàng năm tổ chức rà soát công dân trong độ tuổi sẵn sàng tổ chức khám tuyển và gọi nhập ngũ; động viên toàn dân chấp hành tốt chính sách hậu phương quân đội. Hàng năm, xã đều hoàn thành công tác tuyển quân, giao quân đủ chỉ tiêu, đúng thời hạn.

Thực hiện lời dạy của Bác Hồ *“Dù khó khăn đến đâu cũng phải tiếp tục thi đua dạy tốt, học tốt”*, sự nghiệp giáo dục của xã có nhiều chuyển biến ở tất cả các cấp học. Thực hiện chương trình cải cách giáo dục, các nhà trường từng bước đổi mới phương pháp dạy và học để nâng cao chất lượng. Tỷ lệ thi tốt nghiệp các cấp đạt 90 - 95%. Số học sinh tiên tiến và học sinh giỏi không ngừng tăng. Đi đôi với công tác giáo dục, công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân và dân số kế hoạch hóa gia đình có nhiều cố gắng. Cơ sở vật chất trang thiết bị y tế cơ sở được tăng cường. Tuy nhiên, công tác y tế chuyển biến còn chậm, chất lượng điều trị chưa cao, thuốc tây khan hiếm. Cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch vẫn đạt kết quả thấp.

Những năm 1986 - 1990, các hoạt động văn hóa thông tin tuyên truyền và phát thanh được chỉ đạo tập trung phục vụ ba chương trình kinh tế lớn, xây dựng nếp sống văn hóa mới, đấu tranh chống tiêu cực, tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn... Các hoạt động thể dục, thể thao

được duy trì thường xuyên. Những hoạt động trên đã góp phần nâng cao dân trí, làm phong phú đời sống tinh thần của nhân dân, động viên mọi người hăng hái thi đua lao động sản xuất.

Sau một chặng đường thực hiện đổi mới, Đảng bộ và nhân dân Cát Nê đã vượt qua bao khó khăn thử thách, tạo diện mạo mới cho một vùng quê giàu truyền thống cách mạng; khẳng định sự trưởng thành của hệ thống chính trị, các đơn vị kinh tế cũng như trên các lĩnh vực văn hóa - giáo dục, an ninh - quốc phòng. Thành tựu tuy mới chỉ là bước đầu nhưng lại có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo đà cho những năm tiếp theo phát huy sức mạnh, đem lại các bước tiến mới.

II. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm, từng bước ổn định đời sống nhân dân (1991 - 1995)

Tháng 6/1991, Đại hội Đại biểu lần thứ VII của Đảng được tổ chức tại Hà Nội nhằm đánh giá thành tựu 5 năm đổi mới (1986 - 1990), thông qua Cương lĩnh và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, quyết tâm đưa sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam lên một tầm cao mới.

Thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, năm 1991, Đảng bộ xã tổ chức Đại hội lần thứ XV (nhiệm kỳ 1991 - 1994) với sự tham gia của toàn thể đảng viên trong Đảng bộ.

Báo cáo chính trị tại Đại hội nêu rõ những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ trước, cũng như các mặt tồn tại trong lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và xây dựng Đảng ở địa phương; trên cơ sở đó đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới: Giữ vững ổn định chính trị; chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa; tích cực giải quyết việc làm cho người lao động, hạ tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên; nâng cao chất lượng văn hóa, giáo dục, y tế; đảm bảo công tác an ninh - quốc phòng và trật tự an toàn xã hội; đổi mới và nâng cao hoạt động của Đảng, chính quyền và các đoàn thể, phát huy dân chủ, giữ nghiêm pháp luật, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 9 đồng chí. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí, đồng chí Phạm Tứ Nguyên được phân công giữ chức Bí thư, đồng chí Vũ Minh Cách làm Phó Bí thư, đồng chí Vũ Văn Tèo làm Ủy viên Ban Thường vụ.

Thời kỳ đầu thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã, mặc dù thời tiết diễn biến không thuận lợi, ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp nhưng với tinh thần phấn đấu khắc phục khó khăn, Đảng bộ và nhân dân xã Cát Nê đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội năm 1991.

Trong những năm từ 1992 đến 1993, kinh tế xã tiếp tục có sự chuyển biến mạnh mẽ về cơ cấu cây trồng, vật nuôi, việc thâm canh cao cây lúa và các loại hoa màu được đẩy mạnh. Đảng bộ tập trung lãnh đạo sát sao các biện pháp lớn trong sản xuất nông nghiệp như thâm canh tăng vụ, mở rộng diện tích gieo trồng, đưa diện tích cấy lúa một vụ lên hai vụ, loại bỏ những giống cũ đã thoái hóa thay bằng những giống lúa có năng suất cao như: Bao thai lùn, CR.203, Chiêm đen, DT.10... Thực hiện tốt công tác khoán theo cơ chế mới, chủ động vật tư phân bón và tu sửa các công trình thủy lợi để chủ động nước tưới tiêu.

Chăn nuôi trong những năm 1991 - 1993 phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, đem lại thu nhập cao cho người nông dân. Nhiều gia đình đã áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào việc chọn giống, Sind hóa đàn bò, phát triển đàn lợn nái hướng nạc, chăn nuôi gia cầm theo phương pháp công nghiệp, đẩy nhanh thời gian nuôi và trọng lượng xuất chuồng của gia súc, gia cầm, đồng thời mở rộng diện tích cá ruộng, nuôi cá ao đầm.

Thực hiện chương trình phủ xanh đất trống đồi núi trọc, dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền, nhân dân xã Cát Nê tích cực trồng, chăm sóc bảo vệ rừng. Diện tích rừng trồng phát triển nhanh,

việc quản lý và bảo vệ rừng được tăng cường. Quán triệt Nghị định 64/CP của Chính phủ về công tác giao đất nông nghiệp 20 năm và lâm nghiệp 50 năm cho hộ nông dân, chính quyền xã đã giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân yên tâm sản xuất, phát huy quyền làm chủ trên diện tích nhận khoán, chủ động trong công tác phát triển sản xuất. Tuy nhiên, việc tổ chức giao đất, giao rừng, cấp sổ lâm bạ cho hộ nhận khoán cũng như công tác quy hoạch, bảo vệ rừng vẫn còn chậm, hiệu quả chưa cao.

Hoạt động văn hóa thông tin, văn nghệ, thể thao tiếp tục đi vào nền nếp. Các chỉ thị, nghị quyết của Đảng được tuyên truyền sâu rộng trong nhân dân. Xã xây dựng quy ước trong việc cưới, việc tang, đảm bảo đúng phong tục tập quán, gọn nhẹ, tiết kiệm song vẫn ấm cúng. Các tổ văn nghệ luôn bám sát và phản ánh những nhiệm vụ chính trị, phục vụ tốt các kỳ đại hội Đảng bộ xã, các kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân và các ngày lễ kỷ niệm lớn của đất nước.

Trong công tác giáo dục, trong 5 năm 1991 - 1993, Đảng bộ, chính quyền địa phương và các nhà trường phối hợp hoàn thành phổ cập cấp I, đưa số trẻ đúng độ tuổi đến lớp đầy đủ, hạn chế đến mức thấp nhất số học sinh bỏ học hay lưu ban. Công tác giáo dục mầm non

được chăm lo, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học tập, vui chơi của các cháu. Cơ sở vật chất và trang thiết bị của trạm y tế xã thời gian này được chú trọng tu sửa. Cán bộ y tế đẩy mạnh công tác vệ sinh phòng bệnh, hạ thấp tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên, nâng cao chất lượng khám và điều trị cho bệnh nhân.

Năm 1994, Đảng ủy xã tổ chức Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI (nhiệm kỳ 1994 - 1996) với sự tham gia của toàn thể đảng viên trong Đảng bộ. Đại hội thông qua Báo cáo chính trị của Đảng ủy nhiệm kỳ trước với nét nổi bật nhất là diện mạo quê hương có nhiều biến đổi, bước đầu phát triển kinh tế thị trường, tăng nguồn thu nhập cho nhân dân, giảm tỷ lệ hộ nghèo. Đại hội chỉ rõ những tồn tại, thiếu sót chủ yếu cần khắc phục như năng lực, trình độ của cấp ủy Đảng chưa đều, một bộ phận cán bộ lãnh đạo chưa theo kịp yêu cầu phát triển trong cơ chế thị trường, công tác chính trị tư tưởng trong Đảng chưa sâu sát tới từng cơ sở. Đại hội thống nhất phương hướng, nhiệm vụ và biểu quyết các chỉ tiêu về kinh tế, xã hội đề ra trong nhiệm kỳ 1994 - 1996; bầu Ban Chấp hành gồm 11 đồng chí. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí. Đồng chí Phạm Tứ Nguyên được phân công làm Bí thư, đồng chí Vũ Minh Cách làm Phó Bí thư, đồng chí Nguyễn Văn Luyện làm Ủy viên Ban Thường vụ.

Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XVI thể hiện vai trò hạt nhân lãnh đạo của Đảng bộ Cát Nê trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển kinh tế, xã hội địa phương. Bộ máy chính quyền và các tổ chức đoàn thể đã nêu cao tinh thần đoàn kết, thống nhất trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển. Việc mở cửa nền kinh tế thị trường giúp các gia đình có điều kiện phát triển các loại hình kinh doanh khác ngoài nông nghiệp, giảm dần số hộ đói.

Trong sản xuất nông nghiệp, năm 1994, năng suất lúa đạt 2,07 tấn/ha, tổng sản lượng lương thực đạt 518 tấn. Năm 1995, năng suất lúa đạt 2,15 tấn/ha, tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 569,8 tấn, bình quân đạt 232 kg/người/năm. Trong chăn nuôi, xã cơ bản giữ vững số lượng đàn gia cầm và gia súc.

Bên cạnh sản xuất nông nghiệp, các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp như làm mộc, sản xuất gói, đan lát, đồ dân dụng... từng bước được các hộ gia đình trong xã mở rộng quy mô để tăng thêm thu nhập. Tuy nhiên, các nghề tiểu thủ còn nhỏ lẻ, manh mún, phát triển tương đối chậm.

Đảng bộ xã Cát Nê đã đẩy mạnh việc thực hiện Nghị quyết của Ban Thường vụ Huyện ủy về nhiệm vụ an ninh - quốc phòng trong tình hình mới. Cán bộ, đảng

viên hăng hái tuyên truyền, giáo dục nhiệm vụ chính trị, xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân; thường xuyên nâng cao tinh thần cảnh giác, chống các thế lực thù địch thực hiện âm mưu “*Diễn biến hòa bình*”. Hàng năm, lực lượng vũ trang xã đều tổ chức tập luyện, diễn tập theo kế hoạch nhằm nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu.

Những thành tích về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của xã gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng. Trong 5 năm (1991 - 1995), công tác xây dựng Đảng được quan tâm trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đảng ủy đã làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, thông tin kịp thời tình hình chính trị, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến cán bộ, đảng viên thông qua hệ thống văn bản tài liệu ban hành. Các đợt sinh hoạt chính trị được tổ chức, chỉ đạo chặt chẽ từ trong Đảng bộ tới các đoàn thể quần chúng. Qua các buổi sinh hoạt chi bộ, các hội nghị Đảng bộ, việc quán triệt sâu sắc văn kiện của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nhận thức đúng đắn những thành tựu, khó khăn, thời cơ và thách thức, khơi dậy truyền thống cách mạng, đoàn kết, tự lực tự cường cho cán bộ, đảng viên và đông đảo nhân dân trong xã.

Công tác chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) được Đảng bộ coi trọng. Nội

dung, chương trình, quy chế hoạt động được Đảng ủy xây dựng cụ thể, thiết thực. Nhiều đảng viên thể hiện được vai trò tiên phong, gương mẫu trong việc xóa đói giảm nghèo, khắc phục biểu hiện mất đoàn kết, hữu khuynh và tạo niềm tin đối với quần chúng.

Thực hiện Nghị quyết 38/CP của Chính phủ về cải cách một bước nền hành chính Nhà nước, Đảng ủy đã quan tâm, củng cố bộ máy của Ủy ban nhân dân trong việc điều hành quản lý nhà nước để đạt được các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội đề ra. Đội ngũ cán bộ xuống từng xóm nắm bắt tình hình; các thủ tục hành chính cải tiến gọn nhẹ, hiệu quả, giảm bớt phiền hà cho dân; việc sử dụng ngân sách đúng mục đích, công khai, dân chủ, không có biểu hiện tham ô, lãng phí.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng đã phát huy tốt vai trò trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương. Hội Nông dân phối hợp với Phòng Nông nghiệp huyện về giống, vốn, kỹ thuật... giúp hội viên sản xuất. Đoàn Thanh niên tiếp tục phát huy là lực lượng chủ lực trong các phong trào *“Tuổi trẻ học tập vì ngày mai lập nghiệp”*, *“Tuổi trẻ giữ nước”*... Hội Phụ nữ từng bước có những đóng góp quan trọng trong các hoạt động xã hội và gia đình. Hội viên tích cực hưởng ứng các cuộc vận động, thi đua về phát triển kinh tế, kế hoạch hóa gia

đình, nuôi con khỏe dạy con ngoan... Ngoài ra, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi đã động viên giúp đỡ nhau làm kinh tế, tạo dựng mối quan hệ tốt đẹp... đem lại sức mạnh tổng hợp cho toàn xã.

Sau 10 năm tiến hành công cuộc đổi mới (1986 - 1995), Đảng bộ và nhân dân xã Cát Nê đã ra sức phấn đấu, khắc phục khó khăn, hoàn thành thắng lợi kế hoạch đặt ra. Đời sống của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã được nâng lên. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, bước đầu phát huy hiệu quả. Các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế ngày càng được chú trọng, đáp ứng nhu cầu của xã hội. An ninh, trật tự được củng cố và giữ vững. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể có nhiều tiến bộ. Tuy còn hạn chế, nhưng những kết quả mà Đảng bộ và nhân dân xã Cát Nê đạt được cùng với những bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tế 10 năm thực hiện đường lối đổi mới đã tạo thế và lực giúp Đảng ủy, chính quyền và các đoàn thể quần chúng cùng nhân dân toàn xã quyết tâm giành thắng lợi lớn hơn ở những giai đoạn cách mạng mới.

Chöông VII

NĂNG BỔA XÃ CÁT NÊ LÃNH NÃI NHÃN DÃN CHUÏ TRÖNG PHÃI TRIËN KINH TẾ - XÃ HÖI, THÖC HIËN CÖNG NGHIËP HÖI, HIËN NÃI HÖI NÖNG NGHIËP NÖNG THÖN (1996 - 2014)

I. Thục hiËn kẾ hoặch Nhà nước 5 năm, phát triển kinh tế, xã hội (1996 - 2000)

Tròn một thập kỷ bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng bộ và nhân dân xã Cát Nê đã vượt qua nhiều khó khăn của một xã miền núi để phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI và lần thứ VII. Tiềm năng đất đai và nguồn nhân lực dồi dào, xã viên hợp tác xã có nhiều kinh nghiệm sản xuất; sự đoàn kết thống nhất, sự quan tâm giúp đỡ của Huyện ủy là những động lực to lớn để Đảng bộ và nhân dân trong xã tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, vững bước tiến vào thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, xây dựng và đổi mới quê hương.

Thực hiện sự chỉ đạo của Huyện ủy, Đảng bộ xã Cát Nê tổ chức Đại hội lần thứ XVII (nhiệm kỳ 1996 - 2000)

vào tháng 12/1996. Đại hội đánh giá kết quả cũng như tồn tại của nhiệm kỳ trước và xác định nhiệm vụ trọng tâm đến năm 2000 là: Đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đại hội bầu 13 đồng chí vào Ban Chấp hành. Trong phiên họp đầu tiên, Ban Chấp hành bầu Ban Thường vụ gồm 5 đồng chí, đồng chí Phạm Tứ Nguyên được phân công giữ chức Bí thư, đồng chí Vũ Minh Cách và đồng chí Nguyễn Văn Luyện giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy. Tháng 3/2000, đồng chí Nguyễn và đồng chí Cách nghỉ công tác. Đồng chí Nguyễn Chân Chính được bầu giữ chức Phó Bí thư thay đồng chí Vũ Minh Cách. Sau đó, đồng chí Nguyễn Chân Chính được cử giữ quyền Bí thư thay đồng chí Phạm Tứ Nguyên.

Trong sản xuất nông nghiệp, Đảng ủy xã chỉ đạo nông dân tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Hợp tác xã phối hợp chặt chẽ với các ngành cung ứng đầy đủ giống, vật tư, phân bón cho xã viên; tổ chức cách chuyển giao khoa học - kỹ thuật và phòng trừ sâu bệnh đối với lúa, cây hoa màu vụ đông. Xã viên tích cực thâm canh tăng năng suất lúa, đảm bảo gieo trồng đúng thời vụ, thường xuyên tu sửa, nạo vét các công trình thủy lợi, cầu, cống, kênh, mương. Các giống lúa mới có năng suất cao thay thế các giống lúa cũ. Nhờ giải

quyết tốt vấn đề thủy lợi và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, nên năng suất và sản lượng lúa các năm đều tăng. Trên 343,56 ha diện tích cấy lúa nước, nhân dân đã cấy được 2 vụ lúa, 1 vụ màu mỗi năm. Sản lượng lúa năm 1996 đạt 796 tấn đến cuối năm 1999 đã tăng lên 1.205 tấn.

Thực hiện Nghị định số 16/CP ngày 21/2/1997 của Chính phủ về chuyển đổi, đăng ký và tổ chức hoạt động của hợp tác xã, chính quyền xã thành lập Ban chỉ đạo chuyển đổi hợp tác xã và tiến hành chuyển đổi theo từng bước: Học tập Luật hợp tác xã năm 1996, kiểm kê tài sản, lập đề án chuyển đổi, tiến hành Đại hội xã viên và đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, việc chuyển đổi này diễn ra còn chậm so với kế hoạch vì trong quá trình thực hiện, sự phối hợp giữa các bộ phận liên quan còn thiếu đồng bộ. Mặt khác, hợp tác xã gặp nhiều khó khăn, hoạt động kém hiệu quả. Vì vậy, năm 1997, hợp tác xã nông nghiệp chính thức giải thể.

Đảng ủy coi việc mở rộng diện tích trồng cây chè là một hướng đi chiến lược quan trọng nhằm nâng cao đời sống nhân dân. Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, chính quyền xã rà soát lại quỹ đất vườn đồi, trên cơ sở đó tiến hành quy hoạch diện tích trồng chè, xây dựng đề án triển khai. Đảng ủy xã chủ trương đưa các giống chè mới vào sản xuất và áp dụng các biện pháp thâm canh để

tăng năng suất. Liên tục trong 5 năm (1996 - 2000), diện tích và năng suất cũng như sản lượng chè không ngừng tăng. Đến năm 2000, toàn xã có 76 ha chè, năng suất chè hàng năm đạt 40,53 tấn.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV (tháng 11/1997) về *“Phát triển kinh tế đồi rừng gắn với việc ổn định và cải thiện đời sống nhân dân miền núi, trước mắt, cần tập trung khoanh nuôi tái sinh rừng, trồng rừng mới, giao đất, giao rừng để chăm sóc bảo vệ rừng, nhất là rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ, rừng trồng, kết hợp giữa trồng rừng với trồng cây công nghiệp, cây ăn quả”*, trong những năm 1997 - 2000, cùng với việc đẩy mạnh giao đất giao rừng, xác lập quyền làm chủ rừng và đất rừng cho nhân dân, công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn xã có nhiều chuyển biến tích cực. Đến năm 2000, toàn xã có 138 ha rừng trồng tập trung, 10 ha rừng phân tán, 170 ha rừng tái sinh. Hàng năm, diện tích trồng rừng mới đạt 10,5% kế hoạch.

Thực hiện phương châm *“Nhà nước và nhân dân cùng làm”*, từ năm 1996 đến năm 2000, xã đã xây dựng được công trình Hội trường Ủy ban nhân dân, 8 phòng học Trung học cơ sở, quy hoạch mặt bằng trường trung học, tiểu học đồng thời tiến hành nâng cấp các tuyến đường giao thông liên xóm, liên xã, hoàn thiện mạng lưới giao

thông nông thôn kết hợp với thủy lợi nội đồng. Việc thu chi ngân sách có nhiều cố gắng đáp ứng cho hoạt động của Đảng, chính quyền và đoàn thể.

Công tác quân sự địa phương được lãnh đạo xã chỉ đạo chặt chẽ. Hàng năm, các bộ phận phụ trách tổ chức rà soát, củng cố và huấn luyện lực lượng dân quân theo kế hoạch của cấp trên, bảo đảm quân số và thời gian theo quy định. Bên cạnh đó, xã cũng quản lý dự bị động viên và vũ khí trang bị; phối hợp với lực lượng công an bảo đảm trật tự an toàn xã hội trên địa bàn, đặc biệt là trong những dịp quan trọng như: Bầu cử, lễ tết... Ban Công an xã biên chế đủ số lượng và được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên, đáp ứng yêu cầu công tác.

Các cấp lãnh đạo thường xuyên đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, huy động mọi nguồn lực xã hội tham gia thúc đẩy sự nghiệp giáo dục của địa phương. Trong 5 năm (1996 - 2000), các nhà trường ở Cát Nê đều thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về *“Chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa”* nên chất lượng dạy và học của giáo viên, học sinh không ngừng được nâng cao. 100% học sinh trong độ tuổi đến trường đều được đi học, tỷ lệ tốt nghiệp cấp I đạt 98%, cấp II đạt 96,8%.

Đội ngũ cán bộ y tế xã giữ vai trò nòng cốt trong việc vận động nhân dân thực hiện vệ sinh môi trường tại các xóm. Mạng lưới cộng tác viên phối hợp chặt chẽ với cơ sở đẩy mạnh công tác tuyên truyền. Hàng năm, tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên từ 2,5% (năm 1996) xuống 1,6% (năm 1999), tỷ lệ sinh con thứ 3 giảm đáng kể.

Phong trào đền ơn đáp nghĩa, chương trình giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo... được thực hiện tích cực với nhiều hoạt động cụ thể, thiết thực của các đoàn thể và cá nhân. Các hoạt động từ thiện, nhân đạo được đông đảo bà con hưởng ứng như: Ủng hộ đồng bào bị bão lụt, giúp đỡ người tàn tật...

Thực hiện Chỉ thị 27-CT/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về *“Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”*, công tác văn hóa - thông tin ở Cát Nê đã có nhiều thay đổi thiết thực, phong trào văn nghệ, thể dục thể thao phát triển rộng khắp, đặc biệt là phong trào xây dựng nếp sống mới trên địa bàn dân cư. Đến năm 2000, toàn xã có 5 xóm đạt tiêu chuẩn xóm văn hóa, 188/550 hộ đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa. Cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư đạt được kết quả khả quan, góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Ngày 14/11/1999, Đảng bộ xã đã lãnh đạo thành công cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân 3 cấp với trên 99% cử tri tham gia. Hội đồng nhân dân xã Cát Nê nhiệm kỳ 1999 - 2004 có 18 đại biểu và bầu đồng chí Nguyễn Chân Chính giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị trong xã từng bước đổi mới nội dung cũng như hình thức hoạt động, với phương châm "*Bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, bám sát cơ sở*" nhằm tập trung tuyên truyền, giáo dục, vận động, tập hợp nhân dân thực hiện tốt đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kịp thời nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nhân dân để tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh.

Tháng 5/2000, thực hiện chủ trương của cấp trên nhằm tạo điều kiện cho nhân dân xóm Thạm Thành sinh hoạt thuận lợi và tiện cho công tác quản lý điều hành của chính quyền xã, xã đã tiến hành chia tách xóm Thạm Thành thành 2 xóm là xóm Thạm Thành và xóm Tân Lập, nâng tổng số xóm trên toàn xã lên 15 xóm.

Là trung tâm khối đại đoàn kết toàn dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã đã tập hợp các thành viên đoàn kết xung quanh Đảng bộ, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt chủ trương, pháp luật của Đảng và Nhà

nước. Tiêu biểu là phong trào toàn dân ủng hộ chiến sỹ và đồng bào biên giới, toàn dân xây dựng đời sống văn hóa mới tại khu dân cư, thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội, khắc phục hậu quả thiên tai...

Hội Phụ nữ tiếp tục duy trì, đẩy mạnh thực hiện 5 chương trình công tác trọng tâm do Trung ương Hội phát động, thực hiện tốt cuộc vận động "*Giúp nhau làm kinh tế gia đình*", "*Nuôi con khỏe, dạy con ngoan*". Hội đã phát động, thực hiện phong trào tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc và 6 chương trình trọng tâm do Trung ương Hội khởi xướng. Hội còn đứng ra tín chấp cho hội viên vay vốn phát triển sản xuất xóa đói giảm nghèo.

Đoàn viên Thanh niên xã làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục chính trị, truyền thống yêu nước và pháp luật cho thế hệ trẻ. Đoàn đã triển khai và các đoàn viên thanh niên sôi nổi hưởng ứng 2 phong trào lớn do Trung ương Đoàn phát động là: "*Thanh niên lập nghiệp*" và "*Tuổi trẻ giữ nước*" đồng thời tích cực tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, phòng chống tệ nạn xã hội, tuyên truyền tổ chức cưới hỏi và tang ma theo nếp sống mới.

Hội Cựu chiến binh xã đã tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết đến từng hội viên. Các hội viên luôn giữ

vững và phát huy phẩm chất “*Bộ đội cụ Hồ*”, gương mẫu chấp hành chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, tập trung xây dựng tổ chức Hội vững mạnh.

Hội Người cao tuổi luôn gương mẫu, tích cực tham gia tuyên truyền, giáo dục vận động gia đình, con cháu chấp hành tốt chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, phấn đấu đạt danh hiệu “*Ông bà, cha mẹ mẫu mực; con cháu thảo hiền*”; tổ chức tốt ngày truyền thống của người cao tuổi trở thành hội toàn dân.

Xác định rõ tầm quan trọng của công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, Đảng bộ xã Cát Nê quan tâm củng cố sức mạnh trên cả 3 mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức; kiên quyết đấu tranh với các tư tưởng sai trái. Đảng ủy đã quán triệt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; cung cấp kịp thời các thông tin thời sự trong nước và thế giới tới toàn thể cán bộ, đảng viên cũng như quần chúng nhân dân trong xã. Qua học tập, nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân được nâng cao một bước, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ đề ra. Bên cạnh đó, Đảng bộ còn tổ chức tốt các cuộc thi “*Bí thư chi bộ giỏi*”, “*Dân vận khéo*”... Ban Thường vụ hướng dẫn các chi bộ đăng ký phấn đấu đạt tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh, duy trì chế độ thông tin định kỳ.

Công tác kiểm tra, phân loại cơ sở Đảng và đảng viên được tiến hành chặt chẽ. Thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, Đảng bộ xã tiến hành kiểm điểm nghiêm túc việc tự phê bình và phê bình trong nội bộ, đánh giá kết quả đạt được, làm rõ những tồn tại yếu kém, sai phạm, trên tinh thần đoàn kết, xây dựng cùng tiến bộ. Trong 5 năm (1996 - 2000), Ủy ban kiểm tra Đảng ủy xã đã kỷ luật 9 đảng viên, trong đó khiển trách 7 đồng chí, cảnh cáo 1 đồng chí, cách chức 1 đồng chí.

Những tháng cuối năm 2000 là thời gian gấp rút hoàn thành việc thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XVII và Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII. Trong bối cảnh còn khó khăn, Đảng bộ xã tiếp tục tập trung triển khai những nhiệm vụ chính trị mới. Được sự đồng ý của Huyện ủy và thực hiện hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương về việc *“Tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng”*, ngày 14/10/2000, Đảng bộ xã Cát Nè đã tổ chức Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XVIII (nhiệm kỳ 2000 - 2005). Đại hội nghe và thảo luận về kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Báo cáo chính trị của Đảng bộ. Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ cho giai đoạn 2000 - 2005:

Phấn đấu tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 5tấn/ha; năng suất bình quân đạt 4,3tấn/ha; tăng cường củng cố xây dựng cơ sở vật chất, huy động 100% số trẻ ở độ tuổi lớp 1 đến trường, phấn đấu có giáo viên và học sinh giỏi cấp huyện trở lên. Xây dựng Đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh.

Đại hội tập trung trí tuệ, đóng góp nhiều ý kiến thiết thực vào các văn kiện quan trọng với tinh thần trách nhiệm cao. Đại hội bầu ban chấp hành Đảng bộ gồm 6 đồng chí. Tại phiên họp thứ nhất, Ban Chấp hành cử đồng chí Đỗ Thanh Tâm giữ chức Bí thư Đảng ủy, đồng chí Đỗ Văn Vinh làm Ủy viên Ban Thường vụ. Sau đó, Ban Chấp hành bầu bổ sung đồng chí Nguyễn Chân Chính - Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đồng chí Trần Văn Sinh - Chủ tịch Hội đồng nhân dân và đồng chí Nguyễn Văn Thành - Xã đội trưởng vào Ban Chấp hành. Đồng chí Nguyễn Chân Chính được phân công giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy. Như vậy sau khi bổ sung, Ban Chấp hành Đảng bộ xã gồm 9 đồng chí, Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII, Đảng bộ và nhân dân trong xã thống nhất ý chí và hành động, tự lực tự cường khắc phục khó khăn, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu đề ra.

II. Tiếp tục thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội 5 năm đầu thế kỷ XXI (2001 - 2005)

Bước sang thế kỷ XXI, đất nước đang từng chuyển mình vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, cũng là năm đón chào Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX, Đảng bộ và nhân dân Cát Nê đã năng động, sáng tạo, nắm bắt cơ hội, học hỏi kinh nghiệm, nhanh chóng bắt kịp với xu thế của thời đại. Những thành tựu trong gần 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới là tiền đề vững chắc để Đảng bộ và nhân dân xã Cát Nê tiếp tục phát huy truyền thống, ra sức phấn đấu xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh hơn, to đẹp hơn.

Thực hiện chủ trương phát triển nông nghiệp toàn diện, Đảng ủy xã tập trung chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp theo hướng khai thác triệt để các tiềm năng, thế mạnh của địa phương, tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, thay đổi cơ cấu mùa vụ. Nhờ vậy, sản lượng lương thực không ngừng tăng, năng suất bình quân lương thực năm 2000 đạt 3,8 tấn/ha đến năm 2004 tăng lên 4,95 tấn/ha. Được sự quan tâm của Đảng, diện tích và sản lượng chè qua các năm tiếp tục tăng. Năm 2000, diện tích chè là 76 ha đến năm 2000 tăng lên 149,6 ha. Sản lượng chè đạt 110 tấn. Ngành nông nghiệp của địa phương đã được cơ giới

hóa trên 70% trong các khâu làm đất, thu hoạch, vận chuyển và chế biến.

Chăn nuôi vẫn phát triển ổn định, đặc biệt đàn bò, đàn lợn, đàn gia cầm, đàn cá được các gia đình áp dụng theo mô hình VAC nên đạt hiệu quả kinh tế cao. Đàn trâu có 873 con, đàn bò có 205 con, đàn lợn 1.903 con, đàn gia cầm 21.778 con (115%). Công tác thú y được coi trọng nên đã hạn chế dịch bệnh xảy ra. Chăn nuôi hoàn thành tốt nhiệm vụ đảm bảo sức kéo và cung cấp sản phẩm hàng hóa cho tiêu dùng.

Được sự quan tâm hỗ trợ đầu tư vốn của Nhà nước, trong 5 năm (2000 - 2005) xã Cát Nê đã xây mới và tu sửa hệ thống cơ sở hạ tầng gồm điện, trường học, thủy lợi, trụ sở làm việc... Trong 5 năm qua, xã đã nâng cấp và làm mới trên 6 km kênh mương nội đồng trị giá 732 triệu đồng; xây dựng mới và sửa chữa các công trình như đập thủy lợi, trường học, giải phóng mặt bằng, xây đài tưởng niệm, mua sắm thiết bị... với tổng kinh phí lên đến hơn 1,3 tỷ đồng. Mạng lưới điện của các xóm luôn đảm bảo an toàn, 80% số hộ được dùng điện.

Trong 5 năm (2001- 2005), công tác giáo dục của Cát Nê có những bước phát triển tốt. Hàng năm, số học sinh khá, giỏi, tiên tiến đều tăng. Đội ngũ giáo viên nhiệt tình và có chuyên môn nghiệp vụ cao. Công tác chăm

sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em luôn được quan tâm, tổ chức khám tiêm phòng uốn ván cho phụ nữ có thai và uống vitamin A cho trẻ em trong độ tuổi. Do đó, tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng hàng năm đều giảm.

Phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao với nhiều nội dung phong phú, đa dạng. Đội văn nghệ xã có nhiều tiết mục đặc sắc chào mừng các ngày lễ lớn của đất nước và tham gia giao lưu tại các hội thi khu vực. Phong trào thể dục thể thao, rèn luyện thân thể, luyện tập thi đấu giao hữu rất sôi nổi như: Bóng đá, bóng chuyền, cầu lông... Một sự kiện quan trọng trong hoạt động văn hóa của xã thời gian này là năm 2004, xã đã tổ chức thành công Đại hội văn hóa thể dục thể thao lần thứ nhất. Phong trào xây dựng nếp sống văn hóa được triển khai rộng rãi, các xóm đều tổ chức thực hiện quy ước nếp sống văn hóa.

Công tác đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn được chính quyền và các tầng lớp nhân dân thực hiện có kết quả. Trong 5 năm, xã đã xét và đề nghị thực hiện chế độ chính sách đối với 11 cán bộ tiền khởi nghĩa, các thanh niên xung phong, các cá nhân có thành tích khác trong kháng chiến. Phong trào xóa đói giảm nghèo được triển khai sâu rộng, thu hút đông đảo nhân dân và các đơn vị tích cực tham gia xây dựng quỹ vì người nghèo.

Song song với nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa, công tác đảm bảo an ninh - quốc phòng cũng được địa phương quan tâm. Ban công an xã chủ động làm tốt công tác phòng ngừa và ngăn chặn các tệ nạn xã hội, không để xảy ra các vụ trọng án; thực hiện tốt nghị quyết của Bộ Chính trị về *“Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia”* và nghị quyết của Chính phủ về *“Chương trình quốc gia về phòng chống tội phạm”*.

Hàng năm, Ban Chỉ huy quân sự xã đã làm tốt chức năng tham mưu cho Đảng ủy, Ủy ban nhân dân trên các mặt công tác: Giáo dục quốc phòng, tổ chức và huấn luyện lực lượng vũ trang địa phương, xây dựng phương án phòng thủ, tác chiến khi có tình huống xảy ra. Ban Chỉ huy quân sự xã kết hợp với các bộ phận liên quan tổ chức tốt việc động viên thanh niên lên đường nhập ngũ; duy trì chế độ trực ban chiến đấu, xây dựng huấn luyện lực lượng dân quân, dự bị động viên đảm bảo số lượng và chất lượng.

Trong nhiệm kỳ 2000 - 2005, Đảng bộ xã Cát Nê đã tập trung vào nhiệm vụ giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên thông qua việc nghiên cứu học tập nghị quyết của Đại hội Đảng bộ các cấp. Bên cạnh đó, xã còn tổ chức mít tinh kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước như: 50 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, 30 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất

nước, 60 năm ngày hội quốc phòng toàn dân. Các buổi lễ đã tạo khí thế mới trong toàn Đảng, toàn dân, nâng cao nhận thức trong việc chấp hành và thực hiện các chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Chất lượng đảng viên qua hàng năm đều tăng. Năm 2001 có 12 chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ thì đến năm 2004 đã có 16 chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Năm 2001, Đảng bộ được xếp loại trung bình nhưng đến năm 2004 đã đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh. Số đảng viên kết nạp mới là 25 đồng chí đều là các đồng chí trẻ, có trình độ năng lực và phẩm chất đạo đức cách mạng.

Công tác kiểm tra Đảng được cấp ủy coi trọng, Ủy ban kiểm tra đã tham mưu tích cực việc kiểm tra chấp hành điều lệ, chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Trong nhiệm kỳ 2000 - 2005 đã tiến hành các đợt kiểm tra nhằm phát hiện và xử lý kỷ luật: Khiển trách 1 đồng chí, cảnh cáo 1 đồng chí, khai trừ khỏi Đảng 3 đồng chí và nhắc nhở 5 đồng chí. Qua xử lý kỷ luật các đồng chí đảng viên đã nhận thấy rõ khuyết điểm, có tu dưỡng rèn luyện và sửa chữa. Nhìn chung, công tác xây dựng hệ thống chính trị ở địa phương đã đạt chỉ tiêu mà Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII đề ra.

Trong 5 năm (2000 - 2005), công tác dân vận đã bám sát nhiệm vụ của Đảng bộ, tập trung tuyên truyền, vận

động nhân dân chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, thúc đẩy phong trào phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, góp phần xóa đói giảm nghèo, xây dựng Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể vững mạnh.

Vai trò lãnh đạo của Đảng luôn gắn liền với sự quản lý của Nhà nước. Chính quyền xã Cát Nê đã hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ trong việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được củng cố qua đợt bầu cử tháng 4/2004. Ủy ban nhân dân đi vào hoạt động có hiệu quả, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, thực hiện tốt chức năng giám sát. Các kỳ họp Hội đồng nhân dân được nâng cao về chất lượng, tổ chức thảo luận, chất vấn dân chủ. Ủy ban nhân dân xã đã cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghị quyết Đảng ủy, nghị quyết Hội đồng nhân dân sát thực với tình hình của địa phương, hoàn thành cơ bản các chỉ tiêu đề ra. Đồng chí Nguyễn Chân Chính được tín nhiệm bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã trong thời gian này, đồng chí Dương Văn Niên giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng đã bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, đẩy mạnh công tác

tuyên truyền, vận động hội viên tích cực thi đua lao động sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, tham gia giữ gìn an ninh trật tự, xóa đói giảm nghèo. Mặt trận Tổ quốc đã làm tốt cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư”*, vận động quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa.

Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện, trực tiếp là sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã cùng với sự hưởng ứng tích cực của nhân dân các dân tộc trong xã nên cơ cấu kinh tế địa phương có bước chuyển biến rõ rệt. Bộ mặt nông thôn Cát Nê ngày một đổi mới, đời sống nhân dân ngày càng ổn định. Mặc dù còn một số tồn tại và hạn chế, song những thành quả đạt được cùng những kinh nghiệm lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong xã thực hiện công cuộc đổi mới và Nghị quyết của Đảng bộ xã lần thứ XVIII, tạo tiền đề vững chắc để Đảng bộ, và nhân dân trong xã tiến từng bước vững chắc vào thời kỳ cách mạng mới.

III. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, đưa quê hương Cát Nê vững bước đi lên ngày càng giàu đẹp, văn minh (2005 - 2010)

Trải qua gần 20 năm thực hiện đường lối đổi mới với những biến động thăng trầm, vượt qua bao khó khăn

thử thách, nhờ sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và sự nỗ lực của nhân dân, Cát Nê đã từng bước vượt qua đói nghèo, ngày một phát triển, đời sống của nhân dân được nâng lên rõ rệt. Để định hướng rõ nét các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của địa phương trong những năm tiếp theo, năm 2005, Đảng bộ xã Cát Nê tổ chức Đại hội lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2005 - 2010). Các đại biểu tập trung trí tuệ, tinh thần trách nhiệm cao, hăng hái thảo luận và đóng góp ý kiến cho Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XVIII, Báo cáo kết quả thực hiện cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII, Báo cáo chính trị của Đại hội cấp trên và một số ý kiến trong phần sửa đổi Điều lệ Đảng trình Đại hội Đại biểu lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đại hội thống nhất phương hướng nhiệm vụ tổng quát của toàn Đảng bộ và nhân dân Cát Nê trong 5 năm (2005 - 2010) là: Phát huy cao độ mọi nguồn lực để đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hóa, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện đời sống nhân dân. củng cố vững chắc quốc phòng an ninh, tăng cường đoàn kết giữ vững kỷ cương, xây dựng Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 13 đồng chí. Ban

Chấp hành Đảng bộ họp kỳ thứ nhất bầu Ban Thường vụ gồm 3 đồng chí. Ban Thường vụ cử đồng chí Đỗ Thanh Tâm làm Bí thư Đảng ủy, đồng chí Nguyễn Chân Chính làm Phó Bí thư, đồng chí Dương Văn Việt làm Thường trực Đảng.

Ngày 7/11/2006, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X ban hành Chỉ thị số 06-CT/TW về tổ chức cuộc vận động “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” với mục đích làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức sâu sắc về những giá trị to lớn của tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng và rèn luyện của đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân, nâng cao đạo đức cách mạng. Sau khi có chỉ thị của Bộ Chính trị, các văn bản hướng dẫn của Huyện ủy Đại Từ, Đảng ủy xã thành lập Ban chỉ đạo cuộc vận động gồm 3 đồng chí. Đồng chí Đỗ Thanh Tâm được bầu làm Trưởng ban. Sau đó, Đảng bộ đã mở 5 lớp “*Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh*” cho toàn thể cán bộ đảng viên trong toàn Đảng bộ, các cán bộ công chức xã và phó các đoàn thể không phải là đảng viên. Các lớp học đều do cán bộ của Ban Tuyên giáo Huyện ủy giảng dạy. Cuộc vận động đã thu hút sự tham gia đông đảo của đa số đảng viên trong đảng bộ. Các lớp học được tổ chức một cách rất nghiêm túc, trang trọng chặt chẽ và đảm bảo quân số theo yêu

cầu. Sau khi học tập cuộc vận động, 100% cán bộ, đảng viên đều viết bài thu hoạch với nội dung tự liên hệ và nêu phương hướng phấn đấu của bản thân.

Sản xuất nông nghiệp trong 5 năm (2005 - 2010) có nhiều chuyển biến. Mặc dù gặp không ít khó khăn về thời tiết, giá cả, vật tư phân bón tăng cao nhưng diện tích gieo trồng hàng năm đều tăng. Nhân dân tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, các giống lúa mới cho năng suất cao như Khang dân 18... được đưa vào sản xuất đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Sản lượng lương thực có hạt năm 2010 đạt 11.074,4 tấn.

Chè là loại cây mũi nhọn của địa phương nên nhân dân đã tích cực áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, đầu tư thâm canh tăng năng suất, nâng cao chất lượng. Diện tích trồng chè mới 15,48 ha đạt 38,7%; diện tích đang trong quá trình thâm canh cải tạo là 134 ha, đạt 103,7% so với nghị quyết đề ra.

Đảng ủy và chính quyền tập trung chỉ đạo nhân dân làm tốt công tác khoanh nuôi, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng và xây dựng được nhiều mô hình kinh tế đồi rừng hiệu quả và có tính bền vững cao; đẩy mạnh phát triển cây công nghiệp, cây ăn quả gắn với bảo quản và tiêu thụ; hoàn thành việc giao đất giao rừng cho nhân dân, chấm dứt tình trạng đốt phá rừng bừa bãi, xây dựng các điểm gieo ươm phục vụ công tác trồng rừng,

nhân rộng các giống cây có hiệu quả kinh tế cao vào thực tế địa phương. Trong nhiệm kỳ, xã trồng được 201 ha rừng (đạt 287%), tăng 187% so với nghị quyết đề ra.

Về chăn nuôi, xã tập trung đẩy mạnh phát triển đàn gia súc gia cầm theo hướng sản xuất hàng hóa. Việc tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm đều đặn và đúng khoa học đã góp phần phòng và hạn chế dịch bệnh lây lan. Tính đến năm 2009, đàn trâu có 710 con, đàn lợn là 3.350 con, gia cầm là 37.500 con.

Công tác chi ngân sách được thực hiện theo luật, hiệu quả. Nguồn thu ngân sách năm sau cao hơn năm trước. Nếu thu ngân sách năm 2008 đạt 2,3 tỷ thì năm 2009 là 2,8 tỷ đồng. Hoạt động vay và sử dụng vốn vay từ ngân hàng đúng mục đích đã góp phần tích cực vào nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

Trong 5 năm (2005 - 2009), Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo Ban địa chính quản lý chặt chẽ nguồn đất đai, hàng năm đều thực hiện tốt việc điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, việc quản lý sử dụng đều bám sát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2005 - 2010 của cấp trên. Thường xuyên tuyên truyền những nội dung cơ bản của Luật Đất đai tới các đối tượng sử dụng, công tác quản lý đất đai của xã đã ổn định và đi

vào nề nếp. Từ năm 2005 đến năm 2009, đồng chí Nguyễn Chân Chính tiếp được tín nhiệm bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, đồng chí Hoàng Xuân Chiến giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã. Tháng 1/2009, đồng chí Nguyễn Chân Chính nghỉ hưu, đồng chí Hoàng Xuân Chiến giữ quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đến tháng 7/2009 được bầu chính thức giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân, đồng chí Vũ Ngọc Chiều giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

Hoạt động tư pháp vận hành theo cơ chế “một cửa” nhằm tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho nhân dân, luôn thường trực tiếp dân theo quy định, do vậy đề nghị của nhân dân được giải quyết nhanh gọn.

Công tác giáo dục luôn được cấp ủy, chính quyền quan tâm, cơ sở vật chất các nhà trường được đầu tư khang trang, sạch đẹp, đội ngũ giáo viên được đào tạo chuẩn hóa về chuyên môn nghiệp vụ, luôn đề cao trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác, có nhiều thầy cô đạt danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh và trở thành đảng viên. Tỷ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp các cấp đạt hơn 90%. Năm 2009, trường Tiểu học được công nhận đạt chuẩn quốc gia.

Cơ sở vật chất của trạm y tế thường xuyên được tu sửa nâng cấp, trang thiết bị được đầu tư, đáp ứng được nhu

cầu khám chữa bệnh cho nhân dân. Cán bộ y tế xã thực hiện tốt việc tuyên truyền, vận động nâng cao hiểu biết về phòng chống dịch bệnh, ăn ở hợp vệ sinh trong nhân dân, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Ngoài ra, trạm y tế còn vận động nhân dân thực hiện Pháp lệnh về dân số, xây dựng mô hình gia đình có từ 1 đến 2 con, xóm không có người sinh con thứ 3. Các cháu trong độ tuổi được hướng dẫn chăm sóc và khám chữa bệnh định kỳ, tiêm chủng đạt tỷ lệ cao. Công tác dân số tập trung đẩy mạnh vào khâu tuyên truyền nâng cao ý thức về sinh đẻ có kế hoạch, giảm tỷ suất sinh thô. Mức giảm tỷ suất sinh thô hàng năm bình quân là 1‰.

Trong nhiệm kỳ, hoạt động của Ban công an xã đi vào nề nếp, duy trì thường xuyên công tác giao ban, giải quyết nhanh chóng các vụ việc xảy ra, tình hình an ninh chính trị địa phương được giữ vững; không xảy ra hiện tượng khiếu kiện vượt cấp; quản lý tốt các đối tượng nghiện ma túy, tệ nạn xã hội; tổ chức tuyên truyền cho nhân dân phòng chống các tệ nạn xã hội; triển khai tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ, giáo dục kiến thức quốc phòng; công tác tuyển quân, xây dựng phương án phòng chống lụt bão... đều được quan tâm và hoàn thành tốt.

Trong 5 năm (2005 - 2010), phong trào văn hóa văn nghệ phát triển toàn diện, chất lượng được nâng lên rõ rệt với nhiều nội dung phong phú, đa dạng, tham gia

hội thi, hội diễn ở huyện và giao lưu với các đơn vị bạn phục vụ các dịp lễ kỷ niệm, đại hội, hội nghị tổng kết của xã đã góp phần xây dựng đời sống tinh thần vui tươi lành mạnh trong nhân dân. Phong trào thể dục, thể thao rèn luyện thân thể cũng rất phát triển, tập trung ở các môn như bóng chuyền, bóng đá, cầu lông... thu hút mọi lứa tuổi tham gia. Năm 2009, xã tổ chức thành công Đại hội văn hóa thể dục thể thao lần thứ 2.

Phong trào xây dựng nếp sống văn hóa mới được triển khai thực hiện rộng khắp trong toàn xã, cụm dân cư và hộ gia đình. Đến năm 2009, 73% hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa.

Mặc dù có nhiều khó khăn, phức tạp và thử thách nhưng Đảng bộ và nhân dân xã Cát Nê đã nỗ lực phấn đấu giành được những kết quả quan trọng trong công tác an ninh - quân sự địa phương; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Công tác xây dựng lực lượng, huấn luyện và sẵn sàng chiến đấu của lực lượng quân sự địa phương có nhiều cố gắng. Các cấp ủy Đảng thường xuyên quan tâm phối kết hợp giáo dục ý thức quốc phòng, nâng cao tinh thần cảnh giác trong việc sẵn sàng chiến đấu chống lại âm mưu của các thế lực thù địch. Lực lượng dân quân thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ chính quyền và nhân dân, là lực lượng nòng cốt trong phong trào bảo vệ an ninh, chính trị - trật tự, an toàn xã hội.

Công tác phát triển Đảng được quan tâm, đảm bảo cả về chất lượng và số lượng, trong nhiệm kỳ đã kết nạp được 39 đồng chí. Đảng viên mới kết nạp là những đồng chí có trình độ năng lực và phẩm chất tốt, nhiều đồng chí hiện đang tham gia công tác chính quyền, đoàn thể và phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của mình. Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ đã tiến hành tách các chi bộ lớn thành chi bộ nhỏ để tiện cho công tác lãnh đạo: Chi bộ Thạm Thịnh tách thành Chi bộ Thạm Thịnh và Chi bộ Tân Lập; Chi bộ trường Tiểu học thành Chi bộ trường Tiểu học và Chi bộ trường Mầm non. Năm 2009, xã thành lập Chi bộ cơ quan xã. Toàn xã có 19 chi bộ với 195 đảng viên.

Thực hiện công tác bồi dưỡng cán bộ theo hướng dẫn của Huyện uỷ, trong 5 năm (2005 - 2010), Đảng bộ xã đã cử 4 đồng chí đi học trung cấp lý luận chính trị, 3 đồng chí đi học lớp cao đẳng kinh tế, 10 đồng chí đi học lớp lý luận chính trị.

Trong nhiệm kỳ, Ủy ban kiểm tra Đảng đã tiến hành kiểm tra giám sát, kịp thời uốn nắn ngăn chặn những dấu hiệu vi phạm; phát hiện và đề nghị xử lý một số đảng viên thoái hóa biến chất, vi phạm kỷ luật Đảng. Đảng bộ thực hiện tốt chương trình công tác giám sát toàn khóa và xây dựng kế hoạch kiểm tra hàng năm. Công tác bình xét, đánh giá chất lượng tổ chức cơ sở

Đảng và đảng viên đều hoàn thành chỉ tiêu. Năm 2006 và 2007, Đảng bộ xếp loại trong sạch vững mạnh, đặc biệt năm 2009, Đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh tiêu biểu.

Nhằm kiện toàn bộ máy chính quyền theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII); địa phương đã tiến hành rà soát chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, cơ chế hoạt động và quy chế làm việc của bộ máy chính quyền, các ngành. Hội đồng nhân dân xã từng bước đổi mới phương thức hoạt động, bám sát nhiệm vụ trọng tâm của cấp ủy đề ra, các nghị quyết ban hành sát với tình hình cụ thể. Tích cực chủ động trong việc thực hiện chức năng giám sát, nâng cao chất lượng các kỳ họp, tiếp xúc cử tri bảo đảm đúng luật. Ủy ban nhân dân xã có nhiều cố gắng trong việc thể chế hóa nghị quyết của các cấp ủy Đảng, nghị quyết của Hội đồng nhân dân và các chỉ thị, kế hoạch của cấp trên để xây dựng thành chương trình, kế hoạch, đề án, áp dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của địa phương trong từng giai đoạn.

Thực hiện đề án số 01-ĐA/TU về đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở bước đầu đã đạt kết quả tốt. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân không ngừng đổi mới nội dung, phương thức hoạt động tỷ lệ tập hợp thu hút đoàn viên, hội viên năm sau cao hơn năm trước và tích

cực tham gia các phong trào của hội, phát triển kinh tế xoá đói giảm nghèo, tương thân, tương ái, giúp đỡ lẫn nhau làm giàu chính đáng thực hiện tốt chủ trương, của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước.

IV. Đại hội Đảng bộ xã Cát Nê lần thứ XX (nhiệm kỳ 2010 - 2015) và kết quả 4 năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội

Thực hiện kế hoạch của Bộ Chính trị về tổ chức Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Ban Chấp hành Đảng bộ xã xây dựng kế hoạch tổ chức Đại hội lần thứ XX (nhiệm kỳ 2010 - 2015). Ban Thường vụ Đảng ủy chỉ đạo các ban, ngành, các cơ sở tiến hành tổng hợp, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XIX, đề xuất phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng hệ thống chính trị trong những năm 2010 - 2015.

Ngày 25/5/2010, Đảng bộ xã tiến hành Đại hội lần thứ XX (nhiệm kỳ 2010 - 2015), với sự tham gia của đa số đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội chỉ rõ những tồn tại trong nhiệm kỳ trước như: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, chưa phát huy hết thế mạnh của địa phương; thu hút vốn đầu tư ít, kinh doanh dịch vụ còn hạn chế; cơ sở vật chất đầu tư cho giáo dục chưa đáp

ứng được yêu cầu; công tác phê bình và tự phê bình chưa cao, một số chi bộ hoạt động chưa hiệu quả... Trên cơ sở đó, Đại hội đề ra nhiệm vụ trọng tâm cho nhiệm kỳ mới: Tập trung khai thác và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, phát huy thế mạnh của địa phương đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Xây dựng kết cấu hạ tầng theo hướng chuẩn hóa. Tăng cường đầu tư cho giáo dục, y tế, văn hóa và thực hiện tốt các chính sách xã hội, củng cố vững chắc quốc phòng - an ninh. Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; đẩy mạnh cải cách hành chính và thực hiện quy chế dân chủ; nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Đại hội đề ra chỉ tiêu phát triển kinh tế cụ thể trong nhiệm kỳ: Phấn đấu đạt chuẩn 13/19 tiêu chí về xây dựng nông thôn mới. Về kinh tế, sản lượng lương thực bình quân tăng 3,5%, thu ngân sách bình quân hàng năm đạt 10%. Về văn hóa - xã hội, đến năm 2010, Trạm y tế đạt chuẩn quốc gia, 50% trục đường liên xóm được cứng hóa, phấn đấu đến năm 2013, trường Trung học cơ sở, trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ I. Về công tác xây dựng Đảng, phát triển đảng viên mới đạt

5% trở lên, hàng năm 100% tổ chức cơ sở Đảng đạt danh hiệu Trong sạch vững mạnh, đảng viên đủ tư cách và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đạt 90% trở lên.

Đại hội bầu Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 2010 - 2015 gồm 15 đồng chí. Ban Chấp hành bầu 5 đồng chí vào Ban Thường vụ. Đồng chí Đỗ Thanh Tâm tiếp tục được cử làm Bí thư, đồng chí Hoàng Xuân Chiến làm Phó Bí thư, đồng chí Dương Văn Việt làm Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy.

Đại hội Đảng bộ xã Cát Nè lần thứ XX thể hiện quyết tâm của Đảng bộ phát huy truyền thống yêu nước, sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, tinh thần tự lực tự cường, vượt lên mọi thách thức, khó khăn, phát triển toàn diện, hiệu quả, bền vững các lĩnh vực kinh tế - xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, góp phần xây dựng huyện Đại Từ và tỉnh Thái Nguyên giàu mạnh, văn minh.

Tháng 2/2011, thực hiện nghị quyết của Chính phủ về điều chỉnh địa giới hành chính, xã Cát Nè tiếp nhận thêm xóm Nông Trường, với 88 hộ, nâng tổng số xóm lên 16 xóm, tiếp nhận chi bộ Nông trường gồm 13 đảng viên, nâng lên thành 20 chi bộ. Đảng bộ Cát Nè thời điểm này có 220 đảng viên.

Tháng 5/2011, Đảng bộ xã lãnh đạo thành công cuộc bầu cử Quốc hội khóa XIII và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 - 2016, bầu được 21 đại biểu vào Hội đồng nhân dân xã. Đồng chí Đỗ Thanh Tâm - Bí thư Đảng ủy được bầu làm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đồng chí Dương Văn Niên làm Phó Chủ tịch. Ủy ban nhân dân xã do đồng chí Hoàng Xuân Chiến làm Chủ tịch, đồng chí Vũ Ngọc Chiêu làm Phó Chủ tịch.

Năm 2011 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XX. Trong sản xuất, rét đậm kéo dài, gây cản trở lớn cho việc gieo cấy lúa chiêm xuân; dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm gia tăng; giá cả một số mặt hàng như phân bón, lương thực, thực phẩm tăng cao không có lợi cho người tiêu dùng..

Trước tình hình trên, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã đã có những biện pháp, giải pháp tổ chức thực hiện cụ thể, cùng với sự kết hợp của Mặt trận Tổ quốc, các ban ngành đoàn thể, sự nỗ lực của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2011 đạt được những kết quả tốt.

Trong sản xuất nông nghiệp, xã tiến hành chuyển đổi cơ cấu cây trồng, gắn phát triển sản xuất với bảo vệ cây trồng, tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật. Nhờ vậy, mặc dù trong 4 năm (2010 - 2014) thời tiết

diễn biến phức tạp, song sản xuất nông nghiệp vẫn đạt được những kết quả đáng khích lệ: Diện tích gieo cấy hàng năm đạt 100% kế hoạch, tổng sản lượng lương thực luôn đạt và vượt chỉ tiêu đề ra: Năm 2012 đạt 2.305,2 tấn, bằng 101,2% kế hoạch. Công tác chăn nuôi có nhiều cố gắng, các dịch bệnh được hạn chế kịp thời, số lượng đàn trâu, bò, gia súc, gia cầm tăng đáng kể. Đến hết năm 2014, toàn xã 623 con trâu, 121 con bò, 4.415 con lợn, 45.544 con gia cầm.

Diện tích hoa màu ngày càng được mở rộng. Nhiều loại cây cho giá trị thu nhập cao được Đảng ủy chỉ đạo đưa vào gieo trồng. Vụ đông năm 2013, sau khi nghiên cứu, khảo sát dự án trồng dưa chuột bao tử, Đảng ủy đã nhất trí ký hợp đồng với Công ty Đồng Xanh và vận động nhân dân trồng thí điểm 3,6 ha. Kết quả, năng suất bình quân đạt 7 - 8 tạ/sào. Đến cuối năm 2014, xã tiếp tục triển khai gieo trồng 43,13 ha.

Thực hiện sự chỉ đạo của cấp trên, năm 2014, xã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện chương trình Nông thôn mới. Để chương trình thực hiện có hiệu quả, xã phát động phong trào thi đua "*Chung sức xây dựng nông thôn mới*", "*Hiến đất làm đường giao thông nông thôn*", đồng thời rà soát các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Đến nay, toàn xã đạt 11/19 tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Diện tích trồng chè ngày càng được mở rộng. Tổng diện tích chè kinh doanh là 65 ha, sản lượng búp chè tươi ước đạt 620 tấn, diện tích chè thâm canh và cải tạo là 35 ha.

Trong công tác lâm nghiệp, Đảng ủy tích cực chỉ đạo công tác phòng chống cháy rừng, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát. Trong năm 2014, Đảng ủy đã chỉ đạo kế hoạch trồng rừng theo dự án 147. Tổng diện tích đã khảo sát và nghiệm thu trồng rừng là 175,4 ha.

Công tác quản lý tài nguyên được thực hiện một cách đồng bộ. Năm 2014, xã lập hồ sơ cấp đất mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 119 trường hợp, xác nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho 11 trường hợp.

Giáo dục có bước phát triển, hệ thống giáo dục từng bước được xã hội hóa, chất lượng giáo dục được đảm bảo, tỷ lệ học sinh giỏi, học sinh đỗ vào các trường đại học, cao đẳng cao. Đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân được cải thiện, các phương tiện thông tin nghe nhìn, phương tiện phục vụ giao thông ngày một đáp ứng đầy đủ, phong trào văn hóa, văn nghệ ở cộng đồng thôn. Năm 2013, xã tổ chức thành công Đại hội văn hóa thể dục thể thao lần thứ 3.

Trạm y tế xã duy trì tốt chế độ thường trực, phòng trừ dịch bệnh ngay từ cơ sở, làm tốt công tác tuyên truyền dân số và kế hoạch hóa gia đình.

Trong 4 năm đầu nhiệm kỳ, công tác huấn luyện dân quân được triển khai đúng kế hoạch, năm 2014 được xếp loại đơn vị khá. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, không để xảy ra các vụ việc nghiêm trọng.

Công tác Đảng được quan tâm trên cả 3 mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức. Trong công tác chính trị tư tưởng, Đảng ủy đã tích cực tuyên truyền các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng tới tất cả đảng viên trong Đảng bộ. Trong nhiệm kỳ, Đảng ủy đã triển khai thực hiện tốt Chỉ thị 03-CT/TW của Trung ương, Đề án 09 của Tỉnh ủy về việc tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Công tác tổ chức cán bộ và kiểm tra giám sát được thực hiện tốt.

Trong nhiệm kỳ, Hội đồng nhân dân thực hiện tốt công tác giám sát, tổ chức theo chức năng, nhiệm vụ, tổ chức thành công kỳ họp thứ 7 thông qua nghị quyết phê chuẩn quyết toán thu chi ngân sách và kết quả thực hiện các mục tiêu kinh tế 2013.

Ủy ban nhân dân tổ chức hoạt động hiệu quả các chủ trương, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng ủy.

Hoạt động của Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng được duy trì tốt, tổ chức thành công Đại hội, đa dạng hóa các hình thức tập

hợp quần chúng. Thời gian tới, Đảng ủy, chính quyền và các đoàn thể trong xã tiếp tục xây dựng chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, quyết tâm thực hiện thắng lợi nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ XX đề ra.

KEÁT LUẬN

Nhìn lại chặng đường phát triển gần 70 năm xây dựng và chiến đấu (1945 - 2014) của tổ chức Đảng xã Cát Nê, cùng với cả nước, cán bộ, đảng viên và nhân dân Cát Nê đã đoàn kết, vượt qua biết bao khó khăn thử thách để đạt được những kết quả tốt đẹp. Vì vậy, Đảng bộ và nhân dân trong xã có quyền tự hào đã đóng góp tích cực vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng nền tảng cho chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong thời kỳ 1939 - 1945, những nhân tố cách mạng đầu tiên của xã như Thường Sơn, Thọ Sơn, Thái Sơn, Hùng Tân... đã sớm bắt liên lạc và tham gia vào phân đội cứu quốc quân đóng trên địa bàn, từng bước chuẩn bị lực lượng vũ trang (thành lập đội quân Ba Gò Ông Táo), lực lượng chính trị giành chính quyền khi thời cơ chín muồi. Ngày 29/3/1945, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của các đồng chí cấp trên như Võ Nguyên Giáp, Chu Văn Tấn, Ủy ban dân tộc giải phóng làng Cát Nê được thành lập, đánh dấu bước phát triển quan trọng của địa phương.

Từ khi thực dân Pháp mở cuộc tiến công lên Việt Bắc (Thu Đông 1947), quân và dân Cát Nê lại trực tiếp chiến đấu góp phần cùng quân và dân Việt Bắc đánh bại âm

mưu của địch, bảo vệ an toàn cơ quan đầu não kháng chiến của ta. Trong những năm 1948 - 1954, thấy rõ trách nhiệm của địa phương với cuộc kháng chiến của dân tộc, Chi bộ xã lãnh đạo nhân dân xây dựng hậu phương vững mạnh, tham gia đóng góp nhân lực, vật lực cho tiền tuyến. Các chiến thắng: Biên Giới (Thu Đông 1950), Trung Du (năm 1951), Hòa Bình (Đông Xuân 1951 - 1952)... cho đến chiến thắng Điện Biên Phủ (xuân hè 1954) đều có một phần công sức của nhân dân Cát Nê. Trong 9 năm kháng chiến trường kỳ đó, tổ chức Đảng ở địa phương từng bước hình thành và lớn mạnh. Tháng 9/1945, Chi bộ Đảng xã Cát Nê - một trong những chi bộ được thành lập sớm của huyện Đại Từ (sau Chi bộ La Bằng) chỉ với 3 đảng viên, đến năm 1953 đã có 25 đảng viên, đảm đương trách nhiệm lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống thực dân Pháp.

Phát huy truyền thống anh hùng trong những năm kháng chiến chống Pháp, những năm đầu hòa bình lập lại (1954 - 1965), dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, nhân dân tiến hành khôi phục kinh tế, thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, xây dựng các mô hình hợp tác xã, phát triển văn hóa - xã hội, củng cố an ninh - quốc phòng. Khi đế quốc Mỹ đánh phá miền Bắc, nhân dân trong xã vừa phát triển kinh tế vừa đào hầm hào trú ẩn, xây dựng 5 đại đội dân quân và các trận địa

chiến đấu. Đặc biệt dân quân xã còn phối hợp với lực lượng tự vệ của Đoàn địa chất 45, bắt sống 1 tên giặc lái mang quân hàm Trung tá. Từ năm 1967, chi bộ Đảng chính thức được chuẩn y thành Đảng bộ, đánh dấu sự trưởng thành, khẳng định vai trò quan trọng của tổ chức Đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo cách mạng ở địa phương.

Với vị trí địa - chính trị quan trọng nên trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Cát Nê vinh dự và trọng trách được đón tiếp nhiều cơ quan về sơ tán: Cơ quan Bộ Tổng tư lệnh, Tiểu đoàn 54 bộ đội Vệ quốc quân, Trung cấp thông tin Trung ương; Xưởng giấy của Bộ Tổng tư lệnh, Nhà máy Xung Phong thuộc Tổng Liên đoàn Thanh niên Việt Nam, Trường bổ túc Văn hoá Tổng Công đoàn, Đoàn địa chất Trung ương 17, Đoàn địa chất 45...

Ngày nay trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ xã, quân và dân Cát Nê đã và đang phát huy truyền thống, thế mạnh địa - nhân, phấn đấu xây dựng quê hương ngày thêm giàu mạnh. Đến Cát Nê hôm nay, chúng ta được thấy những cánh đồng lúa trĩu bông, những nương chè xanh mướt; thương mại - dịch vụ đa dạng, phong phú, những khu dân cư mới được xây dựng tiện ích, hiện đại...

Trải qua các cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ và chiến tranh biên giới, nhân dân Cát Nê đã đóng góp cho Nhà nước hàng chục tấn lương thực, thực phẩm. Ghi nhận những thành tích xuất sắc của cán bộ và nhân dân địa phương qua 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Đảng và Chính phủ đã tặng thưởng 64 huy chương, 86 huân chương; 8 người được tặng bằng khen có công với nước, 22 người được nhận bằng Tổ quốc ghi công, 25 người được tặng kỷ niệm chương kháng chiến, 2 người được nhận Huy hiệu Bác Hồ, 6 mẹ được truy tặng, phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Đặc biệt, theo Quyết định số 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ, Cát Nê được công nhận là xã ATK.

Từ thực tiễn lãnh đạo phong trào cách mạng, Đảng bộ xã Cát Nê đã rút ra nhiều bài học kinh nghiệm quý giá.

Một là chủ động nắm vững quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh thực tế của địa phương nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế của xã trong phát triển kinh tế, xã hội.

Trong quá trình lãnh đạo và tổ chức cho nhân dân thực hiện các nhiệm vụ cấp trên giao, Chi - Đảng bộ Cát Nê luôn khẳng định trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng phải nắm vững chủ trương, đường lối của Đảng,

vận dụng phù hợp với hoàn cảnh địa phương. Kinh nghiệm cho thấy trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, dựa trên điều kiện thực tế của địa phương, Chi bộ - Đảng bộ xã Cát Nê đã từng bước vận động nhân dân tăng gia sản xuất, đóng góp sức người, sức của cho kháng chiến, xây dựng các trận địa trực chiến phân bố theo hợp tác xã để dễ cơ động và tập trung. Trong thời kỳ cải tạo xã hội chủ nghĩa, khi nhận ra khó khăn đối với sản xuất ở địa phương là vấn đề thủy lợi, xã tập trung lực lượng xây dựng các hồ, đập, mương cung cấp nước tưới cho đồng ruộng. Nhờ vậy, diện tích gieo trồng được mở rộng. Trong thời kỳ đổi mới, thực hiện chủ trương đổi mới của Đảng, Đảng bộ xã lãnh đạo nhân dân từng bước chuyển dịch cơ cấu cây trồng, lấy cây chè là chủ chốt; sản xuất tiểu thủ công nghiệp bung ra mạnh mẽ, đời sống nhân dân từng bước được nâng cao.

Hai là luôn nắm chắc nguyên tắc “dân làm gốc”. Xác định rõ mọi hoạt động của Đảng không có lợi ích nào khác là phục vụ nhân dân, phục vụ Tổ quốc, Đảng bộ quán triệt các chủ trương, nghị quyết của cấp ủy, hoạt động của chính quyền xã đều phải xuất phát từ lợi ích của nhân dân, nắm tâm tư, nguyện vọng của nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động. Trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ

chính trị, Đảng ủy các khóa có những nghị quyết và cách làm phù hợp, đúng đắn, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên đi sâu, đi sát vào quần chúng. Cán bộ, đảng viên vừa là người lãnh đạo, vừa là công bộc của nhân dân, hoạt động của Đảng, chính quyền phải chịu sự giám sát của nhân dân. Trong thời kỳ cùng đất nước thực hiện công cuộc đổi mới, sức mạnh tiềm năng trong nhân dân được phát huy đến mức cao nhất, góp phần hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Ba là tăng cường năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát đi đôi với xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong Đảng.

Hơn nữa thế kỷ xây dựng và trưởng thành, để nâng cao sức mạnh lãnh đạo, chỉ đạo các phong trào cách mạng, Đảng bộ xã luôn chú trọng công tác xây dựng Đảng vững mạnh trên cả 3 mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức, đủ sức lãnh đạo các phong trào cách mạng của địa phương, nâng cao trí tuệ của Đảng thông qua hoạt động bồi dưỡng lý luận và đạo đức cách mạng cho đảng viên, đồng thời thực hiện kiểm tra, thanh lọc các đảng viên không xứng đáng ra khỏi Đảng. Đảng bộ thường xuyên quan tâm bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, nhất là trong quản lý kinh tế. Trong những năm gần đây, công tác cán bộ ngày càng được coi trọng.

Từ kinh nghiệm thực tế cho thấy chỉ khi nào Đảng bộ và các chi bộ trực thuộc giữ vững đoàn kết nhất trí thì khi đó tổ chức Đảng mới phát huy được sức mạnh, làm cơ sở cho khối đoàn kết toàn dân, do đó, sự đoàn kết trong Đảng bộ, trước hết là đồng thuận trong đội ngũ lãnh đạo chủ chốt là vấn đề có tầm quan trọng đặc biệt. Với tính chất là nhân tố bảo đảm thắng lợi của cách mạng, sự trưởng thành, phát triển và khởi sắc của xã Cát Nê gắn liền với sự trưởng thành, lớn mạnh của tổ chức Đảng.

Bốn là tăng cường hiệu lực quản lý của chính quyền, vai trò của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, đồng thời phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong quản lý xã hội.

Đảng lãnh đạo là nhân tố xuyên suốt, tạo nên sự phối hợp hành động thống nhất giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị. Mối quan hệ Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể quần chúng phân định rõ, phát huy tính chủ động, tích cực của mỗi tổ chức, Đảng bộ luôn phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân thể hiện quyền làm chủ thông qua Nhà nước, đoàn thể và trực tiếp với phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*”. Hoạt động của chính quyền phản ánh kết quả lãnh đạo của tổ chức Đảng. Phải thường xuyên đổi mới nội dung công tác, cải

tiến lên lối làm việc, nâng cao hiệu lực quản lý theo quy định của hiến pháp và pháp luật dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đảng bộ lãnh đạo bằng Nghị quyết, chủ trương chính sách và chính quyền thực hiện.

Bước sang thế kỷ XXI, đất nước chuyển mình vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Đảng bộ và nhân dân Cát Nê đã năng động, sáng tạo, nắm bắt cơ hội, học hỏi kinh nghiệm, nhanh chóng bắt kịp với xu thế của thời đại. Những thành tựu trong hơn 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới là tiền đề vững chắc để Đảng bộ và nhân dân xã Cát Nê tiếp tục phát huy truyền thống, ra sức phấn đấu xây dựng quê hương ngày càng giàu mạnh hơn, to đẹp hơn.

PHỤ LỤC

BIÊN NIÊN SÖIKIEN LÖCH SÖÜ

XAÖCAÛ NEÄ(1945 - 2014)

- Ngày 29/3/1945, Ủy ban dân tộc giải phóng làng Cát Nê được thành lập, do đồng chí Lưu Văn Canh (Hùng Tân) làm Chủ tịch.

- Tháng 9/1945, Chi bộ Đảng xã Cát Nê được thành lập, đồng chí Thái Sơn được cử làm Bí thư chi bộ.

- Năm 1946, Cát Nê đổi tên thành xã là Bình Dân, đồng thời đổi tên các xóm theo tên các cán bộ cách mạng cấp trên từng hoạt động tại địa bàn.

- Tháng 5/1948, xã Bình Dân hợp nhất với xã Ký Phú thành xã Phú Cát. Trong năm 1948, Chi bộ Đảng xã Phú Cát được thành lập.

- Tháng 1/1953, sau một thời gian sáp nhập với xã Ký Phú, xã Bình Dân được tái lập. Trong năm 1953, Chi bộ Đảng xã Bình Dân được thành lập, đồng chí Nguyễn Văn Chúc làm Bí thư Chi bộ.

- Ngày 25/5/1954, xã tiến hành cải cách ruộng đất.

- Ngày 1/8/1966, nhân dân trong xã cùng các xã khác đã bắt sống giặc lái Mỹ.
- Trong 2 năm 1966 - 1967, Mỹ nhiều lần ném bom xuống địa bàn xã làm 1 người chết và 1 người bị thương.
- Năm 1967, Chi bộ xã được chuẩn y thành Đảng bộ. Đồng chí Nguyễn Gia Cát được bầu làm Bí thư Đảng ủy.
- Năm 1976, xã Bình Dân đổi tên thành xã Cát Nê.
- Năm 1981, xã thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW (khoán 100).
- Năm 1988, xã thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW (khoán 10).
- Quyết định số 1379/QĐ-TTg ngày 12/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ công nhận Cát Nê là xã ATK.

CÁC KỶ NẠI HOÃ NÃNG BỎ XA CẦU NẾ (1967 - NẾ NAY)

1. Năm 1967, Đại hội Đảng bộ xã Bình Dân lần thứ nhất (nhiệm kỳ 1967 - 1968) được tổ chức. Đại hội chỉ ra những thuận lợi, khó khăn của Đảng bộ khi mới thành lập và đề ra phương hướng, nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong điều kiện có chiến tranh.

2. Trong thời gian từ 1968 đến năm 1972, mỗi năm Đảng bộ tổ chức Đại hội một lần (từ Đại hội lần thứ II đến Đại hội lần thứ VI). Trong các kỳ Đại hội, ngoài việc tổng kết công tác thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể, Đại hội còn tập trung vào các vấn đề như: Chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, củng cố phong trào hợp tác xã nông nghiệp, đón tiếp đồng bào và các cơ quan đến tản cư.

3. Năm 1973, Đảng bộ tổ chức Đại hội lần thứ VII (nhiệm kỳ 1973 - 1975). Đại hội đánh giá kết quả đạt được của nhiệm kỳ trước và xây dựng phương hướng trong 2 năm 1973 - 1975.

4. Năm 1975, Đảng bộ tổ chức Đại hội lần thứ VIII (nhiệm kỳ 1975 - 1977), phân tích thuận lợi và khó

khẩn khi xã bước vào thời kỳ mới đồng thời đề ra phương hướng, nhiệm vụ chính trị trong thời bình.

5. Năm 1977, Đảng bộ tổ chức Đại hội lần thứ IX (nhiệm kỳ 1977 - 1979). Đại hội tiếp tục chú trọng thảo luận các giải pháp từng bước đưa Cát Nê phát triển, hoàn thành tốt Kế hoạch 5 năm (1976 - 1980).

6. Năm 1979, Đảng bộ tổ chức Đại hội lần thứ X (nhiệm kỳ 1979 - 1982). Đại hội phân tích hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, đề ra nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ là củng cố lực lượng dân quân, làm tốt công tác tuyển quân, tập trung phát triển kinh tế - xã hội.

7. Năm 1982, Đại hội Đảng bộ xã Cát Nê lần thứ XI (nhiệm kỳ 1982 - 1984) được tổ chức. Đại hội đánh giá kết quả 1 năm thực hiện Chỉ thị 100-CT/TW ngày 13/1/1981 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

8. Năm 1984, Đảng bộ xã tổ chức Đại hội lần thứ XII (nhiệm kỳ 1984 - 1987).

9. Năm 1987, Đảng bộ xã Cát Nê tiến hành Đại hội lần thứ XIII (nhiệm kỳ 1987 - 1989). Đại hội quán triệt tới cán bộ, đảng viên về đường lối đổi mới của Đảng và đề ra nhiệm vụ chủ yếu trong tình hình mới.

10. Năm 1989, Đảng bộ xã tổ chức Đại hội lần thứ XIV (nhiệm kỳ 1989 - 1991). Đại hội đánh giá kết quả 4 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng.

11. Năm 1991, Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XV (nhiệm kỳ 1991 - 1994) được tổ chức. Đại hội đề ra nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội toàn diện trong những năm 1991 - 1994.

12. Năm 1994, Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XVI (nhiệm kỳ 1994 - 1996) được tổ chức. Đại hội đánh giá nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong những năm 1991 - 1994 và đề ra nhiệm vụ trong nhiệm kỳ mới.

13. Năm 1996, Đảng bộ xã Cát Nê tiến hành Đại hội lần thứ XVII (nhiệm kỳ 1996 - 2000). Đại hội tổng kết những thành tựu đã được trong giai đoạn 1991 - 1995, đồng thời thảo luận, lấy biểu quyết của các đại biểu về mục tiêu phát triển trong nhiệm kỳ 1996 - 2000, trọng tâm là phát triển nông - lâm nghiệp.

15. Năm 2000, Đảng bộ xã Cát Nê tiến hành Đại hội lần thứ XVIII (nhiệm kỳ 2000 - 2005). Đại hội nghiêm túc đánh giá thành tựu cũng như hạn chế trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội nhiệm kỳ trước, đồng thời đề ra một số chỉ tiêu phấn đấu trong nhiệm kỳ 2000 - 2005.

16. Năm 2005, Đại hội Đảng bộ xã Cát Nê lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2005 - 2010) được khai mạc với sự tham gia của đa số đảng viên trong Đảng bộ. Đại hội tổng kết những kết quả đạt được trong việc thực hiện Nghị quyết

Đại hội Đảng bộ lần thứ XVIII đồng thời đề ra mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục toàn diện trong nhiệm kỳ mới.

17. Năm 2010, Đảng bộ xã tiến hành Đại hội lần thứ XX (nhiệm kỳ 2010 - 2015) với sự tham gia của đa số đảng viên trong toàn Đảng bộ. Đại hội Đại hội chỉ rõ những tồn tại trong nhiệm kỳ trước, trên cơ sở đó, đề ra nhiệm vụ trọng tâm cho nhiệm kỳ mới: Tập trung khai thác và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế, tăng cường đầu tư cho giáo dục, y tế, văn hóa và thực hiện tốt các chính sách xã hội ; nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

DANH SÁCH
BÀ MẸ VIỆT NAM ANH HÙNG XÃ CÁT NÊ

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Ghi chú</i>
1	Nguyễn Thị Mùi	1884	Truy tặng
2	Nguyễn Thị Nhất	1900	Truy tặng
3	Trần Thị Cỏn	1906	Truy tặng
4	Nguyễn Thị Nụ	1919	Truy tặng
5	Vũ Thị Chi	1921	Phong tặng
6	Nguyễn Thị Yên	1924	Truy tặng

DANH SÁCH
CÁN BỘ TIỀN KHỞI NGHĨA XÃ CÁT NÊ

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Quê quán</i>	<i>Năm sinh</i>
1	Hoàng Đình Nguyên (Hải Sơn)	La Vĩnh	1898
2	Lưu Văn Canh (Hùng Tân)	Nương Dầu	1904
3	Dương Văn Sáng	Đầu Cầu	1909
4	Trần Văn Vang (Thọ Sơn)	Đầu Cầu	1912
5	Trần Văn Tu	La Lang	1915
6	Đỗ Thị Kế	La Vĩnh	1915
7	Hà Đức Dương (Thái Sơn)	Nương Cao	1915
8	Nguyễn Văn Nhân (Khang Sơn)	Nương Dầu	1918
9	Hoàng Văn Cậy	Đình	1921
10	Trần Đức Cam	Nương Dầu	1922
11	Đỗ Văn Bằng	La Vĩnh	1922

DANH SÁCH LIỆT SỸ XÃ CÁT NÊ

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Quê quán</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Năm hy sinh</i>
<i>Thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp</i>				
1	Hoàng Văn Cậy	Đình	1921	1946
2	Nguyễn Văn Ba	Nương Dầu	1933	1946
3	Dương Văn Hồ	Trung Nhạng	1932	1950
4	Hoàng Văn Canh	Đình	1923	1953
<i>Thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ</i>				
1	Lưu Đức Quang	Trung Nhạng	1947	1968
2	Nguyễn Chí Thanh	Đầu Cầu	1937	1968
3	Đỗ Hùng Tín	Lò Mật	1935	1969
4	Vũ Ngọc Quý	La Vĩnh	1946	1969
5	Vũ Minh Thọ	La Vĩnh	1948	1969
6	Đỗ Văn Cà	Gò Châu	1939	1971
7	Trần Minh Cống	Đầu Cầu	1944	1971
8	Nguyễn Văn Tường	Đồng Mương	1949	1972
9	Nguyễn Văn Ngọc	Đồng Nghè	1940	1972
10	Dương Văn Minh	Tân Phú	1953	1972
11	Trần Vũ Hảo	Gò Châu	1936	1972
12	Vũ Văn Huynh	Trung Nhạng	1950	1972

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Quê quán</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Năm hy sinh</i>
13	Trần Văn Lương	Nương Dầu	1953	1972
14	Trần Văn Mai	Nương Dầu	1953	1972
15	Trần Khắc Sơn	Trung Nhạng	1948	1972
16	Lê Văn Phú	Trung Nhạng	1942	1972
17	Nguyễn Văn Thành	Đồng Mương	1947	1973
18	Lê Văn Quang	Trung Nhạng	1951	1973
19	Nguyễn Văn Cống	Nương Cao	1946	2011 ⁽¹⁾
<i>Thời kỳ Bảo vệ biên giới</i>				
1	Nguyễn Văn Thu	Đồng Nghè	1960	1979

⁽¹⁾ Được suy tôn liệt sỹ.

DANH SÁCH BÍ THƯ CHI BỘ, BÍ THƯ ĐẢNG ỦY XÃ CÁT NÊ CÁC THỜI KỲ

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thời gian công tác</i>
1	Hà Đức Dương	Bí thư Chi bộ	1945 - 1946
2	Trần Văn Vang	Bí thư Chi bộ	1946 - 1948
3	Dương Văn Sáng	Bí thư CB liên xã	1948 - 1953
4	Nguyễn Văn Chức	Bí thư Chi bộ	1953 - 1955
5	Lý Văn Diêm	Bí thư Chi bộ	1955 - 1957
6	Nguyễn Văn Chức	Bí thư Chi bộ	1957 - 1958
7	Hà Công Hoạch	Bí thư Chi bộ	1958 - 1960
8	Nguyễn Văn Học	Bí thư Chi bộ	1960 - 1965
9	Đỗ Văn Lượng	Bí thư Chi bộ	1965 - 1967
10	Nguyễn Gia Cát	Bí thư Đảng ủy	1967 - 1972
11	Nguyễn Tô Phẩm	Bí thư Đảng ủy	1972 - 1977
12	Hoàng Văn Thịnh	Bí thư Đảng ủy	1977 - 1979
13	Đình Lương Dân	Bí thư Đảng ủy	1979 - 1982
14	Nguyễn Xuân Tình	Bí thư Đảng ủy	1982 - 1984
15	Vũ Văn Thuật	Bí thư Đảng ủy	1984 - 1989
16	Nguyễn Trọng	Bí thư Đảng ủy	1989 - 09/1989
17	Phạm Tứ Nguyên	Bí thư Đảng ủy	09/1989 - 3/2000
18	Nguyễn Chân Chính	Q. Bí thư Đảng ủy	3/2000 - 10/2000
19	Đỗ Thanh Tâm	Bí thư Đảng ủy	10/2000 - Đến nay

DANH SÁCH
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ CÁT NÊ
(TỪ KHÓA IV, KHÓA VIII ĐẾN KHÓA XX)⁽¹⁾

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>
<i>Khóa IV (nhiệm kỳ 1970 - 1971)</i>		
1	Nguyễn Gia Cát	Bí thư Đảng ủy
2	Nguyễn Tô Phẩm	Phó Bí thư Đảng ủy
3	Đình Lương Dân	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Vũ Minh Thuật	Ủy viên Ban Chấp hành
5	Đỗ Văn Lượng	Ủy viên Ban Chấp hành
6	Dương Văn Khóa	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Nguyễn Xuân Tình	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Nguyễn Thị Nghĩa	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Nguyễn Minh Tiến	Ủy viên Ban Chấp hành
<i>Khóa VIII (nhiệm kỳ 1975 - 1977)</i>		
1	Nguyễn Tô Phẩm	Bí thư Đảng ủy
2	Nguyễn Xuân Tình	Phó Bí thư Đảng ủy
3	Hoàng Văn Thịnh	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Lưu Thị Việt	Ủy viên Ban Chấp hành
5	Đình Lương Dân	Ủy viên Ban Chấp hành

⁽¹⁾ Do tư liệu lưu trữ và nhân chứng sống mai một nên Ban sưu tầm chỉ liệt kê được danh sách các đồng chí trong Ban Chấp hành Đảng bộ khóa IV, từ khóa VIII đến khóa XX.

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>
6	Phạm Văn Phan	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Vũ Minh Thuật	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Đỗ Văn Tường	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Vũ Thị Chi	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Hà Văn Ban	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Nguyễn Gia Cát	Ủy viên Ban Chấp hành
<i>Khóa IX (nhiệm kỳ 1977 - 1979)</i>		
1	Hoàng Văn Thịnh	Bí thư Đảng ủy
2	Vũ Minh Cách	Phó Bí thư Đảng ủy
3	Phạm Tứ Nguyên	Phó Bí thư Đảng ủy
4	Dương Mạnh Thành	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Nguyễn Văn Hình	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Trần Đức Kha	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Vũ Quang Vĩnh	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Nguyễn Văn Luyện	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Nguyễn Xuân Tình	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Đình Lương Dân	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Đào Văn Bộ	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Hà Thị Tình	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Nguyễn Thị Đáng	Ủy viên Ban Chấp hành

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>
<i>Khóa X (nhiệm kỳ 1979 - 1982)</i>		
1	Đinh Lương Dân	Bí thư Đảng ủy
2	Nguyễn Văn Hình	Phó Bí thư Đảng ủy
3	Nguyễn Xuân Tình	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Nguyễn Văn Luyện	Ủy viên Ban Chấp hành
5	Trần Đức Kha	Ủy viên Ban Chấp hành
6	Phạm Tứ Nguyên	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Lý Xuân Phúc	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Lưu Thị Cử	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Nguyễn Trọng	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Phạm Văn Phan	Ủy viên Ban Chấp hành
<i>Khóa XI (nhiệm kỳ 1982 - 1984)</i>		
1	Nguyễn Xuân Tình	Bí thư Đảng ủy
2	Nguyễn Văn Hình	Phó Bí thư Đảng ủy
3	Đinh Lương Dân	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Trần Đức Kha	Ủy viên Ban Chấp hành
5	Phạm Tứ Nguyên	Ủy viên Ban Chấp hành
6	Dương Mạnh Thành	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Vũ Văn Thuật	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Nguyễn Trọng	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Phạm Văn Phan	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Nguyễn Văn Luyện	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Lưu Thị Cử	Ủy viên Ban Chấp hành

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>
<i>Khóa XII (nhiệm kỳ 1984 - 1987)</i>		
1	Vũ Văn Thuật	Bí thư Đảng ủy
2	Phạm Tứ Nguyên	Phó Bí thư Đảng ủy
3	Dương Mạnh Thành	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Nguyễn Văn Luyện	Ủy viên Ban Chấp hành
5	Nguyễn Trọng	Ủy viên Ban Chấp hành
6	Hà Văn Môn	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Nguyễn Văn Hình	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Nguyễn Xuân Tình	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Trần Văn Sinh	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Nguyễn Văn Thật	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Đỗ Thị Toàn	Ủy viên Ban Chấp hành
<i>Khóa XIII (nhiệm kỳ 1987 - 1989)</i>		
1	Vũ Văn Thuật	Bí thư Đảng ủy
2	Phạm Tứ Nguyên	Phó Bí thư
3	Dương Mạnh Thành	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy ⁽¹⁾
4	Nguyễn Ngọc Tiến	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Nguyễn Văn Luyện	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Nguyễn Văn Thật	Ủy viên Ban Chấp hành

⁽¹⁾ Đến năm 1988, đồng chí Dương Mạnh Thành đi học lớp trung cấp chính trị sau đó bàn giao công tác cho đồng chí Nguyễn Văn Luyện.

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>
7	Trần Đức Kha	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Hà Văn Môn	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Đỗ Thị Toàn	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Trần Văn Sinh	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Nguyễn Văn Thụ	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Lý Xuân Phúc	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Nguyễn Hồng Phúc	Ủy viên Ban Chấp hành
<i>Khóa XIV (nhiệm kỳ 1989 -1991)</i>		
1	Nguyễn Trọng	Bí thư Đảng ủy ⁽¹⁾
2	Phạm Tứ Nguyên	Phó Bí thư Đảng ủy
3	Vũ Văn Tèo	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Vũ Minh Cách	Ủy viên Ban Chấp hành
5	Nguyễn Ngọc Tiến	Ủy viên Ban Chấp hành
6	Nguyễn Văn Thật	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Đỗ Thị Toàn	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Trần Văn Sinh	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Lý Xuân Phúc	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Hà Văn Môn	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Vũ Văn Thuật	Ủy viên Ban Chấp hành

⁽¹⁾ Tháng 9/1989, đ/c Trọng bàn giao công tác cho đ/c Nguyên.

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>
<i>Khóa XV (nhiệm kỳ 1991 - 1994)</i>		
1	Phạm Tứ Nguyên	Bí thư Đảng ủy
2	Vũ Minh Cách	Phó Bí thư Đảng ủy
3	Vũ Văn Tèo	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Nguyễn Văn Luyện	Ủy viên Ban Chấp hành
5	Nguyễn Chân Chính	Ủy viên Ban Chấp hành
6	Hà Văn Môn	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Dương Mạnh Thành	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Trần Văn Sinh	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Đỗ Thị Toàn	Ủy viên Ban Chấp hành
<i>Khóa XVI (nhiệm kỳ 1994 - 1996)</i>		
1	Phạm Tứ Nguyên	Bí thư Đảng ủy
2	Vũ Minh Cách	Phó Bí thư Đảng ủy
3	Nguyễn Văn Luyện	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Đỗ Thị Toàn	Ủy viên Ban Chấp hành
5	Nguyễn Chân Chính	Ủy viên Ban Chấp hành
6	Trần Văn Sinh	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Trần Thành Đại	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Hà Văn Môn	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Lê Văn Chung	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Nguyễn Văn Hình	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Nguyễn Tiến Phong	Ủy viên Ban Chấp hành

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>
<i>Khóa XVII (nhiệm kỳ 1996 - 2000) ⁽¹⁾</i>		
1	Phạm Tứ Nguyên	Bí thư Đảng ủy
2	Vũ Minh Cách	Phó Bí thư
3	Nguyễn Văn Luyện	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy
4	Nguyễn Chân Chính	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Nguyễn Văn Thật	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Trần Văn Sinh	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Lê Quang Chung	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Đỗ Thị Toàn	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Hà Văn Môn	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Trần Thành Đại	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Nguyễn Văn Hình	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Nguyễn Trọng	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Vũ Văn Tèo	Ủy viên Ban Chấp hành
<i>Khóa XVIII (nhiệm kỳ 2000 - 2005)</i>		
1	Đỗ Thanh Tâm	Bí thư Đảng ủy
2	Nguyễn Chân Chính	Phó Bí thư Đảng ủy

⁽¹⁾ Trong khóa XVII (nhiệm kỳ 1996 - 2000), tháng 3/2000, đ/c Nguyễn và đ/c Cách nghỉ công tác. Đ/c Nguyễn Chân Chính được bầu giữ chức Phó Bí thư thay đ/c Cách, sau đó được cử giữ quyền Bí thư thay đồng chí Nguyễn. Đ/c Lê Quang Chung được bầu bổ sung vào BTV.

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>
3	Đỗ Văn Vinh	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Dương Văn Đồng	Ủy viên Ban Chấp hành
5	Nguyễn Thị Bình	Ủy viên Ban Chấp hành
6	Hoàng Xuân Chiến	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Nguyễn Quang Mùi	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Trần Văn Sinh	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Nguyễn Văn Thành	Ủy viên Ban Chấp hành
<i>Khóa XIX (nhiệm kỳ 2005 - 2010)</i>		
1	Đỗ Thanh Tâm	Bí thư Đảng ủy
2	Nguyễn Chân Chính	Phó Bí thư Đảng ủy
3	Dương Văn Việt	Ủy viên Ban Thường vụ
4	Nguyễn Thị Tân	Ủy viên Ban Chấp hành
5	Vũ Ngọc Chiêu	Ủy viên Ban Chấp hành
6	Nguyễn Văn Thành	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Hoàng Xuân Chiến	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Nguyễn Thị Bình	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Nguyễn Văn Quân	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Dương Văn Đồng	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Dương Văn Niên	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Phạm Quang Huy	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Vũ Minh Việt	Ủy viên Ban Chấp hành

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức danh</i>
<i>Khóa XX (nhiệm kỳ 2010 - 2015)</i>		
1	Đỗ Thanh Tâm	Bí thư Đảng ủy
2	Hoàng Xuân Chiến	Phó Bí thư
3	Dương Văn Việt	Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy
4	Vũ Ngọc Chiêu	Ủy viên Ban Thường vụ
5	Dương Văn Đông	Ủy viên Ban Thường vụ
6	Dương Văn Niên	Ủy viên Ban Chấp hành
7	Nguyễn Thị Bình	Ủy viên Ban Chấp hành
8	Nguyễn Văn Thành	Ủy viên Ban Chấp hành
9	Nguyễn Văn Quán	Ủy viên Ban Chấp hành
10	Nguyễn Thị Tân	Ủy viên Ban Chấp hành
11	Trần Nhật Thăng	Ủy viên Ban Chấp hành
12	Nguyễn Thế Kính	Ủy viên Ban Chấp hành
13	Nguyễn Văn Thuấn	Ủy viên Ban Chấp hành
14	Nguyễn Duy Trường	Ủy viên Ban Chấp hành
15	Lê Văn Dân	Ủy viên Ban Chấp hành

DANH SÁCH CHỦ TỊCH HĐND XÃ CÁT NÊ CÁC THỜI KỲ

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thời gian công tác</i>
1	Phạm Tứ Nguyên	Chủ tịch	1996 - 2000
2	Trần Văn Sinh	Chủ tịch	2000 - 2005
3	Đỗ Thanh Tâm	Chủ tịch	2005 - Đến nay

**DANH SÁCH CHỦ TỊCH
UBNDCMLT, UBKCHC, UBHC, UBND
XÃ CÁT NÊ CÁC THỜI KỲ**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thời gian công tác</i>
1	Lưu Văn Canh	Chủ tịch UBHCKC	1945 - 1953
2	Trần Văn Lớn	Chủ tịch UBHC	1953 - 1955
3	Đỗ Văn Cát	Chủ tịch UBHC	1955 - 1957
4	Vũ Văn Tiến	Chủ tịch UBHC	1957 - 1960
5	Đỗ Văn Lượng	Chủ tịch UBHC	1960 - 1965
6	Nguyễn Văn Học	Chủ tịch UBHC	1965 - 1967
7	Nguyễn Tô Phẩm	Chủ tịch UBHC	1967 - 1972
8	Nguyễn Minh Tiến	Chủ tịch UBHC	1972 - 1973
9	Nguyễn Xuân Tình	Chủ tịch UBHC	1973 - 1975
10	Hoàng Văn Thịnh	Chủ tịch UBHC Chủ tịch UBND	1975 - 1976 1976 - 1977
11	Vũ Minh Cách	Chủ tịch UBND	1977 - 1979
12	Nguyễn Văn Hình	Chủ tịch UBND	1979 - 1983
13	Trần Đức Kha	Quyền CT.UBND	1983 - 1984
14	Phạm Tú Nguyên	Chủ tịch UBND	1984 - 1989
15	Vũ Minh Cách	Chủ tịch UBND	1989 - 1999
16	Nguyễn Chân Chính	Chủ tịch UBND	1999 - 2009
17	Hoàng Xuân Chiến	Chủ tịch UBND	2009 - Đến nay

DANH SÁCH ĐẢNG VIÊN
XÃ CÁT NÊ ĐƯỢC NHẬN HUY HIỆU ĐẢNG
(Tính đến ngày 31/12/2014)

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Quê quán</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Năm vào Đảng</i>
<i>Huy hiệu 65 năm tuổi Đảng</i>				
1	Nguyễn Kim Thu	Cát Nê	1922	1947
2	Đoàn Thị Long	Xuân Thủy - Xuân Trường - Nam Định	1927	1948
3	Vũ Văn Thành	Vạn Thọ - Đại Từ	1927	1948
4	Đỗ Văn Tường	Trung Trắc - Văn Lâm - Hưng Yên	1930	1949
5	Lưu Văn Cân	Vĩnh Thịnh - Vĩnh Lộc - Thanh Hóa	1928	1949
6	Nguyễn Văn Ngại	Từ Nghĩa - Quảng Ngãi	1923	1949
<i>Huy hiệu 60, 55 năm tuổi Đảng</i>				
1	Hồng Văn Thịnh (60 năm)	Cát Nê	1937	1954
2	Đỗ Văn Hồng*	Cát Nê	1925	1954
3	Nguyễn Tông**	TT Quân Chu	1926	1949
4	Đình Lương Dân**	Cát Nê	1933	1959
<i>Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng</i>				
1	Nguyễn Văn Học*	Cát Nê	1929	1947
2	Dương Thái Ninh*	Cát Nê	1910	1947

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Quê quán</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Năm vào Đảng</i>
3	Vũ Văn Nhân*	Cát Nê	1911	1947
4	Đỗ Văn Lượng*	Cát Nê	1921	1948
5	Nguyễn Văn Ốc*	Cát Nê	1914	1948
6	Đỗ Văn Cát*	Trung Trắc - Văn Lâm - Hưng Yên	1928	1954
7	Phạm Thị Như	Cát Nê	1928	1955
8	Trần Phát	Cát Nê	1935	1960
9	Hoàng Đình Khánh	Cát Nê	1934	1962
10	Vũ Minh Thuật	Cát Nê	1939	1962
11	Phạm Văn Phan	Mộc Nam - Duy Tiên - Hà Nam	1928	1962
12	Lý Xuân Dục	Cát Nê	1940	1962
13	Đỗ Thành Huấn	Cát Nê	1936	1963
14	Nguyễn Trọng	Cát Nê	1937	1964
<i>Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng</i>				
1	Hoàng Hải Sơn*	Lương Điền - Cẩm Giàng - Hải Dương	1898	1946
2	Hà Công Hoạch*	Cát Nê	1908	1946
3	Đào Văn Chính*	Vạn Thọ - Đại Từ	1917	1946
4	Trần Văn Lớn*	Cát Nê	1917	1947
5	Vũ Văn Nhâm*	Cát Nê	1911	1947

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Quê quán</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Năm vào Đảng</i>
6	Dương Văn Sáng*	Cát Nê	1909	1947
7	Hoàng Chí Tuệ*	Vạn Thọ - Đại Từ	1911	1947
8	Nguyễn Văn Chúc*	Cát Nê	1924	1948
9	Đỗ Văn Cát*	Cát Nê	1921	1948
10	Lê Thị Giáp*	Nam Tiến - Phổ Yên - Thái Nguyên	1922	1950
11	Nguyễn Huy Thao*	Hồng Châu - Thương Tín - Hà Nội	1932	1962
12	Nguyễn Văn Lan*	Cát Nê	1927	1963
13	Nguyễn Minh Tiến*	Cát Nê	1939	1963
14	Vũ Văn Vượng*	Cát Nê	1925	1963
15	Nguyễn Ngọc Sách*	Cát Nê	1934	1964
16	Đỗ Văn Khánh*	Cát Nê	1923	1964
17	Đào Văn Bộ*	Vạn Thọ - Đại Từ	1930	1965
18	Lê Văn Tuyên*	Cát Nê	1924	1966
19	Hà Văn Cửu	Cát Nê	1937	1966
20	Vũ Minh Chí	Cát Nê	1937	1966
21	Lưu Quốc Huy	Cát Nê	1948	1966
22	Đỗ Thanh Nhiều	Cát Nê	1938	1966

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Quê quán</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Năm vào Đảng</i>
23	Tống Đức Lành	Vạn Thọ - Đại Từ	1946	1967
24	Nguyễn Huy Sáu	Gia Lương - Bắc Ninh	1943	1967
25	Vũ Quang Vinh	Cát Nê	1948	1968
26	Nguyễn Thị Đáng	Cát Nê	1948	1968
27	Nhâm Văn Tuệ*	Cát Nê	1922	1968
28	Vũ Thị Chi	Trực Đạo - Trực Ninh - Nam Định	1920	1968
29	Nguyễn Thị Huyền	Cát Nê	1949	1968
30	Lưu Thị Cửi	Cát Nê	1931	1968
31	Vũ Văn Thực	Cát Nê	1929	1968
32	Vũ Minh Cách	Cát Nê	1944	1968
33	Nguyễn Văn Luyện	Cát Nê	1947	1968
34	Lại Việt Thanh*	Cát Nê	1939	1968
35	Nguyễn Thế Tình	Cát Nê	1928	1968
36	Dương Hùng Phúc	Cát Nê	1946	1969
37	Vũ Văn Tèo	Cát Nê	1949	1970
38	Trần Đức Kha	Cát Nê	1939	1970
39	Nguyễn Thế Điều	Cát Nê	1949	1970
40	Nguyễn Chân Chính	Cát Nê	1948	1971
41	Nguyễn Xuân Thìn	Cát Nê	1952	1972
42	Vũ Minh Thu	Cát Nê	1945	1972

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Quê quán</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Năm vào Đảng</i>
43	Dương Mạnh Thành	Cát Nê	1927	1973
44	Phạm Tứ Nguyên	Cát Nê	1950	1973
45	Nguyễn Hồng Phúc	Cát Nê	1952	1973
46	Đỗ Văn An	Cát Nê	1944	1974
47	Nguyễn Thị Nghị	Tứ Dân - Khoái Châu - Hưng Yên	1942	1974
<i>Huy hiệu 30 năm tuổi Đảng</i>				
1	Nguyễn Tô Phẩm*	Cát Nê	1925	1963
2	Vũ Tiến Văn	Cát Nê	1931	1966
3	Ngô Văn Cận**	Vạn Thọ - Đại Từ	1930	1967
4	Hà Văn Môn**	Cát Nê	1947	1968
5	Hà Văn Ban*	Cát Nê	1925	1968
6	Trần Công Nguyên**	Cát Nê	1940	1974
7	Đỗ Thị Toàn	Cát Nê	1950	1974
8	Đỗ Thị Thập*	Cát Nê	1950	1974
9	Nguyễn Tiến Thìn	Vạn Thọ - Đại Từ	1952	1975
10	Nguyễn Văn Thật	Cát Nê	1950	1975
11	Đỗ Văn Vinh	Cát Nê	1953	1975
12	Nguyễn Thế Áo	Cát Nê	1945	1975
13	Dương Công Vượng	Cát Nê	1954	1979

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Quê quán</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Năm vào Đảng</i>
14	Đỗ Giang Thanh	Cát Nê	1959	1980
15	Dương Văn Đông	Yên Thắng - Tam Điệp - Ninh Bình	1959	1980
16	Trần Văn Sinh	Cát Nê	1952	1980
17	Nguyễn Văn Thụ	Cát Nê	1957	1981
18	Trần Văn Quý	Cát Nê	1956	1982
19	Dương Công Luận	Cát Nê	1957	1982
20	Nguyễn Văn Quyết	Cát Nê	1964	1984
21	Tăng Văn Chấn	Trực Đạo - Trực Ninh - Nam Định	1958	1984

⁽¹⁾ Dấu * chỉ các đồng chí đã qua đời, dấu ** chỉ các đồng chí được truy tặng.

**DANH SÁCH
CHỦ TỊCH MẶT TRẬN TỔ QUỐC
XÃ CÁT NÊ CÁC THỜI KỲ⁽¹⁾**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>
1	Hà Văn Tuyết	3/1945 - 3/1946
2	Nguyễn Tô Phẩm	
3	Nguyễn Gia Cát	
4	Hoàng Văn Thịnh	1984 - 1987
5	Trần Đức Kha	03/1987 - 03/1997
6	Dương Văn Đông	04/1997 - Đến nay

⁽¹⁾ Do tư liệu lưu trữ và nhân chứng sống mai một nên Ban sưu tầm chưa liệt kê được đầy đủ các đồng chí làm trưởng ngành, đoàn thể trong phần phụ lục cuốn sách. Vì thế mốc thời gian bắt đầu liệt kê ở các bảng phụ lục cũng có sự khác nhau. Ban sưu tầm chưa liệt kê đầy đủ, liên tục quá trình công tác của các đồng chí là Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, Chủ tịch Hội Phụ nữ, Bí thư Đoàn Thanh niên.

**DANH SÁCH
CHỦ TỊCH HỘI PHỤ NỮ
XÃ CÁT NÊ CÁC THỜI KỲ**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>
1	Hoàng Thị Kế	
2	Nguyễn Thị Sơn	
3	Ngô Thị Chứ	
4	Vũ Thị Hồi	1954 - 1957
5	Lê Thị Giáp	1957 - 1961
6	Vũ Thị Chi	1961 - 1971
7	Hà Thị Tình	1971 - 1975
8	Vũ Thị Chi	1975 - 1977
9	Lưu Thị Cửi	1977 - 1984
10	Vũ Thị Lượm	1984 - 1989
11	Đỗ Thị Toàn	1989 - 1998
12	Nguyễn Thị Bình	1998 - Đến nay

DANH SÁCH BÍ THƯ ĐOÀN THANH NIÊN XÃ CÁT NÊ CÁC THỜI KỲ

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>
1	Phạm Văn Trúc	
2	Dương Văn Khóa	
3	Đình Lương Dân	
4	Đỗ Thành Huấn	1956 - 1958
5	Dương Công Nha	1958 - 1961
6	Nguyễn Ngọc Sách	1961 - 1968
7	Dương Mạnh Thành	1968 - 1969
8	Nguyễn Thị Nghĩa	1969 - 1970
9	Phạm Thị Lý	1971 - 1972
10	Hà Thị Tình	1972 - 1976
11	Vũ Quang Vĩnh	1976 - 1977
12	Nguyễn Chân Chính	1977 - 1980
13	Tống Đức Trường	1980 - 1983
14	Nguyễn Văn Thụ	1983 - 1987
15	Nguyễn Văn Quyết	1987 - 2000
16	Trần Văn Hoa	2000 - 2002
17	Vũ Ngọc Chiêu	2002 - 2009
18	Trần Nhật Thăng	2009 - Đến nay

**DANH SÁCH CHỦ TỊCH HỘI NÔNG DÂN
XÃ CÁT NÊ CÁC THỜI KỲ**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>
1	Dương Mạnh Thành	1984 - 1989
2	Nguyễn Văn Hình	1989 - 1992
3	Vũ Minh Thuật	1992 - 1994
4	Nguyễn Văn Chung	1994 - 2002
5	Hoàng Xuân Chiến	2002 - 2006
6	Nguyễn Duy Trường	2006 - Đến nay

**DANH SÁCH
CHỦ TỊCH HỘI CỰU CHIẾN BINH XÃ CÁT NÊ
CÁC THỜI KỲ**

<i>Stt</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Thời gian công tác</i>
1	Vũ Văn Tèo	1992 - 1998
2	Lý Xuân Dục	1998 - 2001
3	Nguyễn Hồng Phúc	2001 - 2006
4	Lê Quang Chung	2006 - 2012
5	Vũ Minh Việt	2012 - Đến nay

TAI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Đức Cường: *Địa chí Thái Nguyên*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2009.

2. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995 - 1996.

3. *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002.

4. *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia Hà Nội, 1995.

5. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập I (1936 - 1965)*”, Xí nghiệp in Bắc Thái, 2003.

6. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên tập II (1965 - 2000)*, Công ty in Thái Nguyên, 2005.

7. *Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ tập I (1930 - 1954)*, 1991.

8. *Lịch sử Đảng bộ huyện Đại Từ, tập II (1955 - 1995)*, 2000.

9. *Lịch sử Đảng bộ xã La Bằng (1936 - 2010)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010.

10. *Lịch sử Đảng bộ xã Tân Thái (1945 - 2010)*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2012.

11. Nguyễn Duy Tiến: *Quá trình thực hiện quyền sở hữu ruộng đất cho Nông dân ở Thái Nguyên (1945 - 1957)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.

12. Viện sử học Việt Nam: *Khởi nghĩa Thái Nguyên 80 năm nhìn lại*, Xí nghiệp in Thái Nguyên, 1997.

* Các văn kiện, nghị quyết, tư liệu lịch sử của Đảng bộ và chính quyền xã Cát Nê qua các thời kỳ còn lưu giữ được.

* Hội ký của các đồng chí lão thành cách mạng còn lưu giữ được.

* Một số địa chỉ báo điện tử tin cậy:

- <http://www.thainguyen.gov.vn>

- <http://www.baothainguyen.org.vn>

- <http://www.daitu.thainguyen.gov.vn>

MUÛ LƯÛC

Lời giới thiệu.....	5
Chương Mở đầu: Cát Nê - vùng đất, con người và truyền thống.....	9
I. Điều kiện tự nhiên, dân cư, xã hội và quá trình hình thành, phát triển của xã Cát Nê.....	9
II. Truyền thống văn hóa và yêu nước.....	18
Chương I: Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân trong xã đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945).....	27
I. Nhân dân Cát Nê dưới ách thống trị của thực dân Pháp.....	27
II. Nhân dân Cát Nê đấu tranh giành chính quyền trong Cách mạng tháng Tám năm 1945.....	30
Chương II: Chi bộ Đảng ra đời trực tiếp lãnh đạo nhân dân bảo vệ chính quyền và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954).....	45
I. Chi bộ Đảng ra đời, lãnh đạo nhân dân bảo vệ chính quyền cách mạng, chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 - 1946)	45

II. Chuẩn bị chiến đấu và trực tiếp chiến đấu góp phần đánh bại cuộc tấn công lên Việt Bắc của thực dân Pháp 1947..... 53

III. Đẩy mạnh xây dựng hậu phương, chi viện cho tiền tuyến (1948 - 1954)..... 59

Chương III: Chi bộ Đảng xã Cát Nê lãnh đạo nhân xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc (1954 - 1965)..... 77

I. Khôi phục kinh tế, tiến hành cải cách ruộng đất và hợp tác hóa nông nghiệp (1954 - 1960)..... 77

II. củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965)..... 92

Chương IV: Chi bộ - Đảng bộ xã Cát Nê lãnh đạo nhân dân vừa sản xuất, vừa chiến đấu, tích cực chi viện cho miền Nam đánh thắng giặc Mỹ xâm lược (1965 - 1975)..... 103

I. Vừa sản xuất, vừa chiến đấu đánh thắng chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của đế quốc Mỹ (1965 - 1968)..... 103

II. Phát triển kinh tế, xã hội, góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại lần thứ 2 bằng không quân của đế quốc Mỹ (1969 -1972)..... 115

III. Tiếp tục phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, chi viện cho sự nghiệp giải phóng miền Nam (1973 - 1975)..... 124

Chương V: Đảng bộ xã Cát Nê lãnh đạo nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa (1975 - 1985)..... 133

I. Khôi phục kinh tế và thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 - 1980)..... 133

II. Triển khai Chỉ thị 100-CT/TW trong sản xuất nông nghiệp và phát triển kinh tế, xã hội (1981 - 1985)..... 142

Chương VI: Đảng bộ xã Cát Nê lãnh đạo nhân dân bước đầu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986 - 1995) 151

I. Những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội (1986 - 1990)..... 151

II. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm, từng bước ổn định đời sống nhân dân (1991 - 1995)..... 160

Chương VII: Đảng bộ xã Cát Nê lãnh đạo nhân dân chú trọng phát triển kinh tế, xã hội thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn (1996 - 2014)..... 169

I. Thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm và phát triển kinh tế, xã hội (1996 - 2000)..... 169

II. Tiếp tục thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm đầu thế kỷ XXI (2001 - 2005)..... 180

III. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, đưa quê hương Cát Nê vững bước đi lên ngày càng giàu đẹp, văn minh (2005 - 2010).....	186
IV. Đại hội Đảng bộ xã Cát Nê lần thứ XX (2010 - 2015) và kết quả 4 năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội.....	196
Kết luận	204
Phụ lục	212
Tài liệu tham khảo	214

Đơn vị nghiên cứu, biên soạn

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ TRUYỀN THÔNG
VĂN HÓA VIỆT**

Điều hành

**Nhà báo Lê Văn Quỳnh - Giám đốc Công ty
Nhà báo Trần Đình Tú - Tổng Biên tập
Th.s Lịch sử Phùng Thị Mai - Trưởng phòng Nội dung**

Biên soạn

Th.s Lịch sử Phạm Thị Hoa

Biên tập, chế bản

**Th.s Lịch sử Trần Thị Điềm
Nguyễn Thị Mai**

Thiết kế mỹ thuật

Vũ Hoàng Anh

Giấy phép xuất bản số: 406/GP - STTTT

Do Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thái Nguyên cấp ngày: 12/5/2015

In 300 cuốn, khổ 14,5x20,5cm

tại Công ty TNHH Thương mại và bao bì dẻo can - 389 Trương Định, Hà Nội

In xong nộp lưu chiểu quý II năm 2015